PHẬT PHÁP

BOUDDHADHARMA

Số/N: 50 - 01/2015

Mừng Xuân năm mới Ất Mùi/Bonne Année 2015

Trước thềm năm mới Ất Mùi, kính chúc chư Tôn Đức:
Pháp thể an khang, chúng sinh dị độ, công viên quả mãn, Phật sự viên thành.

Đồng thời kính chúc toàn thể Quý Vị Phật tử xa gần một năm mới:
Vô lượng an lạc, bồ đề tâm tăng trưởng, chí tu học vững bền, vạn sự cát tường như ý.

ĐẠI LỄ VU LAN
CELEBRATION DE LA FÊTE ULLUMBANA

ĐẠI LỄ VU LAN

Kinh Hoa Nghiêm
Đại Phương Quảng Phật

Hoà Thượng Tuyên Hoá giảng
Hán dịch: Thật Xoa Nan Đà
Việt dịch: Tỳ Kheo Thích Minh Định

Tiếp theo kỳ trước

Lại nữa, Tri Túc Thiên Vương, được môn giải thoát, tất cả chư Phật xuất hiện ra đời, đều chuyển bánh xe pháp giáo lý viên mãn.

Vị Tri Túc Thiên Vương này thuộc về từng trời thứ tư (trời Đâu Xuất) của dục giới, vị này biết tri túc cho nên thường an lạc. Không tri túc thì luôn luôn khổ. Như Bồ Tát Di Lặc, Ngài thường tri túc cho nên Ngài luôn luôn hoan hỷ, mở miệng liền cười chẳng có sầu lo. Do đó :'' tâm rộng thể mập'', tôn dung của Ngài đầu to tai lớn, mặt đầy sự hoan hỷ vui cười, bụng to lớn, chịu đựng được những việc thiên hạ không thể chịu đựng được. Bất cứ ai biết tri túc thì dù nghèo cũng an vui. Nay có bài thơ tả về sự không biết đủ :

''Suốt ngày bận rộn chỉ vì đói
Vừa mới ăn no nghĩ áo quần
Cơm áo hai thứ đều đầy đủ
Lại mơ dung nhan người vợ đẹp
Hỏi được vợ đẹp sinh con cái
Hận không ruộng vườn ít đất đai
Tậu được nhiều ruộng lắm đất đai
Ra vào không kiệu chẳng ngựa cưỡi
Mua được một số lừa và ngựa
Lại than chẳng được làm quan bị người khinh
Được làm quan huyện hiềm còn nhỏ
Lại muốn làm vua trong thiên hạ.''

Đó là hình dung của người tham lam không biết chán. Không bao giờ biết đủ.
Vị Thiên Vương này đắc được môn giải thoát : tất cả chư Phật trong mười phương ba đời, xuất hiện ra đời chuyển pháp luân giáo lý viên mãn.

Giáo lý viên mãn là gì ? Căn cứ theo Hiền Thủ Giáo thì phân làm : Tiểu giáo, thủy giáo, chung giáo, đốn giáo, viên giáo. Tiểu, thủy, chung ba giáo này là bán tự giáo. Đốn, viên hai giáo này là viên mãn giáo. Căn cứ theo Thiên Thai Giáo thì phân làm tạng giáo, thông giáo, biệt giáo, viên giáo. Tạng, thông hai giáo này là bán tự giáo, biệt giáo là đối với bán tự giáo nói rõ mãn tự giáo, viên giáo là mãn tự giáo. Thiên Thai Giáo còn có đốn, tiệm, bí mật, bất định bốn giáo, đây là thuộc về bất viên giáo.

Những gì nói bây giờ là giáo lý viên mãn tức là viên giáo. Chuyển bánh xe pháp giáo lý viên mãn, tức là pháp đại thừa. Kinh điển đại thừa là gì ? Như : Kinh Hoa Nghiêm, Kinh Pháp Hoa, Kinh Niết Bàn, Kinh Lăng Nghiêm, Kinh Lăng Già, Kinh Kim Cang, Kinh Di Đà .v.v., đều là pháp đại thừa. Vị Thiên Vương này đắc được môn giải thoát chuyển bánh xe pháp giáo lý viên mãn.

Hỷ Lạc Hải Kế Thiên Vương, được môn giải thoát, thân thanh tịnh quang minh tận cõi hư không.

Vị Hỷ Lạc Hải Kế Thiên Vương này hoan hỷ và khoái lạc phi thường. Vị này đắc được cảnh giới, trí huệ thân thanh tịnh quang minh, tận cõi hư không, và còn hiểu được pháp thân của Phật, tận hư không khắp pháp giới, quang minh chiếu sáng khắp tất cả.

Tối Thắng Công Đức Tràng Thiên Vương, được môn giải thoát, biển nguyện thanh tịnh, tiêu diệt khổ của thế gian.

Vị Tối Thắng Công Đức Tràng Thiên Vương này đầy đủ công đức thù thắng nhất, giống như tràng báu cho nên được tên này.

Khổ thế gian có ba sự khổ, tám sự khổ, vô lượng sự khổ, những sự khổ này không dễ gì tiêu diệt được. Nhưng vị Thiên Vương này tiêu diệt được những sự khổ này, còn phát nguyện thanh tịnh nhiều như nước trong biển, đó là môn giải thoát

vị này đắc được.

Nay giải thích ba sự khổ, tám sự khổ và vô lượng sự khổ. Ba sự khổ tức là khổ khổ, hoại khổ và hành khổ.

1. Khổ khổ : Là khổ của người nghèo. Tuy nhiên ăn không được no, mặc không đủ ấm, nhưng vẫn có nhà để ở, một ngày nọ chẳng may bị cháy, không nhà để ở, đó là sự khổ trong sự khổ.

2. Hoại khổ : Là khổ của người giàu. Buôn bán chẳng may bị thua lỗ, hoặc nhà cửa bị cháy, tài sản bị cháy sạch, hoặc bị trộm cướp, tất cả đều mất hết, đó là khổ về sự hủy hoại.

3. Hành khổ : Chẳng phải khổ khổ của người nghèo, cũng chẳng phải hoại khổ của kẻ giàu, mà là khổ về sinh già bệnh chết của con người. Là con người đến lúc thì sinh già bệnh chết đều đến để tìm phiền não, chính mình chẳng làm chủ được, đó là hành khổ.

Tám sự khổ là sinh, già, bệnh, chết, ái biệt ly, oán tắng hội, cầu bất đắc, ngũ ấm xí thạnh.

1. Khổ về sinh : Sinh khổ như thế nào ? Khi sinh ra thì giống như rùa bị lột mu, sự khổ không thể nói được.

2. Khổ về già : Về già thì tai điếc, mắt mù, tay chân yếu ớt, bạn nói khổ chăng ?

3. Khổ về bệnh : Bệnh thì toàn thân đau khổ, không tự tại, cũng rất khổ.

4. Khổ về chết : Chết thì giống như bò bị lột da, khó mà tả được. Lúc này dù muốn niệm Phật, cũng niệm không ra. Cho nên lúc bình thường phải niệm Phật cho nhiều, huấn luyện thành tự nhiên, thành tập quán, đến khi lâm chung thì tâm miệng nhớ niệm Phật, không bị hoảng hốt.

5. Khổ về ái biệt ly : Khi người thân sinh ly tử biệt là việc đau khổ nhất của con người.

6. Khổ về ghét mà gặp nhau : Người mà bạn không thích, ghét mà thường gặp, đó cũng là một nỗi khổ.

7. Khổ về cầu không được : Cầu tài không được tài, cầu danh không được danh, cầu con cái không được cũng khổ.

8. Khổ về năm ấm xí thạnh : Sắc, thọ, tưởng, hành, thức năm ấm này giống như lửa lớn thiêu đốt, khiến cho bạn không được tự tại mát mẻ cũng là khổ.

Vô lượng khổ tức là khổ không nói hết được. Thế giới Ta Bà này đầy dẫy sự thống khổ, nhưng chúng sinh thế giới này lấy khổ làm vui, còn không muốn ra khỏi tam giới, thật đáng thương xót !

Tịch Tĩnh Quang Thiên Vương, được môn giải thoát, khắp hiện thân để thuyết pháp.

Vị Tịch Tĩnh Quang Thiên Vương này ở trong định phóng ra trí huệ quang minh, thấy Phật hiện thân khắp các nơi, vì chúng sinh mà thuyết pháp, đó là môn giải thoát của vị này đắc được.

Thiện Mục Thiên Vương, được môn giải thoát, tịnh khắp tất cả cõi chúng sinh.

Vị Thiện Mục Thiên Vương này, dùng mắt từ bi xem chúng sinh, rất có thiện duyên với chúng sinh. Vị này minh bạch đức Phật, khiến cho chúng sinh từ nhiễm ô chuyển thành thanh tịnh, từ ngu si chuyển thành trí huệ, từ kiêu ngạo chuyển thành khiêm nhường, từ tham sân chuyển thành từ bi, đó là môn giải thoát của vị này đắc được.

Bảo Phong Nguyệt Thiên Vương, được môn giải thoát, vô tận tạng thường hiện tiền giáo hóa khắp thế gian.

Vị Bảo Phong Nguyệt Thiên Vương hiểu đức Phật giáo hóa khắp tất cả chúng sinh thế gian, thường hiện ở trước mặt chúng sinh, dùng pháp môn vô tận tạng để giáo hóa chúng sinh vô tận, đó là môn giải thoát của vị này đắc được.

Dũng Kiện Lực Thiên Vương, được môn giải thoát, khai thị tất cả cảnh giới thành Chánh Giác của chư Phật.

Vị Dũng Kiện Lực Thiên Vương này rất dũng mãnh và cường kiện, sức lực của vị này hàng phục được tất cả thiên ma ngoại đạo, đắc được môn giải thoát cảnh giới tất cả Phật thành chánh giác.

Phật tu thành chánh giác như thế nào ? Khi vị Phật này thành chánh giác, có cảnh giới gì ? Vị Phật kia thành chánh giác, có cảnh giới gì ? Vị Thiên Vương này đều hiểu rõ.

Kim Cang Diệu Quang Thiên Vương, được môn giải thoát, khiến tâm bồ đề của tất cả chúng sinh, kiên cố không thể hoại.

Vị Kim Cang Diệu Quang Thiên Vương phát bồ đề tâm kiên cố như kim cang, vĩnh viễn không thối bồ đề tâm. Và có diệu quang kim cang trí huệ, vị này đắc được chư Phật kiên cố tất cả bồ đề tâm chúng sinh, khiến cho không thối chuyển, bồ đề tâm này kiên cố như kim cang, chẳng có cách chi có thể phá hoại, đó là môn giải thoát của vị này đắc được.

Tinh Tú Tràng Thiên Vương, được môn giải thoát, tất cả chư Phật xuất hiện ra đời, đều gần gũi quán sát phương tiện điều phục chúng sinh.

Vị Tinh Tú Tràng Thiên Vương này, đắc được cảnh giới tất cả chư Phật xuất hiện ra đời, thì đều gần gũi chư Phật, để nghe pháp và quán sát pháp của chư Phật tu hành. Chúng sinh khó điều khó phục, nhưng tất cả chư Phật điều phục được tất cả chúng sinh cang cường, dùng đủ thứ phương tiện pháp môn để điều phục, khiến cho chúng sinh cải ác hướng thiện, chí công vô tư, đó là môn giải thoát của vị Thiên Vương này đắc được.

Diệu Trang Nghiêm Thiên Vương, được môn giải thoát, tùy cơ ứng hiện, một niệm biết được tâm chúng sinh.

Vị Diệu Trang Nghiêm Thiên Vương vừa trang nghiêm vừa vi diệu, vị này minh bạch được chư Phật trong khoảng một niệm, biết được tâm chúng sinh, tùy sở thích của chúng sinh mà hiện thân, vì chúng sinh thuyết pháp, giáo hóa chúng sinh, khiến cho chúng sinh, toại tâm mãn nguyện, đó là môn giải thoát của vị này đắc được.

Bấy giờ, Tri Túc Thiên Vương nương oai lực của Đức Phật, quán sát khắp tất cả Thiên chúng trời Tri Túc mà nói kệ rằng.

Lúc đó, vị Tri Túc Thiên Vương, nương đại oai đức thần thông lực của chư Phật, quán sát khắp tất cả Thiên chúng trời Tri Túc (trời Đâu Xuất) mà nói kệ rằng :

Như Lai rộng lớn khắp pháp giới
Nơi các chúng sinh đều bình đẳng
Ứng khắp quần sinh xiển diệu môn
Khiến vào pháp thanh tịnh khó lường.

''Như Lai rộng lớn khắp pháp giới.'' Pháp thân của Phật rộng lớn cho nên đến khắp pháp giới.
''Nơi các chúng sinh đều bình đẳng.'' Tuy nhiên pháp thân của Phật đến khắp pháp giới, nhưng đều bình đẳng với tất cả chúng sinh, do đó : ''Tâm, Phật, chúng sinh, cả ba không khác biệt.''
''Ứng khắp quần sinh xiển diệu môn.'' Ứng khắp căn cơ của chúng sinh, để nói rõ tất cả pháp môn vi diệu không thể nghĩ bàn.
''Khiến vào pháp thanh tịnh khó lường.'' Khiến cho tất cả chúng sinh, nhập vào trong pháp môn thanh tịnh không thể nghĩ bàn, đắc được khoái lạc vô thượng, đắc được đại giác viên mãn, đó là bản hoài của tất cả chư Phật.

Thân Phật hiện khắp trong mười phương
Vô trước vô ngại không thể lấy
Đủ thứ sắc tướng thảy đều thấy
Hỷ Kế Thiên Vương được môn này.

''Thân Phật hiện khắp trong mười phương.'' Pháp thân của Phật, hiện khắp cõi nước chư Phật trong mười phương, để giáo hóa tất cả chúng sinh, khiến cho tất cả chúng sinh, phát vô thượng bồ đề tâm, thành vô thượng bồ đề quả.

Đức Phật chẳng phải cố ý biểu hiện thần thông, mà là vì giáo hóa tất cả chúng sinh, khiến cho họ sớm thành Phật đạo, cho nên mới thị hiện đủ loại thần thông diệu dụng không thể nghĩ bàn.
''Vô trước vô ngại không thể lấy.'' Tuy nhiên Phật thị hiện thần thông diệu dụng, nhưng chẳng chấp trước về thần thông diệu dụng, cũng chẳng chấp trước về chân không và cũng không ngại diệu hữu, do đó :

''Vô trước nơi chân không, cho nên có diệu dụng;
Vô ngại nơi diệu dụng, cho nên có chân không.''

Chân không diệu hữu là không thể lấy không thể bỏ, tức là giữ lấy chẳng đặng mà xả cũng chẳng đặng, đó là cảnh giới chân không diệu hữu.
''Đủ thứ sắc tướng thảy đều thấy.'' Vì quan hệ diệu hữu, cho nên Phật có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, chúng sinh thế gian đều có thể nhìn thấy được.
''Hỷ Kế Thiên Vương được môn này.'' Cảnh giới môn giải thoát này, vị Hỷ Lạc Hải Kế Thiên Vương đắc được. (còn tiếp)

KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA

Hoà Thượng Tuyên Hoá giảng
Hán dịch : Pháp sư Cưu Ma La Thập
Việt dịch : Tỳ Kheo Thích Minh Định

Tiếp theo kỳ trước

Chỗ trời người cúng dường
Hiện tại mười phương Phật
Số đông như Hằng sa
Xuất hiện nơi thế gian.
Vì yên ổn chúng sinh
Cũng nói pháp như thế
Biết tịch diệt bậc nhất
Vì dùng sức phương tiện.
Tuy bày nhiều thừa pháp
Thật tế vì Phật thừa
Biết các hạnh chúng sinh
Nghĩ tưởng trong thâm tâm.
Nghiệp nhiễm trong quá khứ
Tánh dục sức tinh tấn
Và các căn lợi độn
Dùng đủ thứ nhân duyên.
Thí dụ và lời lẽ
Tùy theo phương tiện nói.

"Chỗ trời người cúng dường" : Chỗ đáng cúng dường của trời người. "Hiện tại mười phương Phật, số đông như Hằng sa". "Xuất hiện nơi thế gian, vì yên ổn Chúng sinh" : Vì muốn khiến cho chúng sinh đều đắc được an lạc. "Cũng nói pháp như thế" : Cũng nói bộ Kinh Diệu Pháp Liên Hoa nầy. "Biết tịch diệt bậc nhất" : Phật biết pháp thật tướng, là tịch diệt bậc nhất. "Vì dùng sức phương tiện" : Nếu ban đầu mà Phật nói diệu lý thật tướng, thì chẳng có ai hiểu, cho nên trước hết dùng đủ thứ sức phương tiện khéo léo, vì thật thí quyền. "Tuy bày nhiều thừa pháp" : Tuy khai thị đủ thứ pháp môn, đủ thứ đạo lý. "Thật tế vì Phật thừa" : Mục đích cứu kính là vì nói Phật thừa, khiến cho chúng sinh đều đặng thành Phật. "Biết các hạnh chúng sinh" : Phật cũng biết tất cả hạnh nghiệp của chúng sinh. "Nghĩ tưởng trong thâm tâm" : Cũng minh bạch trong tâm chúng sinh, nghĩ những gì tưởng những gì. "Nghiệp nhiễm trong quá khứ" : Tất cả đều là nghiệp quả tập nhiễm của chúng sinh trong quá khứ. "Tánh dục sức tinh tấn" : Sức dục niệm tinh tấn của họ. "Và các căn lợi độn" : Còn có sự khác biệt về căn tánh của chúng sinh, có người lợi căn có người độn căn, Phật đều biết đều thấy. "Dùng đủ thứ nhân duyên" : Phật dùng đủ thứ nhân duyên. "Ví dụ và lời lẽ" : Ví dụ và lời lẽ. "Tùy theo phương tiện nói" : Tùy thuận căn tánh của chúng sinh mà ứng cơ thuyết pháp. Ví như : đối với chúng sinh cang cường khó điều phục, thì Phật dùng pháp môn từ bi, để cảm hóa họ, đối với chúng sinh ngu si, thì nói Bát Nhã khiến cho họ khai mở trí huệ, đối với chúng sinh tán loạn, thì dạy họ tu thiền định, đối với chúng sinh giải đãi, thì kêu họ tu tinh tấn, đối với chúng sinh phạm giới, thì bảo họ phải giữ giới, đối với chúng sinh tham lam, thì dạy họ tu bố thí. Tóm lại, dùng đủ thứ pháp môn phương tiện, để giáo hóa chúng sinh.

Nay ta cũng như thế
Vì yên ổn chúng sinh.
Dùng đủ thứ pháp môn
Mở bày nơi Phật đạo
Ta dùng sức trí huệ
Biết tính chúng sinh muốn.
Phương tiện nói các pháp
Đều khiến được vui mừng
Xá Lợi Phất nên biết !
Ta dùng mắt Phật xem.
Thấy sáu đường chúng sinh
Bần cùng chẳng phước huệ
Vào đường hiểm sinh tử
Khổ liên tục chẳng dứt.
Chấp sâu nơi năm dục
Như trâu mao mến đuôi
Bởi tham ái tự che
Đuôi mù chẳng thấy được.

Chẳng cầu thế của Phật
Và pháp diệt trừ khổ
Vào sâu các tà kiến
Lấy khổ muốn bỏ khổ.
Phật vì chúng sinh nầy
Mà sinh tâm đại bi.

"Nay ta cũng như thế" : Ta Thích Ca Mâu Ni nói pháp, cũng như chư Phật ba đời quá khứ hiện tại và vị lai. "Vì yên ổn chúng sinh" : Muốn khiến cho tất cả chúng sinh, đều đắc được yên ổn khoái lạc. "Dùng đủ thứ pháp môn, mở bày nơi Phật đạo". "Ta dùng sức trí huệ" : Ta dùng sức trí huệ chân thật của Phật. "Biết tánh dục chúng sinh" : Đối với tánh dục của tất cả chúng sinh rõ như chỉ bàn tay. "Phương tiện nói các pháp" : Hay dùng đủ thứ phương tiện pháp môn để giáo hóa chúng sinh. "Đều khiến được vui mừng" : Khiến cho họ pháp hỷ sung mãn, đắc được chân chánh khoái lạc.

"Xá Lợi Phất nên biết" : Xá Lợi Phất ông nên biết. "Ta dùng mắt Phật xem, thấy sáu đường chúng sinh" : Thấy tất cả chúng sinh trong sáu nẻo. "Bần cùng chẳng phước huệ" : Chúng sinh trong sáu nẻo, đều mê hoặc chẳng giác ngộ, vì chẳng có trí huệ, chẳng có phước báu. Tại sao chẳng có phước báu, chẳng có trí huệ ? Vì chẳng hiểu Phật pháp, cho nên bần cùng. Vậy phước huệ từ đâu mà có ? Do tu đạo mà có. Sáu đường chúng sinh chẳng hiểu Phật pháp, thật là đáng thương xót. "Vào đường hiểm sinh tử" : Một khi mà vào trong đường hiểm ác sinh tử, tuần hoàn không ngừng, thì thật là nguy hiểm vô cùng. Dó đó :

"Một khi mất thân người,
Vạn kiếp khó được lại".

Một lần nọ, Đức Phật bốc một ít đất bỏ vào trong lòng bàn tay, hỏi Ngài A Nan : "Đất ở trong tay của ta nhiều, hay đất ngoài đại địa nhiều ?" Ngài A Nan đáp : "Đất ngoài đại địa nhiều, đất ở trong tay của Phật ít." Đức Phật nói : "Được thân người như đất trong lòng bàn tay, mất thân người như đất ngoài đại địa." Có thể thấy, vào đường hiểm sinh tử thật là nguy hiểm !

"Khổ liên tục không ngừng" : Liên tục tức là đời nầy nối tiếp đời sau, thay đổi liên tiếp nhân khổ, quả khổ, báo khổ, chẳng gián đoạn. "Chấp sâu nơi năm dục" : Vì sao khổ nầy chẳng gián đoạn ? Vì chúng sinh chấp trước thâm sâu nơi năm dục : Tài, sắc, danh, ăn, ngủ, tức cũng là sắc, thanh, hương, vị, xúc, năm thứ dục trần. "Như trâu mao mến đuôi, bởi tham ái tự che" : Trâu mao là một giống trâu, bản tánh của nó rất thích cái đuôi của nó, cho nên nó luôn luôn bảo vệ đuôi của nó, bởi thế nên có nhiều người sinh tâm tham muống được nó, cuối cùng trâu mao vì bảo vệ đuôi của nó mà mất mạng. "Đuôi mù chẳng thấy được" : Đuôi mù đen tối chẳng thấy được gì. "Chẳng cầu thế của Phật" : Người chẳng có trí huệ, giống như kẻ mù. Nếu chẳng có thiện trí thức dẫn dắt, thì giống như ở trong bóng tối, chẳng thấy được ánh sáng, chẳng biết gì cả, họ cũng chẳng cầu Phật trợ giúp họ. Phật có thế lực rất lớn, hay cứu tất cả khổ nạn của chúng sinh. "Và pháp diệt trừ khổ" : Hoặc là cầu Phật chỉ bày phương pháp dứt khổ. "Vào sâu các tà kiến" : Vì họ chẳng cầu trí huệ, tự cho rằng đúng, cho nên đui mù dẫn dắt bọn tùy tùng, lâu dần thì vào sâu các tà kiến. Con người, có lúc rất kì lạ, bạn dạy họ chánh pháp, dạy đi dạy lại họ học cũng chẳng vào. Nếu dạy họ tà pháp, thì chỉ dạy một lần thì họ lãnh hội. Đó là nguyên nhân gì ? Vì đời đời kiếp kiếp đã chấp chặt vào tà kiến, cho nên học pháp tà rất dễ dàng, còn chánh pháp thì chúng ta đã lìa nó quá xa, do đó dù có học cũng chẳng dễ gì nhớ được. "Lấy khổ muốn bỏ khổ" : Muốn bỏ hết các thứ khổ của mình đi, thật là việc chẳng dễ dàng. Trước hết, phải minh bạch gì là gốc khổ của sự khổ ? Vô minh là gốc rễ của khổ. Do đó, "đủ thứ vô minh là gốc khổ, gốc khổ trừ sạch tồn căn lành, bằng sức oai thần kiếm trí huệ, vượt khỏi luân hồi trong sáu đường". Vô minh là gốc khổ, nếu bạn đoạn trừ sạch vô minh, thì gốc khổ cũng dứt. Làm cách nào mới đoạn được vô minh ? Chỉ dùng thanh kiếm trí huệ của chính bạn, nếu bạn biết dùng kiếm trí huệ, thì có thể chặt đứt gốc rễ vô minh, chặt đứt gốc rễ vô minh, mới có thể vượt ra khỏi luân hồi. "Phật vì chúng sinh nầy" : Phật vì những người đang trôi nổi ở trong biển khổ, chúng sinh khổ nạn chẳng có ngày ra. "Mà sinh tâm đại bi" : Phật sinh ra nguyện lực đại từ đại bi để cứu độ tất cả chúng sinh.

Xưa ta ngồi đạo tràng
Xem cây cũng kinh hành.
Trong hai mươi mốt ngày
Suy nghĩ việc như vầy :
Trí huệ mà ta được
Rất nhiệm mầu bậc nhất.
Các chúng sinh độn căn
Tham vui si làm mù

Những loại người như thế
Làm sao mà độ được !
Lúc đó, có Phạm Vương
Và các trời Đế Thích
Bốn Thiên Vương hộ đời
Cùng trời Đại Tự Tại.
Và các chúng trời khác
Quyến thuộc trăm ngàn vạn
Cung kính chắp tay lễ
Thỉnh ta chuyển pháp luân.
Ta liền tự suy nghĩ :
Nếu chỉ khen Phật thừa
Chúng sinh đắm nơi khổ
Không thể tin pháp nầy.
Vì phá pháp chẳng tin
Đọa trong ba đường ác
Ta thà không nói pháp
Mau vào cõi Niết bàn.

"Xưa ta ngồi đạo tràng" : Đức Phật nói : Ta ban đầu ngồi bốn mươi chín ngày, dưới cội Bồ Đề đạo tràng thành Phật thì, "Xem cây cũng kinh hành" : Ta thành Phật rồi, ngồi dưới cội bồ đề quán sát nhân duyên trong quá khứ và trong tương lai, có lúc cũng đi kinh hành. Đi kinh hành là gì ? đi kinh hành tức là đi chung quanh cây, để vận động và nhiếp tâm, khiến cho tâm chẳng tán loạn. Tâm của Phật vốn chẳng tán loạn, cần gì phải đi kinh hành ? Sở dĩ Phật làm như thế, là vì chúng sinh sau nầy cũng tu hành theo như thế. "Trong hai mươi mốt ngày, tư duy việc như vầy" : Trong ba tuần lễ suy nghĩ việc giáo hóa chúng sinh như thế nào. "Trí huệ mà ta được" : Trí huệ mà ta đắc được. "Rất nhiệm mầu bậc nhất" : Là nhiệm mầu bậc nhất trong thiên hạ. "Các chúng sinh độn căn" : Căn cơ của chúng sinh rất ngu si ám độn. "Tham vui si làm mù" : Họ đam mê dục lạc mà biến thành ngu si. "Những loại người như thế" : Loại chúng sinh chẳng có trí huệ giống như người mù nầy. "Làm sao mà độ được" : Ta làm sao mà độ chúng được !

"Lúc đó, các Phạm Vương" : Lúc đó, Đại Phạm Thiên Vương của cõi trời sắc giới. "Và các trời Đế Thích" : Và Thiên Chúa trời Đao Lợi (Đế Thích Thiên Vương). "Tứ Thiên Vương hộ đời" : Và Tự Đại Thiên Vương bảo hộ thế giới. "Và Đại Tự Tại Thiên" : Và Thiên Chúa Ma Hê Thủ La (Đại Tự Tại Thiên Vương). "Và các Thiên chúng khác" : Và Thiên chúng các cõi trời khác. "Quyến thuộc trăm ngàn vạn" : Mỗi vị Thiên Vương suất lãnh trăm ngàn vạn quyến thuộc. "Cung kính chắp tay lễ" : Đều cung kính chắp tay làm lễ ở trước Đức Phật. "Thỉnh ta chuyển pháp luân" : Họ đều thỉnh cầu ta chuyển bánh xe pháp. "Ta liền tự suy nghĩ" : Vì nhiều chúng sinh chư Thiên thỉnh cầu Đức Phật thuyết pháp, do đó Ngài lại phải một phen suy nghĩ. "Nếu chỉ khen Phật thừa" : Nếu ta chỉ nói một Phật thừa, không nói các pháp tiểu thừa khác. "Chúng sinh đắm nơi khổ" : Nếu chúng sinh khổ biết Phật đạo lâu xa, khó khăn, phải trải qua ba đại A Tăng Kỳ kiếp mới thành Phật, đều nhìn biển mà thở dài, sợ pháp quá cao sâu mà chẳng muốn học. Ví như : Có người chưa nghe Kinh, thì chẳng sinh tâm hoan hỉ đối với Kinh, một khi thấy bộ Kinh Pháp Hoa quá dày, biết khi nào nghe cho hết ? Làm sao có nhiều thời gian để nghe ? Do đó, cũng chẳng nghe. Nếu bạn đắc được từ vị của Phật pháp, thì sẽ thấy rằng Phật pháp, chiếm địa vị quan trọng thiết yếu trong cuộc sống, thậm chí không ăn, không ngủ, cũng nhất định phải học Phật pháp. Chiếu theo quy cụ Phật giáo, nếu trong khoảng bốn mươi dặm có người tụng Kinh thuyết pháp, thì cư sĩ học Phật đều nên đi nghe Kinh. "Chúng sinh đắm nơi khổ, không thể tin pháp nầy" : Vì chúng sinh căn cơ ngu độn, nếu Phật nói ra một thừa pháp thì họ chẳng tin. "Vì phá pháp chẳng tin" : Chúng sinh chẳng những không tin, mà còn có hành vi hủy báng pháp. Đối với diệu pháp nầy, một khi sinh tâm hủy báng, thì tạo vô lượng vô biên tội lỗi. "Đọa trong ba đường ác" : Tương lai sẽ đọa vào ba đường ác : địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. "Ta thà chẳng nói pháp" : Phật sợ chúng sinh hủy báng pháp chẳng tin, mà đọa vào ba đường ác, cho nên thà chẳng nói Kinh Diệu Pháp Liên Hoa. "Mau vào cõi Niết Bàn" : Phải mau vào cõi Niết Bàn, không nên ở tại thế gian chuyển pháp luân. (còn tiếp)

Thông báo

Báo Phật Pháp kể từ số 50 này trở đi, sẽ chỉ đưa lên mạng internet, trang web: chuakimquang.com, không còn gởi qua đường bưu điện nữa.

Chú Lăng Nghiêm giảng giải

Hoà Thượng Tuyên Hoá giảng
Việt dịch : Tỳ Kheo Thích Minh Định

Tiếp theo kỳ trước

145. Thệ bà tì xà gia.

Kệ :

Chư bệnh cố hoạt y trung vương
Dược Vương Dược Thượng phóng hào quang
Phần thân cúng Phật chân tinh tấn
Nhất thiết vô trước biến thập phương.

Tạm dịch :

Cứu sống các bệnh bậc y vương
Dược Vương Dược Thượng phóng hào quang
Đốt thân cúng Phật chân tinh tấn
Hết thảy không chấp khắp mười phương.

Giảng giải : Thệ Bà còn gọi là Ký Bà là một vị thầy thuốc. Đệ tử của Ngài Mục Kiền Liên, khéo trị bệnh cho người ''Cứu sống các bệnh bậc y vương.'' Ngài chuyên trị tất cả bệnh nguyên nhân bên trong, và không phải bệnh nguyên nhân bên trong bên ngoài. Nguyên nhân của bệnh có ba thứ : Nguyên nhân bên trong, tức là : tim, gan, tỳ, vị, thận, vui, buồn, lo, nghĩ, tức giận, bi ai, sợ sệt mà sinh bệnh. Nguyên nhân bên ngoài, tức là : gió, rét, nóng, ướt, khô, lửa. Chẳng phải nguyên nhân bên trong bên ngoài, là có một chút nguyên nhân bên trong, một chút nguyên nhân bên ngoài, nhưng cũng không phải nguyên nhân bên trong, cũng không phải nguyên nhân bên ngoài. Bất cứ bệnh gì vị thầy thuốc này đều muốn cho họ sớm được bình phục. Bệnh đáng chết cũng muốn cho họ sống, đây là vua trong loài y.

''Dược Vương Dược Thượng phóng hào quang.'' Đây là Bồ Tát Dược Vương, Bồ Tát Dược Thượng phóng đại quang minh, cứu độ bệnh nhân người thế gian. Bồ Tát Dược Vương trong quá khứ đã phát nguyện đốt thân cúng Phật, đem thân của mình dùng vải hoa, ướp dầu thơm quấn khắp thân, thiêu đốt cúng dường chư Phật. Đó thật là chân tinh tấn, chân phát tâm đại bồ đề. Cho nên trong Kinh Pháp Hoa nói : ''Đó là chân tinh tấn, gọi là chân pháp cúng dường.'' Đó là khó xả mà xả được, khó hành mà hành được. Các bạn nghĩ xem, chẳng phải nói đốt thân thì đốt một ngón tay mà mình cảm thấy xả không đặng, trong tâm đau vô cùng, thế mà Bồ Tát Dược Vương đem thân thể này thiêu đốt để cúng dường Phật.

''Hết thảy không chấp khắp mười phương.'' Tại sao Ngài có thể làm như thế ? Vì Ngài thật sự minh bạch Phật pháp, thật sự hiểu tu hành như thế nào. Chân chánh hiểu được, nhìn xuyên thủng, buông xả đắc được tự tại. Tức là tại điểm này Ngài thật sự buông xả được. Chúng ta nhìn không thấu, buông xả chẳng đặng. Ngài nhìn thấu, buông xả đặng, tất cả chấp trước đều chẳng có. Cho nên tự tính của Ngài đầy khắp mười phương đồng thể với chư Phật mà ở với nhau.

146. Bạt xà la ma lễ để.

Kệ :

Kim Cang giới trung ngũ bộ Thần
Thôi toái ngoại đạo hiển kỳ năng
Bất không sự nghiệp đại duyệt Ỷ
Chứng tế quần sinh xuất khổ luân.

Tạm dịch :

Năm bộ thần trong Kim Cang giới
Phá dẹp ma ngoại hiển kỳ năng
Bất không sự nghiệp đại duyệt ý
Cứu tế quần sinh thoát khổ luân.

Giảng giải : Câu này là "Kim Cang phá dẹp". Khi Kim Cang Bồ Đề Hải (tờ báo của Vạn Phật Thành) xuất hiện, thì tất cả thiên ma ngoại đạo đều kinh sợ. Ai thấy được thì kẻ ấy đau đầu, chúng không dám mở mắt nhìn, vì quá lợi hại. Hình bìa ra mắt của Kim Cang Bồ Đề Hải là kiếm chém yêu, kỳ thứ hai là chùy hàng ma, kỳ thứ ba là lưới bắt hết thảy thiên thần, kỳ thứ tư là Bạt Xà La nhốt thiên ma ngoại đạo vào trong giam ngục. Bạn thấy Kim Cang Bồ Đề Hải nhiều lợi hại

chăng !
‘’Năm bộ thần trong Kim Cang giới.’’ Bạt Xà La là tổng các vị thần năm bộ trong Kim Cang giới.

‘’Dẹp phá ma ngoại hiển kỳ năng.’’ Ngài hay dẹp phá thiên ma ngoại đạo, hàng phục chúng, lại khiến cho chúng cải ác hướng thiện, chứ chẳng phải nói là tiêu diệt chúng, mà là giống như trải qua tác dụng hóa học, khiến cho bản tính ác của chúng cải thành thiện. Đó là tác dụng động tĩnh biến hóa. Động tức biến, biến tức hóa.

‘’Bất không sự nghiệp đại duyệt ý.’’ Ma Lễ Để dịch là "bất không sự nghiệp", lại dịch là "đại duyệt ý". Cho nên nói ‘’Cứu tế quần sinh thoát biển khổ.’’ Cứu độ tất cả chúng sinh ra khỏi biển khổ.

147. Tỳ xá lô đa.

Kệ :

Động tĩnh biến hoá ác hướng thiện
Đại dã hồng lư luyện tinh chân
Tỳ Lô Giá Na kim Cang chủ
Vi giáo chúng đẳng tác thiết hán.

Tạm dịch :

Động tĩnh biến hóa ác hướng thiện
Lò lớn hồng lô luyện tinh chân
Tì Lô Giá Na chủ Kim Cang
Vì cứu chúng sinh làm thiết hán.

Giảng giải : ‘’Động tĩnh biến hóa ác hướng thiện.’’ Phật và Bồ Tát đều đến để cảm hóa chúng sinh. Trong sự nhất động, nhất tĩnh, nhất biến, nhất hóa, khiến cho họ cải ác hướng thiện, đi về hướng tốt không đi theo hướng xấu.
‘’Lò lớn hồng lô luyện tinh chân.’’ Giống như lò lớn luyện vàng ròng.
‘’Tỳ Lô Giá Na chủ Kim Cang.’’ Phật Tỳ Lô Giá Na là Bộ chủ Kim Cang Bộ. ‘’Vì cứu chúng sinh làm thiết hán.’’

148. Bột đằng võng ca.

Kệ :

Phật Đà Thế Tôn hộ thần danh
Vệ đạo bảo đức chí công bình
Hàng phục nhất thiết tà ma quái
Quy y chánh giáo tuân lệnh hành.

Tạm dịch :

Phật Đà Thế Tôn Hộ Pháp thần
Giữ đạo gìn đức chí công bình
Hàng phục tất cả tà yêu quái
Quy y chánh giáo vâng làm theo.

Giảng giải : Câu này có oai lực gì ? Bột Đằng là "Phật Đà". Võng Ca là "Thế Tôn". Hợp lại tức là thần Hộ Pháp hộ trì Phật Đà, hộ trì Thế Tôn. Vị thần Hộ Pháp này thấy ai có đạo thì bảo hộ người đó, ai có đức hạnh thì hộ trì người đó, rất công bình. Nếu không có đức hạnh, muốn kêu Ngài bảo hộ, thì Ngài cũng không bảo hộ. Đức hạnh của mình phải sung mãn. Căn bản làm người mục đích chủ yếu là phải sung mãn đạo đức. Đạo đức không đủ, vọng tưởng tham cầu thì cầu chẳng được, dù cầu được cũng là giả, đồ hư danh ham giả tốt, chẳng phải chân thật. Bất cứ trong trường hợp nào, đều muốn có lợi, tức là căn bản không cần làm mà bạn làm. Lúc này cũng đừng tồn tại một móng tâm hy vọng tương lai thu hoạch được gì, có ích lợi gì. Cho nên :

‘’Thi ân không cầu đền đáp,
Cho người không hối tiếc.’’

Có một câu nói rằng : ‘’Người lành gặp nguy hiểm quỷ thần hộ.’’ Nhưng, có phải như thế chăng ? Đừng tồn tại thứ tâm như thế, cũng đừng nói : ‘’Tôi không mong quả báo tốt, tại sao phải làm việc thiện !’’ Đó là quá ích kỷ. Thế giới này, tại sao xấu xa ? Là vì ai ai cũng đều có sự xí đồ, làm gì cũng đều muốn mình có lợi, vì có thứ tâm tham như thế, cho nên làm cho thế giới này ngày càng xấu xa tệ hại thêm, mỗi ngày chẳng như mỗi ngày. Có câu rằng :

‘’Điều thiện mà muốn người biết,
chẳng phải là chân thiện,
Điều ác mà sợ người biết, đó là đại ác.’’

Làm việc thiện mà muốn mọi người ca ngợi, thì chẳng phải là chân thiện. Chân thiện thì chẳng mong người biết, không cần phải đi các nơi tuyên truyền chính mình. Nếu làm việc ác mà sợ người biết thì là cực ác. Cho nên nói : ‘’ Giữ đạo gìn đức chí công bình.’’ Đó là hộ pháp công bình nhất, tuyệt đối không thiên vị, chẳng nói nhân tình, chẳng nói thể diện.
‘’ Hàng phục tất cả tà yêu quái.’’ Ngài chuyên hàng phục tất cả những tà ma không chánh đáng. Tà ma là gì ? Tâm lượng của chúng sanh rất hẹp hòi, không tha thứ cho người khác. Tà ma cũng có thần thông. Tâm địa của chúng rất hẹp hòi, chẳng có độ lượng.
‘’Quy y chánh giác vâng làm theo.’’ Tất cả bàng môn tả đạo, yêu ma quỷ quái, có linh tính đều quy y chánh giáo, đều vâng lời, cũng đều tôn mạng phụng hành, kêu chúng làm gì thì chúng làm cái đó. (còn tiếp)

Chú Đại Bi giảng giải

Hoà Thượng Tuyên Hoá giảng
Việt dịch: Tỳ Kheo Thích Minh Định
Tiếp theo kỳ trước.

49. Na La Cẩn Trì

"Na La Cẩn Trì" : Cũng là tiếng Phạn, dịch ra nghĩa là "hiền ái, hiền thủ", ý nói là đứng đầu trong hàng Thánh Hiền. Còn có một ý nghĩa nữa gọi là "thiên hộ, thiên đỉnh", ý nói là khéo hộ niệm tất cả chúng sinh, khéo độ thoát chúng sinh đến quả vị tối cao.

Thủ Nhãn này gọi là "Bảo Bình Thủ Nhãn", còn gọi là "Tịnh Bình Thủ Nhãn", còn gọi là "Hồ Bình", tức cũng ở trong Cam Lồ Thủ Nhãn của Bồ Tát Quán Thế Âm, tịnh bình đựng nước cam lồ. Tịnh bình này có thể trừ khử tất cả ô uế của thế gian, vì trừ khử tất cả ô uế nên cũng bao quát hay giải trừ tất cả bệnh tật của chúng sinh, cho nên gọi là thiên hộ, thiên đỉnh. Bồ Tát tu Thủ Nhãn này cũng khéo hộ niệm tất cả chúng sinh, cho nên nếu tu Bảo Bình Thủ này thành công thì cũng có thể trợ giúp tất cả chúng sinh, giải trừ tai nạn của tất cả chúng sinh.

50. Địa Lị Sắt Ni Na.

"Địa Lị Sắt Ni Na": Câu Chú này dịch ra nghĩa là "kiên lợi", kiên là kiên cố, lợi là phong lợi, rất mau vô cùng. Còn dịch ra nghĩa là "kiếm", tức là mật bảo kiếm rất bén nhọn.

Đây là "Bảo Kiếm Thủ Nhãn". Bảo Kiếm Thủ Nhãn này có tác dụng gì ? Trước kia khi tôi dạy Bốn Mươi Hai Thủ Nhãn đã có nói qua.

Bảo Kiếm Thủ Nhãn hàng phục được tất cả lị mị, vọng lượng, quỷ thần, v.v... Bạn tu Thủ Nhãn này thành công thì tất cả thiên ma ngoại đạo, lị mị, vọng lượng đều lão thực, vì chúng sợ bảo kiếm này của bạn. Thủ Nhãn này rất là lợi hại, hay phá tan tất cả thiên ma ngoại đạo, hàng phục tất cả thiên ma ngoại đạo. Bất cứ thiên ma ngoại đạo nào nếu không nghe bạn giáo hóa thì bạn có thể dùng bảo kiếm này chém chúng, cho nên Thủ Nhãn này lợi hại vô cùng.

51. Bà Gia Ma Na.

"Bà Gia Ma Na" : Là tiếng Phạn, dịch ra có rất nhiều nghĩa. Nghĩa thứ nhất là "danh văn", vì tên của Ngài trong mười phương thế giới đều nghe, đều biết. Còn có một ý nghĩa nữa gọi là "hỉ xưng", vì mười phương chư Phật đều hoan hỉ khen ngợi kêu tên của bạn. Còn có một ý nghĩa nữa gọi là "thành danh", thành tựu tên của bạn. Còn có một ý nghĩa nữa gọi là "nhất thiết nghĩa thành tựu", tất cả mọi việc đều có thể thành tựu.
Thủ Nhãn này gọi là "Bảo Tiễn Thủ Nhãn". Bạn tu Thủ Nhãn này thì có thể khiến cho bạn mau gặp được tất cả bạn bè tốt.

52. Ta Bà Ha.

"Ta Bà Ha": Câu này rất quan trọng. Trong Chú Đại Bi có mười bốn câu "Ta Bà Ha", mỗi một câu Ta Bà Ha đều có sáu ý nghĩa, do đó bạn nên nhớ, bất cứ trong câu Chú nào có Ta Bà Ha thì đều có sáu ý nghĩa.

Sáu ý nghĩa là : Ý nghĩa thứ nhất là "thành tựu". Bạn niệm Chú này thì tất cả mọi sở cầu, mọi sự hy vọng đều sẽ thành tựu. Nếu không thành tựu thì bạn chẳng thành tâm, nếu bạn thành tâm thì sẽ thành tựu. Nếu bạn có chút nghi ngờ trong Chú này thì sẽ không thành tựu; bạn phải có tâm tin chân thật thì sẽ thành tựu.

Ý nghĩa thứ hai là "cát tường". Bạn tụng Chú này thì tất cả sự việc không cát tường đều sẽ cát tường, song bạn phải có tâm tin chân thật; nếu bạn chẳng có tín tâm thì không thể cát tường được. Khi bạn tụng Chú tin hay không tin Bồ Tát đều biết, hoặc bạn có niềm tin chân thật hoặc nửa tin nửa ngờ, hoặc nghi nhiều hơn tin, Bồ Tát đều biết. Bạn muốn đắc được thành tựu này thì phải có tín tâm. Bạn muốn cát tường thì phải có tín tâm. Bạn cầu việc gì, ví như cha bị bệnh, bạn muốn cho cha hết bệnh, bạn tụng Chú, song bạn phải có tâm tin chân thật thì tụng mới có cảm ứng. Hoặc bạn có người bạn tốt nhất, rất lâu chưa gặp lại, bạn hy vọng gặp lại người bạn đó mà bạn tụng Chú này một cách thành tâm thì cũng sẽ được gặp lại. Hoặc là bạn chẳng có bạn trăm năm, bạn muốn có người bạn trăm năm tốt thì bạn cũng phải có tín tâm tụng trì Chú này, tụng lâu thì cũng sẽ được một người bạn tốt. Thậm chí bạn muốn được vị thiện tri thức cũng sẽ thành tựu.

Còn có một ý nghĩa nữa gọi là "viên tịch". Khi vị Tỳ Kheo vãng sinh, Niết Bàn gọi là viên tịch, song viên tịch ở đây chẳng phải là chết. Vậy nếu

tôi niệm Chú này tức là niệm chết, nghĩa là "Ta Bà Ha, Ta Bà Ha...!" Viên tịch, viên tịch tức là chết. Vậy tôi niệm có ý nghĩa gì ? Ai ai cũng chẳng muốn chết, tôi biết.

Chẳng phải như thế. Viên tịch ở đây là "công vô bất viên", công của bạn viên mãn; "đức vô bất tịch", đức hạnh cũng đến cực điểm, chẳng phải một số người biết được, chỉ có Phật Bồ Tát biết được đức hạnh của bạn.

Ý nghĩa thứ tư là "tiêu tai", tiêu trừ tai nạn.

Ý nghĩa thứ năm là "tăng ích": Tăng thêm lợi ích của bạn. Bạn niệm "Ta Bà Ha" thì lợi ích của bạn sẽ tăng thêm, đặc biệt có ích lợi đối với bạn.

Ý nghĩa thứ sáu tôi tin các bạn chẳng có ai biết. Nếu có người biết thì nói. Tại sao chẳng có ai biết ? Vì "Ta Bà Ha" này trước kia tôi chẳng nói qua, bây giờ bắt đầu giảng. Kỳ thật, tôi cũng đã giảng qua cho các vị nghe rồi, bất quá các vị chẳng biết ở chỗ nào. Gọi là gì ? Gọi là "vô trụ", tức là "vô sở trụ", vô sở trụ ở trong "ưng vô sở trụ nhi sinh kỳ tâm" của Kinh Kim Cang. Vô sở trụ là gì ? Tức là chẳng trụ vào bất cứ cái gì, tức như thế nào cũng đều được. Đây là pháp vô vi. Vô vi mà vô bất vi ; vô trụ cũng là vô vi, vô vi cũng là vô trụ. Song vô trụ thân tâm, thân tâm cần phải vô trụ, đừng trụ ở nơi phiền não, đừng trụ ở nơi vô minh, đừng trụ ở nơi tâm tham. Chẳng phải trụ ở trong tâm sân, đừng trụ ở trong tâm si, đừng trụ ở trong tâm kiêu mạn, đừng trụ ở trong tâm nghi hoặc. Vô trụ là kêu bạn nếu có những thứ tâm này phải mau hàng phục nó. Hàng phục rồi tức là vô trụ. Dùng gì để hàng phục ? Tức dùng Bảo Kiếm Thủ Nhãn vừa mới giảng. Bạn có thể nói như vầy: Bạn nói bạn có tâm tham chăng? Tôi giết con ma tâm tham; có tâm sân chăng? Tôi chém con ma tâm sân; có ma tâm si chăng? Tôi giết con ma tâm si. Dùng kim cang vương bảo kiếm, tức cũng là kiếm trí huệ, hàng phục hết mọi thiên ma ngoại đạo này. Bạn muốn hàng phục thiên ma ngoại đạo thì trước hết phải hàng phục vọng tưởng của chính bạn. Nếu bạn hàng phục được vọng tưởng của bạn thì cũng sẽ hàng phục được thiên ma ngoại đạo. Nếu bạn không có vọng tưởng thì thiên ma ngoại đạo sẽ không đến; dù nó có đến cũng chẳng làm gì được. Đây là ý nghĩa thứ sáu của "Ta Bà Ha".
Những câu "Ta Bà Ha" dưới đây đều có sáu ý nghĩa này.

53. Tất Đà Dạ.

54. Ta Bà Ha.
55. Ma Ha Tất Đà Dạ.
56. Ta Bà Ha.

"Tất Đà Dạ Ta Bà Ha, Ma Ha Tất Đà Dạ Ta Bà Ha": Hai câu này cũng đều là tiếng Phạn. "Tất Đà Dạ": Câu đầu dịch ra nghĩa là "thành tựu đốn cát", nghĩa thứ hai là "thành biện", nghĩa thứ ba là "thành lợi", nghĩa thứ tư là "thành nhất thiết nghĩa", tất cả nghĩa đều thành; ý nghĩa thứ năm là "sở cung tán thán".

"Thành tựu đốn cát" là gì ? Vì chúng ta nhờ sức lực của Chú này nên thành tựu vui mừng tất cả mọi việc; bạn vui mừng hoan hỉ điều gì thì sẽ được điều đó. Có người nói : "Vậy tôi cũng niệm Chú Đại Bi này, tại sao tức khắc chẳng được ?". Niệm ở đây phải cần công phu tương ưng. Công phu của bạn chẳng tương ưng, cho nên chẳng thành tựu, nếu tương ưng thì sở cầu của bạn sẽ như ý, sở nguyện toại tâm. Cho nên gọi là "thành tựu đốn cát". Còn gọi là "thành biện", bạn làm việc gì thì sẽ được kết quả viên mãn. Còn gọi là "thành lợi", hay thành tựu lợi ích của bạn. Còn gọi là "thành nhất thiết nghĩa", bất cứ việc gì đều có thể thành tựu. Còn "sở cung tán thán" là mọi người đều đến khen ngợi, đều nói bạn tốt. Đây là ý nghĩa "Tất Đà Dạ Ta Bà Ha".

Câu thứ hai "Ma Ha Tất Đà Dạ Ta Bà Ha". "Ma Ha": Chúng ta đều biết là "đại" (lớn). Ý nghĩa câu Chú này hay thành tựu những sự nghiệp lớn của bạn, thành tựu những công đức lớn, thành tựu đạo nghiệp lớn; hết thảy mọi việc gì cũng đều thành tựu rất lớn.

Hai câu Chú này hợp lại gọi là "Bảo Kinh Thủ Nhãn"; bảo Kinh tức là một bộ Kinh điển quý báu, tức cũng là Pháp bảo. Bạn tu Bảo Kinh Thủ Nhãn sẽ đắc được lợi ích vô cùng vô tận. Bảo Kinh Thủ Nhãn này là Thủ Nhãn thứ ba mươi bảy trong Bốn Mươi Hai Thủ Nhãn. Bạn tu Bảo Kinh Thủ Nhãn thì tương lai trí huệ của bạn có một sức trí nhớ đặc biệt tốt vô cùng.

Nếu bạn tu Bảo Kinh Thủ Nhãn thì sẽ nghe rộng nhớ tốt, cũng là quảng học đa văn. Ngài A Nan là người đa văn bậc nhất. Chắc chắn Tôn Giả A Nan đã tu Bảo Kinh Thủ Nhãn này rất viên mãn trong vô lượng kiếp trong quá khứ, cho nên một khi lọt qua tai thì vĩnh viễn không quên, thậm chí chẳng lọt qua tai mà Ngài đều có thể nghĩ lại. Tôn Giả A Nan sinh ra cùng ngày Đức Phật thành đạo, hai mươi tuổi xuất gia, vậy hai mươi năm trước khi

Tôn Giả chưa xuất gia, Đức Phật thuyết pháp, Tôn Giả A Nan không có nghe qua, tại sao Ngài lại kết tập tất cả Kinh điển? Vì những Kinh điển trước kia Ngài chưa nghe qua thì chính Đức Phật thuật lại cho Tôn Giả nghe, cho nên Tôn Giả hoàn toàn nhớ hết Kinh điển của Phật nói. Sở dĩ Tôn Giả có sức nhớ rất tốt, chắc chắn Tôn Giả đã từng tu Bảo Kinh Thủ Nhãn này viên mãn mới có trí nhớ tốt như thế.

Có người hỏi tôi :" Làm thế nào có sức trí nhớ ?". "Bạn phải tu Bảo Kinh Thủ Nhãn này, nếu bạn tu Bảo Kinh Thủ Nhãn thì sẽ có sức trí nhớ, thì sẽ có năng lực đa văn".
Chúng ta ai nhớ Kinh này rất rõ ràng thì đại khái đều có duyên với Bảo Kinh Thủ Nhãn này.

Trong họa đồ thì thấy trong tay Bồ Tát phóng quang cầm cây cờ, bạn thấy toàn thân Bồ Tát đều phóng đại quang minh. Phóng quang cũng là biểu thị bạn khai mở đại trí huệ, trí nhớ của bạn rất tốt, đa văn, học rộng. (còn tiếp)

pháp ngữ của thiền sư Hư Vân

Việt Dịch: Tỳ Kheo Thích Hằng Đạt

<u>Tiếp theo kỳ trước</u>

Phương Tiện Khai Thị Tại Núi Vân Cư, Năm 1955

1. Ngày 11 tháng 03.

Thích Ca Như Lai thuyết pháp trong bốn mươi chín năm, đàm kinh hơn ba trăm hội, quy nhiếp tại ba tạng, mười hai bộ. Ba tạng tức là tạng kinh, tạng luật, tạng luận. Toàn bộ ba tạng không ngoài ba học, giới định huệ. Tạng kinh thâu nhiếp định học. Tạng luật thâu nhiếp giới học. Tạng luận thâu nhiếp huệ học. Nói chung, hai chữ nhân quả bao gồm tất cả lời thuyết pháp của Phật. Tất cả phàm thánh, thế gian, xuất thế gian, đều không vượt ngoài hai chữ nhân quả. Nhân tức là nhân duyên. Quả tức là quả báo.

Ví như trồng lúa, lấy hạt lúa làm nhân, rồi nhờ ánh sáng, gió mưa làm duyên. Khi hạt lúa chín mùi thì gặt hái lúa, tức là quả. Nếu không nhân duyên, quyết chẳng thể kết quả. Sở dĩ thành thánh hiền, vì các Ngài minh nhân thức quả. Minh tức là liễu giải được nghĩa. Thức tức là hiểu rõ được nghĩa. Phàm phu sợ quả. Bồ Tát sợ nhân. Phàm phu chỉ sợ quả ác, mà nào biết đến quả ác phát khởi từ nhân xấu. Bình thường, tự ý làm những việc hàm hồ ngu xuẩn; mưu đồ hưởng sung sướng trong nhất thời, mà quên rằng sung sướng vốn là nhân khổ.

Bồ Tát chẳng như thế. Bình thường, nhất cử nhất động, hộ trì thân tâm cẩn trọng, và luôn lấy việc giữ giới làm đầu, nên chẳng gieo nhân xấu, thì làm sao quả ác đến? Bị quả ác trói buộc, do vì đã trồng nhân xấu bao đời xa xưa. Trước kia đã từng trồng nhân nào, thì ngày nay khó mà trốn chạy quả báo đó. Khi cảm thọ quả báo, phải an nhiên lãnh thọ, chẳng nên lui sụt sợ hãi. Đấy mới gọi là minh nhân thức quả.

Ví như pháp sư An Thế Cao thuở xưa, nhờ bao kiếp tu trì, nên được thọ sanh làm thái tử nước An Tức. Khi ấy, Thái Tử xả bỏ năm dục, xuất gia tu đạo, đắc được túc mạng thông, biết đời trước đã từng thiếu nợ mạng người. Chủ nhân lúc ấy đang ở tại nước Tàu. Do đó, Ngài đi thuyền qua Tàu. Đến Lạc Dương, Ngài đi qua một cánh đồng hoang vắng. Bỗng nhiên, từ đâu chạy đến, một thiếu niên tay cầm thanh kiếm, xa thấy Ngài, nổi giận đùng đùng, hung khí đằng đằng. Khi chạy tới, chưa kịp nói lời gì, liền vung kiếm chém Ngài. Sau khi chết, thần thức của Ngài vẫn trở lại đầu thai làm Thái Tử nước An Tức. Lúc trưởng thành, cũng phát tâm xuất gia, vẫn đạt được túc mạng thông, và biết đời này lại phải đền thêm một mạng người nữa. Chủ nhân vẫn ở tại Lạc Dương. Vì vậy, Ngài đi qua Tàu một lần nữa, rồi đến thẳng nhà người vừa giết mình trong đời tiền kiếp. Đến nơi, Ngài xin tá túc qua đêm. Được tiếp đãi cơm nước xong, Ngài hỏi chủ nhân:
- Ông có nhận ra tôi không?
Chủ nhân đáp:
- Không.
- Tôi là vị tăng mà ông đã giết tại một cánh đồng vắng, vào ngày ấy, tháng ấy, năm ấy.

Chủ nhân kinh hoàng sợ sệt, vì việc này không có người thứ ba nào biết đến. Ông nghĩ rằng vị tăng này chắc là hồn ma thuở xưa, nay trở lại đòi mạng. Do đó, ông ta vụt muốn bỏ chạy. Ngài bảo:
- Chớ sợ! Tôi chẳng phải là quỷ ma đến đòi mạng đâu! Ngày mai, tôi cũng sẽ bị người khác giết chết, để đền sanh mạng trong đời tiền kiếp. Vì thế

tôi mới đến đây. Nhờ ông làm nhân chứng, chuyển lời di chúc của tôi lại cho quan quân địa phương, bảo rằng tự tôi đến đây để đền mạng, chớ trị tội kẻ giết lầm tôi.

Nói xong, Ngài liền đi ngủ. Hôm sau, Ngài đi ra đường phố, gặp một người nông phu, đang gánh củi. Lúc Ngài đi gần tới ông ta, đột nhiên gánh củi ở phía trước rớt xuống đất, nên cây đòn gánh vụt đánh bật trở lại đằng sau, đập trúng vào đầu Ngài, khiến Ngài chết ngay lập tức. Người nông dân bị dẫn đến quan trường xét xử. Chất vấn xong, quan tuyên bố là ông nông dân phạm tội cố sát. Ông chủ nhân giết Ngài đời trước, thấy lời Ngài dặn dò đêm hôm qua thật rất tương hợp với sự tình, nên trần thuật và trình di chúc của Ngài lên quan xét xử. Quan nghe xong, tin tưởng nhân quả chẳng sai chạy, nên tha tội ngộ sát cho ông nông dân. Khi bị đòn gánh đánh chết, thần hồn Ngài vẫn bay trở lại, đầu thai làm Thái Tử nước An Tức. Lớn lên, cũng xuất gia tu hành, tức là pháp sư An Thế Cao.

Tuy là thánh hiền, nhưng chẳng lầm nhân quả. Đã từng trồng nhân xấu thì phải cảm thọ quả ác. Nếu hiểu rõ nghĩa này, thì những cảnh thuận nghịch, vui buồn, khổ nhọc, sung sướng, cùng mọi cảnh giới hằng ngày, đều do nhân xưa tạo ra. Ngay nơi những cảnh giới này, chớ sanh tâm vọng tưởng thương ghét oán trách, thì tự nhiên sẽ xả bỏ được tất cả, khiến chuyên tâm vào đạo. Những thói quen tật xấu, vô minh, cống cao ngã mạn, đều không thể làm chướng ngại, thì tự nhiên dễ dàng nhập đạo.

2. Ngày 12 tháng 03

Người xưa xem sanh tử là việc lớn, nên không quản khổ nhọc, bôn ba trèo non lội suối, vượt núi băng sông, để tầm sư học đạo. Chúng ta từ đời vô thủy đến nay, bị bao vọng tưởng che lấp, trần lao trói buộc, quên mất bản lai diện mục của mình. Ví như tấm kiếng, vốn tự chiếu soi khắp cả trời đất, nhưng vì bị bụi bặm trần cấu bám vào, khiến nó không thể chiếu sáng. Chúng ta chỉ việc dùng công phu lau chùi, thì tự tánh chiếu soi xưa kia, tự nhiên hiển hiện. Tâm tánh của chúng ta cũng như thế. Trên đồng với chư Phật không hai không khác, không thiếu không thừa. Song, tại sao chư Phật đã thành Phật rồi, mà chúng ta vẫn còn làm phàm phu, nằm trong biển khổ sanh tử? Chỉ vì tâm tánh của chúng ta, bị bao tập khí vô minh phiền não che lấp, nên tâm tánh này tuy cùng Phật không khác, nhưng không thể dùng được.

Ngày nay, chúng ta đã xuất gia, đồng là con Phật, thì phải cố gắng minh tâm kiến tánh, xoay về cội nguồn, chẳng ngại khổ nhọc, vận dụng công phu. Người xưa chịu muôn ngàn khổ nhọc, tham tầm thiện tri thức, chỉ vì muốn hiểu rõ chính mình. Hiện tại là đời mạt pháp, thời thánh giáo đã qua, Phật pháp ngày càng suy vi, người nhiều biếng nhác, nên chẳng có thể cắt đứt dòng sanh tử. Ngày nay đã biết tự tâm tương đồng với chư Phật, phải nên phát tâm tu hành dài lâu, tâm kiên cố, tâm dũng mãnh, tâm hổ thẹn. Từ sáng đến tối, trong mười hai thời, như mài như giũa, như cạo như chùi, nỗ lực tinh tấn, dụng công tu đạo, chớ để thời gian trôi qua vô ích.

3. Ngày 13 tháng 03

Cổ nhân nói:
- Luận việc thành đạo rất dễ, nhưng muốn trừ vọng tưởng lại rất khó.
Đạo là lý. Lý là tâm. Tâm, Phật, chúng sanh, tuy là ba, nhưng nào có sai khác! Người người vốn có đầy đủ; ai ai cũng sẽ viên thành quả vị Phật. Tâm tánh đó, tại Thánh không tăng, tại phàm chẳng giảm. Nếu ai hiểu được tâm này thì đại địa không còn một tấc đất. Mọi pháp thế gian cùng xuất thế gian, phàm phu thánh hiền, đều vốn không thật, sao lại có sanh tử? Vì thế, bảo:
- Luận bàn thành Phật rất dễ.
Tâm thể này tuy sáng soi vi diệu, nhưng bị bao loại vọng tưởng che lấp, ánh sáng không cách chi hiển hiện, nên muốn trừ vọng tưởng thật không dễ dàng.

Vọng tưởng có hai loại: Thô kệch và vi tế. Lại nữa, tâm có vọng tưởng hữu lậu và vô lậu. Vọng tưởng hữu lậu khiến chúng ta cảm thọ quả báo khổ nhọc hay sung sướng ở cõi trời và người. Vọng tưởng vô lậu khiến chúng ta có khả năng thành Phật làm Tổ, thoát khỏi sanh tử, xuất ra ba cõi. Vọng tưởng thô kệch khiến lãnh thọ quả báo xấu, đọa vào ba đường khổ địa ngục, ngạ quỶ, súc sanh. Vọng tưởng vi tế khiến tạo bao việc lành thiện như niệm Phật, tham thiền, tụng kinh, trì chú, lễ bái, hộ trì giới luật, v.v... Vọng tưởng thô tương ưng cùng nghiệp xấu, tức khởi mười điều ác. Ý khởi tham lam, sân hận, si mê. Miệng nói láo, nói lời thêu dệt, nói lưỡi đôi chiều, nói lời ác độc. Thân tạo nghiệp giết hại, ăn cắp, tà dâm. Đây là mười việc ác do thân miệng ý tạo ra. Trong đó, phân biệt tùy theo cấp bậc nặng nhẹ. Tạo nghiệp thượng phẩm của mười điều ác thì đọa địa ngục. Trung phẩm thì đọa ngạ quỶ. Hạ

phẩm thì làm súc sanh. Tổng quát, cho dầu vọng tưởng thô hay vi tế, tất cả đều phát khởi từ một tâm niệm. Mười pháp giới cũng từ tâm niệm này phát sanh, nên bảo rằng tất cả đều do tâm tạo.

Cội gốc bổn địa phong quang của chúng ta, vốn không mang một sợi tơ trói buộc, và chẳng bị phiền trược trần lao làm ô nhiễm, chỉ bất đắc dĩ mới gọi là vọng tưởng thô. Khi chúng diệt thì còn vọng tưởng vi tế. Lúc đó, mạng căn vẫn chưa đoạn. Hiện tại, muốn trừ vọng tưởng, phải nương theo một câu thoại đầu hay chú tâm vào một tiếng niệm Phật, để đập ngói cửa thành quân địch; đem vọng tưởng vi tế để hàng phục vọng tưởng thô, tức là lấy độc trị độc. Hàng phục vọng tưởng thô rồi, chỉ còn lại vọng tưởng vi tế. Lúc ấy mới tương ưng cùng đạo. Tiếp tục mài giũa, công phu lâu ngày được thuần thục, thì vọng tưởng vi tế cũng không còn.

Biết vọng tưởng không tốt, nên phải đoạn trừ chúng. Song, biết mà lại cố phạm, vẫn khởi bao vọng tưởng, chạy đuổi lưu chuyển theo tập khí. Gặp nghịch cảnh vẫn khởi vô minh, làm biếng giải đãi, cầu danh lợi, nghĩ ngợi việc dâm dục v.v... Tuy biết chúng chẳng tốt lành, mà không thể xả bỏ được. Vì sao? Do từ đời vô thủy đến nay, huân tập khí nhiễm ô thâm sâu, nên trở thành thói quen tập quán. Như chó thích ăn phẩn, tuy cho thức ăn ngon, nhưng khi nghe mùi phẩn, nó vẫn chạy đến. Đây là tập quán trở thành tánh khí. Có một câu chuyện, miêu tả cách diệt trừ vọng tưởng của người xưa.

Thiền sư Pháp Đường, núi Đại Mai, đến tham vấn Mã Tổ, hỏi:
- Thế nào là Phật?
Mã Tổ bảo:
- Tâm tức là Phật.

Thiền sư bèn đại ngộ, rồi lên núi Đại Mai, kết am ẩn tu. Mã Tổ nghe tin, bảo tăng đến đó hỏi nguyên do. Thiền sư đáp:
- Mã Tổ dạy tôi rằng tâm tức là Phật, nên mới trụ nơi đây tu hành.
Tăng bảo:
- Gần đây Mã Tổ dạy Phật pháp có khác đôi chút.
- Khác như thế nào?
- Phi tâm, phi Phật.
- Lão già làm mê hoặc người chẳng có ngày nào thôi. Mặc tình lão phi tâm phi Phật, tôi chỉ biết tâm tức là Phật.
Tăng trở về thuật lại. Mã Tổ bảo:
- Trái mai đã chín.

Những hành động của chư Tổ Sư, đều đánh thẳng vào tâm người, khiến họ đoạn trừ vọng tưởng. Chúng ta là người xuất gia, hành cước tham học, chưa đoạn sanh tử, phải sanh tâm hổ thẹn sâu xa, cùng phát tâm đại dũng mãnh, chớ để tập khí xoay chuyển.
"Giả sử có vòng lửa sắt, cháy rực trên đầu, quyết không vì khổ này mà thối thất tâm Bồ Đề".

Bồ Đề tức là giác. Giác tức là đạo. Đạo tức là diệu tâm. Tâm này xưa nay vốn viên mãn tròn đầy, chẳng hề khiếm khuyết. Nay muốn tìm về tự tánh, phải tự phát tâm, hướng vào tự tánh mà tầm cầu. Ngược lại, ngay cả Phật Thích Ca xuất thế, e rằng cũng không giúp được gì!

Trong mười hai thời, chớ phân biệt động tịnh, đi đứng nằm ngồi. Nếu sống lại với thể tướng như như của chân tâm mà không khởi vọng tưởng, thì lo gì chẳng đoạn sanh tử? Nếu không như thế thì luôn luôn bận bịu, từ sáng đến tối, từ sanh đến tử, chỉ lãng phí thời gian. Một đời tu hành khổ cực, mà không được lợi ích gì. Ngày ba mươi tháng chạp đến, khát nước mới đào giếng, thì ra tay sao kịp; dẫu có hối hận nhưng đã quá muộn! Đây là những lời tha thiết của tôi. Hy vọng mọi người hãy tự dụng tâm lãnh hội.

4. Ngày 14 tháng 03

Kinh Lăng Nghiêm nói: "Nếu chuyển được vật, tức đồng Như Lai".
Chư Thánh Hiền luôn chuyển được vật, chứ không bị vật chuyển, nên tùy tâm tự tại, nơi nơi đều sống với tâm chân như. Phàm phu chúng ta vì vọng tưởng chướng ngăn, nên bị muôn vật xoay chuyển. Ví như gió đông thổi đến những đầu ngọn cỏ thì chúng ngã về hướng tây, hay gió tây thổi đến thì chúng ngã về hướng đông; nghĩa là tự chúng không có thể làm chủ được. Có người cả ngày lo lắng bận rộn, tán tâm phóng dật, ý chẳng trụ nơi đạo; tuy dụng công phu, mà lúc có lúc không, đứt đoạn không liên tục, lại thường trụ nơi vui buồn thương ghét, bụng nhét đầy phiền não thị phi. Mắt thấy sắc tướng, tai nghe âm thanh, mũi ngửi mùi thơm, lưỡi nếm vị ngon, thân cảm giác xúc chạm, ý phân biệt các pháp. Sáu căn đối với sáu trần, không có giác chiếu. Tùy theo màu sắc, xanh đỏ trắng vàng, già trẻ, nam nữ, mà tâm niệm xoay chuyển cuồng loạn. Lúc hợp ý thì sanh tâm tham đắm, ái nhiễm mến trước. Khi nghịch ý thì khởi phiền não, giận hờn, oán trách. Luôn luôn khởi vọng tưởng. Nơi vọng tưởng vi tế còn có thể dụng công tu đạo, làm việc lành thiện. Nơi

vọng tưởng thô lại khởi bao loại vọng niệm bất chánh tà vạy; bụng chứa đầy cấu uế,
tệ hại cả bảy tám phần, không thể diễn tả hết.
Thiền sư Bạch Vân Đoan bảo:

"Nếu năng chuyển vật tức Như Lai
Xuân ấm áp, hoa núi nở rộ
Tự có đôi tay, cùng tương thủ
Chưa từng dễ dàng, vũ tam đài".

Kinh Kim Cang nói: "Phải nên hàng phục tâm như thế".
Nhà Nho cũng có câu:
- Tâm không ở đây. Gần mà không thấy. Có tiếng mà chẳng nghe. Ăn mà chẳng biết mùi vị.
Nhà Nho còn biết việc chẳng để vật chuyển. Phật tử chúng ta sao lại không nhớ đến nỗi khổ sanh tử, như lửa cháy trên đầu? Nếu xả được thân tâm, tinh tấn cầu đạo, tự rèn luyện kiểm nghiệm, mài dũa trong động, từ từ dụng tâm không để vật chuyển, thì công phu mới có phần vững vàng.
Dụng công không nhất định phải ở trong yên tĩnh. Nơi động mà không bị động, mới là công phu chân thật.

Năm đầu nhà Minh, ở Đàm Châu tỉnh Hồ Nam, có ông Hoàng Thiếc Tượng, dùng nghề rèn làm sinh sống, nên người đương thời gọi là Hoàng Đả Thiếc. Lúc ấy, Chu Nguyên Chương đang khởi binh lật đổ nhà Nguyên, nên rất cần nhiều binh khí. Hoàng Đả Thiếc phụng mạng triều đình, ngày đêm gấp rút rèn binh khí không ngừng nghỉ.

Ngày nọ, một vị tăng đi ngang qua nhà, được ông ta cúng dường thức ăn. Ăn xong, vị tăng bảo:
- Nay thọ nhận thức ăn bố thí, không có gì đền đáp, nhưng sẽ tặng thí chủ một câu kệ.
Họ Hoàng liền thỉnh tăng thuyết pháp. Tăng hỏi:
- Sao thí chủ không chịu tu hành?
Họ Hoàng thưa:
- Tu tuy là việc tốt, nhưng cả ngày bị bận rộn, làm sao hành được?
- Có pháp môn niệm Phật, tuy bận rộn, nhưng vẫn tu hành được. Khi đập một thanh sắt, thí chủ nên niệm Phật một câu. Thổi một hơi, cũng nên niệm Phật. Cứ niệm "Nam mô A Di Đà Phật" trường kỳ như thế, thì lúc lâm chung, chắc chắn sẽ được vãng sanh cõi Tây Phương Cực Lạc.

Hoàng Đả Thiếc y theo lời dạy của vị tăng đó, vừa đập một thanh sắt, vừa niệm Phật. Cả ngày vỗ đập thui rèn sắc thiếc, và cả ngày niệm Phật, không cảm thấy mệt nhọc, lại còn cảm giác khinh an tự tại. Công phu ngày ngày thâm sâu, nên từ từ ngộ nhập, không niệm mà vẫn niệm. Khi sắp lâm chung, biết rõ giờ giấc, rồi từ tạ thân bằng quyến thuộc, tự bảo sẽ vãng sanh qua cõi Tây Phương. Thời điểm đến, sắp đặt giao phó công việc trong nhà, rồi tắm rửa, thay đổi y phục. Xong xuôi, ông tới ngồi bên lò rèn, đập vài thanh sắt, rồi thuyết bài kệ:

"Đả đả đương đương!
Luyện lâu thành thép
Thái bình kề cận
Tôi vãng Tây Phương".

Thuyết xong, ông liền qua đời. Đương thời, mùi hương lạ bay khắp nhà, nhạc trời vang trong không trung, xa gần đều nghe thấy, khiến ai ai cũng được cảm hóa.

Hôm nay, chúng ta bận rộn ngày đêm, không giờ giấc nghỉ ngơi. Nếu hành trì như ông Hoàng Đả Thiếc, trong động mà vẫn nỗ lực tu hành, thì lo gì không cắt đứt sanh tử!

Xưa kia, lúc ở núi Kê Túc, tỉnh Vân Nam, tôi có một đệ tử xuất gia, tên là Cụ Hành. Nay kể chuyện của Thầy đó cho quý vị nghe.

Thầy Cụ Hành, lúc chưa xuất gia, thường hút thuốc uống rượu, tham đắm sắc đẹp. Gia đình tám người, thường đến chùa Chúc Thánh làm công quả. Sau này, cả nhà đều xuất gia. Xuất gia xong, Thầy bỏ hết mọi tập khí xấu. Tuy không biết một chữ, Thầy vẫn cố gắng dụng công. Những bài kinh kệ, công phu sáng chiều, như phẩm Phổ Môn v.v... trong vòng vài năm, Thầy đều học thuộc lòng. Cả ngày, Thầy trồng rau quả không nghỉ ngơi. Tối đến, lễ Phật tụng kinh, không tham ngủ nghỉ. Trong tăng chúng, được người mến thích hay bị ghen ghét, Thầy cũng chẳng màng đến. Thầy thường giúp tăng chúng may vá y áo. Lúc xỏ một mũi kim, Thầy niệm một câu "Nam mô Quán Thế Âm Bồ Tát". Sau này, Thầy đi lễ bái bốn núi danh tiếng (núi Ngũ Đài, Nga Mi, Phổ Đà, Cửu Hoa) trong tám năm, rồi trở lại Vân Nam. Khi ấy, tôi đang đảm nhiệm trọng trách trùng tu chùa Vân Môn. Trở về, Thầy cũng tu khổ hạnh. Những việc nặng nề khó nhọc, lớn nhỏ trong chùa, Thầy đều đảm đang gánh vác. Đại chúng đều mến thích Thầy. Lúc sắp lâm chung, Thầy mang tất cả y phục, đồ vật đi bán, rồi dùng số tiền đó, mua thức ăn cúng dường tăng chúng. Sau đó, cáo từ đại chúng, sắp đặt mọi việc gọn gàng. Vào tháng tư, Thầy mang dầu, rơm rạ ra sau sân chùa Thắng Nhân, tức hạ viện chùa Vân Thê, để tự thiêu mà hóa. Khi có người phát giác, thì Thầy đã vãng sanh. Song, y ca sa trên thân,

tuy đã thành tro, nhưng vẫn giống như bình thường, mà không rơi xuống. Thân Thầy ngồi trong đống lửa, tay vẫn cầm cây khánh và cái mõ. Người đến xem, ai nấy đều cảm động rơi lệ. Ngày ngày Thầy bận rộn, nhưng chẳng quên tu hành, nên tự do tự tại, qua lại trong sanh tử. Trong động và tĩnh đều dụng công tu hành, nên công phu mới dễ dàng đắc lực. (còn tiếp)

HÁM SƠN ĐẠI SƯ TỰ TRUYỆN

Việt dịch : Tỳ Kheo Thích Hằng Đạt

Tiếp theo kỳ trước

Tào Khê

Vào đời Lương, có một vị Phạm Tăng từ Ấn Độ sang, pháp hiệu là tam tạng pháp sư Trí Dược. Vị Phạm Tăng này đã từng nói với dân chúng địa phương vùng Tào Khê: "Nơi đây phải nên kiến lập một ngôi phạm sát. Trong vòng một trăm sáu mươi năm, sẽ có nhục thân Bồ Tát đến đây hoằng pháp. Các vị hãy nên hậu đãi vị đó."

Ngôi chùa được xây sớm nhất vào thời đó là chùa Bảo Lâm. Minh triều sơ niên, chùa Bảo Lâm được gọi là chùa Nam Hoa.

Tào Khê tuy là Tổ Đình của Thiền tông, nhưng sau đời tổ Huệ Năng, Thiền tông phân thành năm phái. Tự viện tại Tào Khê dần dần bị bỏ hoang. Tự viện tuy lớn, nhưng đa số không có tăng sĩ cư trú, duy chỉ có thầy phương trượng và vị hương đăng lo việc hương khói. Không lạ gì việc dân chúng đến chiếm cứ phòng ốc đất đai mà tăng sĩ không ai có thể quản chế. Trước khi Ngài đến, tại Tào Khê, bên ngoài tuy còn hình dáng chùa chiền, nhưng nội dung bên trong lại biến thái thậm tệ.

Đất đai chung quanh chùa được tăng sĩ khai khẩn trồng trọt cày cấy và họ không trú trong tự viện mà thường sống bên ngoài nông trại như dân thường. Đến niên hiệu Hoằng Chánh, dân chúng bị nạn hạn hán thất mùa ở những nơi khác, tìm đến lập nghiệp tại Tào Khê. Họ bắt đầu làm thuê và sống chung với tăng sĩ. Tăng sĩ cũng làm ăn như dân dã. Thế nên, dần dà không biết tài sản điền địa ở đó thuộc về ai, tăng sĩ hay cư dân. Chu vi chùa Nam Hoa từ từ bị dân chúng chiếm lấy để xây dựng nhà cửa, mở mang chợ búa. Thế nên, Tào Khê không còn là đạo tràng thanh tịnh của Phật, Tổ như xưa.

Đến đời của ngài Hám Sơn, Tào Khê không còn là linh địa của Thiền tông. Tự viện nơi đó biến thành nhà cửa làng xóm chợ búa của dân thường. Tăng sĩ thường bị dân chúng khinh khi. Nhìn thấy cảnh trạng đó, Ngài rất đau lòng chua xót. Lần đầu đến Tào Khê, Ngài tự nhủ là sẽ quyết tâm trùng tu, khôi phục lại ngôi Tổ Đình.

Lần thứ hai đến Tào Khê vào năm năm mươi sáu tuổi, Ngài miêu tả Tào Khê như sau: "Thấy phía Đông chùa có bọn du đãng tụ tập tại sơn môn, mở quán rượu thịt, thật rất bẩn thỉu. Việc này đã kéo dài hơn một trăm năm. Trong và ngoài chùa đều dơ bẩn. Ngọn núi xây tháp thờ Tổ Sư bị các băng đảng chiếm làm nghĩa địa. Đất của tăng chúng bị phân chia. Các du đãng lập kế thông đồng với các địa chủ bên ngoài, đánh lừa và dọa nạt, khiến những vị tăng còn lại trong chùa không dám thưa kiện. Các địa chủ trong vùng dùng thủ đoạn xảo thuật xâm chiếm tài sản điền địa của tăng sĩ. Họ còn thông đồng với quan lại địa phương để đuổi các tăng sĩ ra khỏi núi."

Đến Tào Khê, nhìn thấy hiện trạng suy đồi này, Ngài tự nghĩ là một mình không có cách gì để phục hưng lại Tổ đình Thiền tông. Vì thế, Ngài chỉ còn cách là đi cầu sự giúp đỡ của quan triều. Trong quan phủ có nhiều vị tin tưởng Phật pháp, nên rất thương hại cho tăng sĩ. Các đại quan như Trần Đại Liệu, Chu Hải Môn, Chúc Tinh Tồn, Đái Diệu đều hy vọng là Ngài sẽ chấn chỉnh lại linh khí Tào Khê. Quan sử Nam Thiều Chúc Tinh Tồn rất có cảm tình với Tào Khê. Khi Ngài vào núi chấn chỉnh đạo tràng Tào Khê, ông giúp đỡ nhiệt tình.

Sau khi Ngài giải nạn cho đại tướng quân, thống đốc Đái Diệu thấy Ngài là một người rất có tài cán, nên thiết đãi Ngài trọng hậu hầu mong Ngài sẽ phục vụ và giúp đỡ ông ta giải quyết những vấn đề khó khăn. Do Ngài muốn ẩn cư tu hành, không thích giao du qua lại mật thiết với quan lại vì sợ sẽ tự chiêu họa, nên từ chối lời thỉnh mời của Đái Diệu. Lần này Ngài đến nhờ sự giúp đỡ, ông ta lập tức hạ lịnh cho quan huyện địa phương tự thân dẫn quân đến Tào Khê. Trong vòng ba

ngày, cư dân du đãng cưỡng chiếm đất đai điền sản của chùa đều dời đi nơi khác. Từ đó, tăng chúng trong chùa Nam Hoa tại Tào Khê dọn dẹp sạch sẽ tất cả dơ bẩn tích tụ trong bao năm.

Sau đó, Ngài liền sửa sang quán rượu thịt lại thành tịnh xá cho khách lên núi lễ Phật nghỉ ngơi. Nơi phía đông chùa, Ngài lập lữ quán cho quan lại lên núi nghỉ chân. Từ từ, Ngài trùng hưng chấn chỉnh lại đạo tràng Phật Tổ.

Biết Ngài đã chấn chỉnh xong Tào Khê, thống đốc Đái Diệu thiết đãi buổi cơm chay và cùng Ngài đàm luận. Thống đốc bảo: "Tôi đã giúp Ngài dọn dẹp sạch sẽ rác rưới tại Tào Khê rồi. Trước mắt sanh linh đang bị lầm than. Xin Ngài hãy từ bi cứu hộ."

Ngài hỏi: "Việc gì thế?"

Thống đốc nói: “Đại Sư có biết hoàng thượng phái quan sử đến đây trông coi việc mò ngọc trai không?"

Ngài đáp: “Vâng, ai ai cũng biết hoàng thượng phái quan sử đến đây trông coi việc mò ngọc trai. Không biết đại nhân muốn chỉ giáo điều gì?"

Thống đốc nói: “Việc thứ nhất là thuyền bè mò ngọc trai có hàng ngàn chiếc. Song, những người lợi dụng hành nghề mò ngọc trai trên những chiếc thuyền này vốn là hải tặc; chúng giết người cướp của trên biển cả, gây bao việc hung ác. Hiện tại, những chiếc thuyền này lợi dụng việc cho phép mò ngọc trai của triều đình, nên lại hoành hành hơn trước. Ngày không mò ngọc trai, chúng không trở về nhà mà ở trên biển hoành hành cướp bóc, không coi pháp luật ra gì. Quan quân cũng không có biện pháp gì để ngăn chận. Ngư phủ trong vùng không dám ra biển đánh cá.

Việc thứ hai là nhiều quặng mỏ bị đào xới. Các thợ đào mỏ rất hung hăng. Những ngôi mộ bị đào xới và nhà cửa dân chúng bị phá vỡ. Mọi nơi, dân chúng đều là nạn nhân của những sự phá hoại này. Họ không thể sống an lành được. Vậy phải làm thế nào?"

Ngài đáp: "Những việc này không phải giải quyết dễ dàng."

Duyên lành may mắn, quan họ Lê trông coi việc mò ngọc trai và đào mỏ lại là Phật tử có tín tâm. Nghe tin Ngài đang trùng hưng pháp đường tại Tào Khê, ông ta đến đó lễ bái nhục thân Lục Tổ và lưu lại chùa vài ngày để nghe giảng kinh thuyết pháp. Nhân dịp này, Ngài khuyến khích ông ta cúng dường tiền để trùng hưng lại Tổ Đường. Quan họ Lê đáp ứng rất nhiệt tình. Ngài cùng ông ta đàm luận cả vài ngày. Hôm nọ, biết thời cơ đã chín mùi, Ngài bảo: “Bần tăng có việc rất khó giải quyết, không biết đại nhân có thể giúp được không?"

Ông đáp: “Xin Đại Sư cứ nói."

Ngài bảo: “Bần tăng nghe nói những chiếc thuyền mò ngọc trai khi hết hạn lại không chịu trở về bến mà ở tại biển hoành hành cướp bóc. Đối với việc này, đại nhân có biết đến chăng?"

Ông hỏi: “Đại sư ở tại chùa thì làm sao biết đến những việc này?"

Ngài đáp: “Hiện tại bá tánh đang khổ sở vì bọn hải tặc hoành hành. Dân chúng ta thán oán hận đằng đằng. Chư Phật từ bi, làm sao không biết đến?"

Ông nói: “Việc mò ngọc trai là ý chỉ của hoàng thượng. Nếu như dân chúng có oán trách, tại hạ cũng không cách gì để giải quyết."

Ngài nói: “Bần tăng có lời đề nghị là xin đại nhân hãy ra lịnh cho những chiếc thuyền mò ngọc trai phải trở về bến sau khi đã mãn hạn. Ngược lại, nếu ở trên biển quá thời hạn thì phải bị triều đình trừng phạt. Việc này đâu có trái ngược với thánh chỉ của hoàng thượng!"

Ông trầm ngâm một chút rồi nói: “Đại sư còn việc gì nữa, xin hãy nói ra!"

Ngài bảo: “Việc đào mỏ lại thường nhiễu nhương dân chúng thái quá. Xin đại nhân hãy ra lịnh ngưng đào xới hầm mỏ tại nhà cửa và phần mộ của dân chúng và trả lại đất đai cho họ. Công đức này sánh bằng bố thí ngàn muôn lượng vàng, tu tạo hàng trăm chùa viện."

Nghe lời phân trần của Ngài, quan sử họ Lê hạ lịnh giám sát và gia hạn thời gian cho các chiếc thuyền mò ngọc trai và ngưng việc đào xới nhà cửa dân chúng. Sau việc này, thống đốc Đái Diệu rất cảm kích công ơn của Ngài, nên qua lại rất thân mật. Ông trở thành một vị đại hộ pháp, luôn trợ giúp Ngài trong công việc khai núi kiến tự, đào suối sửa đường, tuyển tăng thọ giới, khai đường thu đệ tử tại Tào Khê. Trong vòng một

năm, Ngài an tâm ở lại Tào Khê, phục hưng thanh thế đạo tràng Thiền tông.

Tại Tào Khê, Ngài khai khẩn đất hoang, sửa đổi phong thủy của đường lộ, (theo ý Ngài thì sự suy đồi của Thiền tông tại Tào Khê một phần do sự mất đi hình thể chính của núi. Vì thế, Ngài sửa chữa lại đường lộ để bảo tồn linh khí của núi, tức hình thể Long Tượng), tuyển trạch tăng sĩ, lập đàn truyền giới, mở trường nghĩa học (trường học miễn phí), nuôi dưỡng Sa Di, thiết lập thanh quy, kiểm tra thuế má đất đai cho mướn, lấy lại tài sản cho tăng chúng, thâu hồi đất đai bị chiếm mất. Tất cả công việc được hoàn tất trong vòng một năm.

Năm 1602, sắp xếp công việc trùng hưng chùa chiền xong xuôi, bước kế là Ngài tuyển chọn đệ tử. Có chùa tức phải có tăng. Thế nên Ngài tuyển chọn tăng chúng trên hai mươi tuổi và dưới bốn mươi tuổi. Ngài cũng quy định tăng chúng mỗi ngày bốn thời công phu tụng kinh, niệm Phật, bái sám. Song, có một số tăng sĩ tuy cắt tóc vào chùa, nhưng trong tâm lại không muốn tu hành, nên không biết ý nghĩa xuất gia là gì, chỉ thích làm nghề cày cấy. Hầu mong giúp họ hiểu rõ Phật pháp, Ngài cố ra công sức dạy dỗ, nhưng thật rất khó. Ngài lại mời các nhà nho như Lương Tứ Tương, Long Chương v.v... đến dạy tứ thư, đạo lý làm người cho các chú tiểu, từ tám tuổi đến hai mươi tuổi. Sau ba năm học tập, những chú tiểu này chính thức xuất gia, trở thành đệ tử của chùa Nam Hoa.

Năm 1603, vào tháng mười một vì sự liên hệ với Ngài và vụ án Yêu Thư tại Bắc Kinh, Thiền Sư Đạt Quán bị bắt bỏ tù. Khi xưa, biết không thể trốn thoát hình phạt, Ngài yên tâm chờ đợi lịnh xử án. Nhờ hoàng đế khoan hồng, nên Ngài thoát chết và được giải vào vào Nam.

* Lời bàn của Phước Chưng *:

Năm đó, Thiền Sư Đạt Quán ngồi Thiền nhập định mà qua đời trong ngục tù. Trong quyển tự thuật ngài Hám Sơn không nhắc đến sự kiện này. Song, vài năm sau lúc tham dự buổi lễ trà tỳ nhục thân Thiền Sư Đạt Quán, Ngài có viết rất nhiều bài kệ tán thán vị pháp hữu của mình và được khắc ghi trên mộ bia.

Năm 1604, vào tháng giêng, vì việc của Thiền Sư Đạt Quán, triều đình ban lịnh cho cho quan địa phương đưa Ngài về viện thẩm phán. Ngài theo lịnh triều đình, rời Tào Khê để trở về Lôi Châu. Ngài nhớ lời của Thiền Sư Đạt Quán: "Kinh Lăng Nghiêm thuyết về nhân quả trong bảy loài, nhưng chưa có sách vở thế gian nào giải thích hết."

Khi đó, Ngài đáp: "Truyện Xuân Thu bàn về nhân quả rõ ràng."

Sau này Ngài viết quyển "Xuân Thu Tả Thị Tâm Pháp." (Trong quyển sách này, Ngài nhắc nhở gián tiếp nhà vua đương thời về việc ảnh hưởng tai hại lòng tin ngu muội vào các cung tần, mỹ nữ của các triều vua trước. Những cung tần mỹ nữ này là một trong những nguyên nhân chính làm sụp đổ triều đình).

Năm 1605, vào tháng ba Ngài vượt biển đến đảo Hải Nam, nơi vùng đất tận cùng về phía nam của Minh triều. Từ xưa đến nay, đảo Hải Nam vốn là nơi lưu trú của những quan lại, tướng sĩ, học giả, đạo sĩ, tăng sĩ bất đồng chánh kiến với triều đình. Xưa kia, Tô Đông Pha vì bất đồng ý kiến với các đại thần trong triều nên bị bãi chức và đày ra đảo Hải Nam lúc sáu mươi tuổi. Tuy cách xa cả năm trăm năm, nhưng tâm tình và hoàn cảnh của Ngài thật giống với Tô Đông Pha. Song, so với Tô Đông Pha, Ngài có phần phước nhiều hơn vì không bị triều đình bức bách quá đáng.

Ngài đến thăm am Quán Lang của Tô Đông Pha và suối Bạch Long. Ngài tìm kiếm di tích của Thiền Sư Giác Phạm nhưng không được. Ngài trú tại tháp viện Minh Xương và viết lời tựa cho quyển "Xuân Thu Tả Thị Tâm Pháp". Ngài đến núi Danh Sơn, viết quyển "Quỳnh Hải Thám Kỳ Ký", tức quyển sách tham tầm đảo Hải Nam, và quyển "Kim Túc Tuyền Ký", tức quyển ký sự dòng suối gạo vàng. Tại Quỳnh Châu, vào một đêm nọ, Ngài ra Quận Thành ngắm cảnh trăng khuya, nhưng đột nhiên cảm thấy có điều chi lạ lùng. Ngài phát hiện núi non suối ngàn lặng lẽ mà trong thành dường như không có bóng người, duy chỉ có phía tây của Quận Thành là còn chút sinh khí. Do đó, Ngài bảo các đệ tử: "Quỳnh Thành trong tương lai sẽ có thiên tai hoạn nạn. Phải mau lễ sám cầu an."

Dân chúng trong vùng cho đó là lời huyễn hoặc nên không màng đến. Sau khi vượt biển Hải Nam trở vào đất liền khoảng nửa tháng thì một trận động đất lớn xảy ra tại Quỳnh Châu. Tất cả nhà cửa phòng ốc phía đông Quận Thành cùng cách tường và cổng thành đều bị hủy hoại. Tháp Minh

Xương bị đổ sụp. Căn nhà Ngài ở khi trước, cũng bị đổ nát tan tành.

Trước đó, khi sắp trở vào đất liền tuy được các quan dân sĩ phu trong vùng cố lưu giữ, nhưng Ngài không dám ở lại. Nếu không đi, thì chắc thân Ngài đã thành tro bụi rồi. Sau trận động đất, lòng tin tưởng của họ đối với Ngài thực rất sâu đậm. Khi lênh đênh trên vịnh Hải Nam để vào đất liền, Ngài có dịp ngắm cảnh Quỳnh Hải. Đảo Hải Nam là một trong những hòn đảo lớn nhất của nước Tàu.

Tháng tư, thống đốc họ Đái ra lịnh cho Ngài trở về Ngũ Dương.

Tháng bảy, Ngài trở lại Tào Khê, tiếp tục công trình trùng tu chùa. Khi Ngài rời Tào Khê, những phòng ốc cũ đã được phá hủy và đang được xây dựng lại. Lúc trở về, công trình trùng tu chùa chiền đã xong khoảng bảy mươi phần trăm. Tiền công và vật liệu tốn khoảng vài ngàn đồng vàng. Số tiền này đều do Ngài đi hóa duyên mà được. Song cũng chưa đủ, nên Ngài khuyến khích hai vị quan nội sử cúng dường. Số tiền cúng dường được trả tiền nợ và cũng dùng để sửa chữa am Trường Xuân ở Ngũ Dương, làm nơi thu nhận tiền cúng dường xây dựng chùa Nam Hoa ở Tào Khê.

Tháng mười, hai thị giả Quảng Ích và Quảng Nhiếp xuất gia. (còn tiếp)

Cuộc đời của H.T Tuyên Hoá

Tiếp theo kỳ trước

57. In kinh tạo tượng.

Kinh Phật cốt dùng hoằng dương giáo pháp là công cụ lợi sanh, Kinh điển có giá trị vô vàn ví như ngọn đuốc sáng trong đêm tối; nếu nhân gian không có Kinh Phật sẽ như trong đêm khuya dài dẳng không một ánh đèn. Vì vậy phiên dịnh ấn hành kinh điển khiến ba giáo tạng lưu hành trên thế gian là công tác đầu tiên trong việc cứu độ chúng sanh.

Trong từng giờ từng khắc Ngài đã không quên bi nguyện hoằng pháp, lưu thông Kinh điển nên Ngài đã ấn hành Phẩm Phổ Môn, Kinh Địa Tạng, Kinh Kim Cang, Kinh Lăng Nghiêm...để phân phát khắp nơi.

Ngài đã không quản ngại ra công tuyển chọn họa sĩ thiện nghệ để chính thức giao phó trách nhiệm minh họa lại Lịch sử Lão Hòa Thượng Hư Vân. Tác phẩm này đã được trình bày qua hai ngàn bức họa tuyệt tác. Đạo đức cao vời, hạnh nguyện cao cả, sự lao tác cùng tinh lực phi thường của Hòa Thượng đã được chính tay Ngài viết qua những bài kệ tán thán, bao gồm mười ngàn chữ. Đây là quyển Thánh nhân truyền ký "Hư Vân Lão Hòa Thượng Họa Truyện Tập" chúng ta không thể không tham khảo. Hòa Thượng Hư Vân đã được diễn đạt như một Đạo sư gương mẫu muôn đời cho đoàn hậu học mai sau.

Ngoài việc xây cất những đạo tràng mới, Ngài tiếp tục bảo trợ việc đúc tượng Phật, Bồ Tát và các vị Hộ Pháp. Ngài không ngại về khoản chi phí lớn để mời các điêu khắc gia, thợ giỏi để đúc tượng cùng sơn son thếp vàng làm hiện rõ ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẽ đẹp tuyệt vời của đức Như Lai; thuận tạo duyên cho chúng sanh khi chiêm ngưỡng tượng Phật sẽ phát Đại tâm lập Đại nguyện, hoặc đảnh lễ hoặc quán chiếu những nét trang nghiêm vào tâm khảm để vững lòng tu trì tinh tấn.

Khi vừa đến Hồng Kông Ngài đã cho đúc tượng đức Bồ Tát Quán Thế Âm Thiên Thủ Thiên Nhãn để xưng tán đức hạnh Bồ Tát và sự hành trì pháp Đại Bi. Bức tượng đã được tín chúng rất mực kính quý và trong những năm sau đã có nhiều Pháp sư xin mẫu để đúc thêm.

Ngoài ba tượng Ngài đã cho đúc để thờ tại Chùa Tây Lạc Viên và ba tượng khác tại Thiền viện Từ Hưng, Ngài còn cho đúc và thếp ba vị Phật Thích Ca, Dược Sư và A Di Đà cùng các tôn tượng Hộ Pháp Vi Đà, Già Lam. Ngài còn đích thân chú tượng Đức Phật A Di Đà tại Thiền viện Chân Như, đạo tràng của Lão Hòa Thượng Hư Vân tại núi Vân Cư. Ngài cũng đã đúc tượng Đức Lục Tổ Huệ Năng, tượng Đức Đại Lão Hòa Thượng Hư Vân, và tượng Đức Phật A Di Đà tại Tu viện Chí Liên Tịnh Uyển ở Hương Cảng. Trên bốn phía chánh điện của Vạn Phật Thành ở Mỹ Quốc là mười ngàn tượng Phật Thích Ca lớn nhỏ đều do chính tay Ngài đã đúc thành hơn mười năm qua; trong nhiều đêm không ngủ để khắc từng tượng một và còn đặt tóc của Ngài vào mỗi tượng nữa. Ngài kể lại:

- Lúc đầu mới tới Mỹ tôi tự hỏi, "Tôi đến phương Tây này để làm gì? Nên phát đại nguyện

là muốn làm một điêu khắc gia để khắc ra những vị Phật sống, Bồ Tát sống, Tổ Sư sống. và tôi còn muốn hóa toàn bộ chúng sanh trên thế giới thành ra những vị Phật sống, Bồ Tát sống và những Tổ Sư sống."
Ngài thường nói:
"Chỉ cần giữ giới cho thanh tịnh, nghiêm túc tu hành, thuyết giảng giáo lý cho hợp lẽ đạo, bố thí vô ngã và làm lợi cho Phật pháp. nếu quý vị giữ gìn đạo hạnh, thì việc người đời bàn tán về các vị không có quan trọng vì chính các vị nhận thức được đâu là chân, đâu là giả."
Vì vậy Ngài đã không nề gian khổ phát đại lượng tâm in kinh ấn tống, tô đắp tượng Phật, Bồ Tát khiến ngôi Tam Bảo mãi được hưng long. Đây là mục đích trọng yếu trong cuộc đời Ngài.

58. Phật Giáo Giảng Đường.

Nữ cư sĩ Dư Quả Mãn trước kia thường bái viếng Ngài tại Động Quán Âm nhưng từ lúc Ngài rời khỏi động bà bặt tin tức về Ngài. Bà đã cố gắng dò hỏi tông tích của Ngài trong nhiều năm qua nhưng chẳng có kết quả gì.

Năm 1956, Quả Mãn bị gẫy xương bàn tay đến nhờ Bác sĩ đông y chữa trị, khi Bác sĩ ấy kê toa "Long Cốt" tức xương rồng làm thuốc thì Quả Mãn phản đối:
- Thưa Bác sĩ tôi không dùng thứ này được vì tôi đang ăn chay.
Bên cạnh bà là một bệnh nhân khác, đệ tử Ngài tên Diêu Quả Bạch nghe thế liền hỏi: - Thầy của bà là ai?
- Tôi chưa Quy Y nhưng tôi đã từng gặp một vị Pháp Sư đức độ, chân chánh tu hành tại núi Phù Dung, Động Quán Âm nhưng nay tìm mãi mà tôi vẫn không biết Ngài đang ở đâu?
- Vị Pháp Sư đó người ra sao?
- Ngài thường đeo chuỗi hạt trầm hương và trên ngực có một loạt sẹo khắc chữ Vạn!
- A! là Thầy của tôi đấy!

Đối đáp một hồi Quả Mãn đã vui mừng khôn xiết vì tìm ra được tăm tích Ngài. Ngay hôm sau Bà cùng với Quả Bạch đến Chùa Tây Lạc Viên; thân bà to béo nhưng không quản mệt nhọc bước lên hơn ba trăm nấc thang nhất định bái kiến Ngài, lần này bà không bỏ qua cơ hội xin thọ Quy y và sau đó cả gia đình bà cũng Quy y Tam Bảo.

Bà và một số Phật Tử khác đã đắc lực ủng hộ Ngài trong việc hoằng dương Phật pháp cùng phát tâm mua trọn tầng lầu thứ mười hai của một cao ốc tọa lạc tại Happy Valley cạnh vùng đua ngựa của trung tâm thành phố Hương Cảng để dựng đạo tràng mới, làm nơi thuận tiện cho các Phật tử tu hành. Vì thế năm 1956 Phật Giáo Giảng Đường được thành lập. Nơi đây Ngài giảng kinh thuyết pháp và tổ chức những sinh hoạt Phật giáo khác đã được tín chúng cùng khách viếng thăm đến đông đảo cho đến ngày nay. Nguyên cả một bức tường của Giảng Đường gồm toàn cửa sổ nên ánh nắng chiếu sáng cả Giảng Đường. Giảng Đường được nằm ở tầng cao nhất nên người ta có thể lên mái phẳng của cao ốc một cách dễ dàng và họ còn trồng rau, kiểng và hoa để cúng Phật.

Chính Ngài thường chuyển pháp luân qua những buổi thuyết giảng, Ngài cũng khuyến khích và huấn luyện cho chư đệ tử luân phiên diễn giảng vào mỗi cuối tuần.

Lúc những Phật tử trẻ thuần thành không đến được thì có lão cư sĩ Hồ Quả Vi đã ngoài sáu mươi tuổi cũng ra tham gia buổi giảng và còn vì đại chúng làm một bài thơ Tịnh Độ:

Diêu chỉ Tây Phương lạc nhật biên
Nhứt điều quy lộ trực như huyền
Khứ thời bất dụng xuyên hài miệt
Bộ bộ liên hoa đóa đóa sanh

Tạm dịch:

Tây Phương xa thẳm tận chân trời
Một nẻo dây đàn thẳng đến nơi
Khi đi chẳng nệ mang giày vớ
Mỗi bước hoa sen nở dưới chân.

Chúng ta chớ nên cười bà, bà chính là mẹ của Lý Quả Viễn (Xin xem bài 43- Người tin được cứu.) Từ ngày được Quy y, bà đã chưa từng rời chuỗi tràng mà niệm Phật miên mật. Khoảng đầu năm 1962, bà đi thăm bà con và các bạn thân mà Bà đã lâu chưa gặp lại, xong về nhà Bà an tường ra đi. Ngài từng nói:
- Biết thuyết pháp không bằng biết nghe pháp, biết nghe pháp lại không bằng biết hành trì.
Bà Hồ quả là một gương sáng đáng cho chúng ta noi theo!

59."Bạch Thủy Tuyền Trung Nhất Đại Thiên".

Sau khi Giảng Đường được thành lập thường có nhiều người đến viếng thăm Ngài kể cả các vị Tu sĩ có tiếng. Lần nọ có Pháp sư Nguyệt Khê để tóc dài tu hạnh đầu đà và xưa kia đã từng đốt ngón

tay cúng dường Phật. Sư đến Phật Giáo Giảng Đường tham bái Ngài, Ngài bảo:
- Pháp sư, tôi có câu đối liễn này, nếu Thầy đáp được tôi sẽ xưng Thầy là Trưởng Lão chân tu, bằng không đáp được thì tôi sẽ gọi là Lão Ma Vương. Thầy nghe kỹ đây,
"Bạch thủy tuyền trung nhất đại thiên."
Chữ thứ nhứt Bạch và chữ thứ hai Thủy hợp lại thành chữ Tuyền.
Chữ thứ tư nằm chính giữa câu cũng là chữ Trung.
Chữ thứ năm Nhất nhập với chữ thứ sáu Đại ra chữ Thiên.

Muốn đối lại câu trên, Pháp Sư này phải tìm cho ra những chữ vừa đối và vừa có cấu trúc tương tợ. Cả nửa giờ sau lão Pháp sư ấy chỉ biết lấy tay xoa đầu không đối đáp nổi. Ngài liền thuyết thêm một bài kệ giáo huấn Lão như sau:

"Bồng thủ cấu diện Lão Ma vương
Đáo xứ linh nhân thuyết đoạn trường
Phóng hạ, vật phóng hạ?"

Tạm dịch:

Đầu bù mặt bẩn Lão Ma vương,
Đến đâu đều khiến chúng than phiền.
Xả bỏ, sao không cố xả bỏ?

Không đáp được câu đối, Pháp sư Nguyệt Khê bèn chuẩn bị cáo từ, Ngài đưa ông ra tới tận của rồi nắm lấy búi tóc dài của ông kéo xuống buộc ông ta phải quỳ xuống và Ngài trừng nhìn ông nói:
- Này Lão Ma vương xem thử ông có bao nhiên thần thông để thoát khỏi trận này? Ông có tài cáng gì thì cứ trổ ra đi, mau lên, mau lên!

Tại sao Lão Pháp Sư kia phải bị trừng trị đích đáng như vầy? Bởi xưa khi vừa đến Hương Cảng, Ông ta đã tuyên bố rằng ông chính là Thầy của Hòa Thượng Hư Vân và có nhiều thần thông thâm hậu. Rất nhiều đệ tử của Ngài Hư Vân tưởng thật nên hết lòng cung kính, hộ pháp và cúng dường như vị Tổ của họ; và còn có một Đệ tử viết thơ báo tin cho Hòa Thượng là Thầy của Hòa Thượng đã đến Hồng Kông.

Ngài Hư Vân đáp:
- Tôi có nghe nói về Sư tóc dài đó... nên người đệ tử này nói là Thầy của tôi? Lão Hòa Thượng cũng không màng cải chánh: phải hay không phải là Thầy của Hòa Thượng; nhưng lá thơ này cho chúng ta thấy rõ là Phật tử ở Hồng Kông đã bị lừa to. Khi có người hỏi vặn, Pháp Sư Nguyệt Khê liền nổi nóng cho rằng:
- Lúc còn bé, Thầy các ông đã tới lạy và xin tôi cho xuất gia nhưng tôi không thâu... và đuổi đi chỗ khác, rồi thì ổng quỳ trước mặt tôi khóc ròng nước mắt nước mũi ràn rụa nhưng tôi vẫn không nhận.

Lúc bấy giờ Lão Hòa Thượng Hư Vân đã hơn trăm tuổi, là bằng chứng cụ thể cho chúng ta thấy được chuyện vô lý này do Pháp Sư Nguyệt Khê đã bịa ra. Giờ đây chúng ta thử xem ai sẽ là người có thể tiếp Lão đầu đà kia đáp câu đối của Ngài?

60. Sang Miến Điện triều Tháp.

Năm 1957, nhân viên Lãnh sự quán cùng Pháp quan Miến Điện là Trần Chấn Phú và Dư Trấn Đông đã đến Phật Giáo Giảng Đường thỉnh Ngài sang nước họ tham quan. Với nhã ý hợp nhất hai tông Đại Tiểu nhằm đoàn kết lực lượng Phật Giáo trên toàn thế giới nên Ngài đáp lời và dắt Quả Mật cùng đi. Hai Thầy Trò đã tham quan Trường Đại học Phật Giáo Pegu, triêu lễ Tháp Đại Kim và hướng dẫn hơn trăm tín đồ nhiễu tháp niệm Phật. Tại Chùa Thụy Phật, Ngài cùng chư tăng Miến Điện tọa thiền trước tượng Phật nằm nghiêng khổng lồ. Ngài đã tuyên dương hai phái Đại Tiểu thừa là đều đồng chí hướng -Tham Thiền Học Phật. Khi Ngài rời Miến Điện về Hương Cảng, chúng cư sĩ quỳ nơi sân bay bùi ngùi tiễn chân Ngài, vì chỉ trong thời gian ngắn ngủi mà họ đã cảm nhận được lòng từ bi cũng như oai đức cao dày của một vị chân tu.

(còn tiếp)

chia sẻ sự LẠC QUAN

Hai người đàn ông đều bệnh nặng, được xếp chung một phòng tại bệnh viện. Một người được phép ngồi dậy mỗi ngày một tiếng vào buổi chiều để thông khí trong phổi. Giường ông ta nằm cạnh cửa sổ duy nhất trong phòng. Người kia phải nằm suốt ngày. Hai người đã nói với nhau rất nhiều. Họ nói về vợ con, gia đình, nhà cửa, công việc, những năm tháng trong quân đội và cả những kỳ nghỉ đã trải qua.

Một chiều, khi được ngồi dậy, người đàn ông

cạnh cửa sổ dành hết thời gian để tả lại cho bạn cùng phòng những gì ông thấy được ngoài cửa sổ. Người kia, mỗi chiều lại chờ đợi được sống trong cái thời khắc một tiếng đó – cái thời gian mà thế giới của ông được mở ra sống động bởi những hoạt động và màu sắc bên ngoài.

Cửa sổ nhìn ra một công viên với một cái hồ nhỏ xinh xắn. Vịt, ngỗng đùa giỡn trên mặt hồ trong khi bọn trẻ thả những chiếc thuyền giấy. Những cặp tình nhân tay trong tay đi dạo giữa ngàn hoa và ráng chiều rực rỡ. Những cây cổ thụ xum xuê toả bóng mát, và xa xa là đường chân trời của thành phố ẩn hiện.

Khi người đàn ông bên cửa sổ mô tả bằng những chi tiết tinh tế, người kia có thể nhắm mắt và tưởng tượng ra cho riêng mình một bức tranh sống động. Một chiều, người đàn ông bên cửa sổ mô tả một đoàn diễu hành đi ngang qua. Dù không nghe được tiếng nhạc, người kia vẫn như nhìn thấy được trong tưởng tượng qua lời kể của người bạn cùng phòng.

Ngày và đêm dần trôi…..Một sáng, khi mang nước tắm đến phòng cho họ, cô y tá phát hiện người đàn ông bên cửa sổ đã qua đời êm ái trong giấc ngủ. Cô báo cho người nhà đến mang ông ta về. Một ngày kia, người đàn ông còn lại yêu cầu được chuyển đến cạnh cửa sổ. Cô y tá đồng ý để ông được yên tĩnh một mình. Chậm chạp gắn sức, ông nhổm dậy bằng hai cùi chỏ và ngắm nhìn thế giới bên ngoài. Ông căn thẳng nhìn ra cửa sổ. Đối diện với cửa sổ chỉ là một bức tường xám xịt. Ông hỏi cô y tá cái gì khiến cho người bạn khốn khổ cùng phòng của ông đã mô tả cho ông nghe những điều tuyệt diệu qua cửa sổ. Cô y tá cho biết rằng người đàn ông đó bị mù và thậm chí ông ta cũng không thấy được bức tường nữa. Cô nói:" Nhưng có lẽ ông ta muốn khuyến khích ông can đảm hơn.

chú tiểu Ngộ Tánh

Ở ngôi làng nọ có một gia đình giàu có, đôi vợ chồng trẻ này đã kết hôn trên mười năm nhưng họ không thể sinh được một đứa con để nối dõi tông đường. Thấy thế, hai vợ chồng trẻ đi đến bác sĩ để tìm hiểu nguyên nhân nhưng bác sĩ bảo rằng họ không có vấn đề gì trong quá trình sinh con cả. Người vợ đem kết quả khám về thưa với bố mẹ và bị bố mẹ chồng phản đối:

- Nếu con Hiền không sinh con được thì phải ta cưới vợ bé cho thằng Lương, vì bố mẹ cũng đã chờ đợi mười năm rồi mà chẳng có được một mụn cháu nội để ẵm bồng.

Tuy nhiên người con dâu không buồn cha mẹ chồng vì cô thấy đó cũng là lỗi của mình, không thể trách ai được. Hằng ngày, cô vẫn sống một cách vui vẻ, hiếu thảo với bố mẹ chồng. Hiền là một người vợ hiền lành, nết na, chăm sóc gia đình chu đáo và luôn chung thủy đối với chồng.

Vào một ngày đẹp trời, Hiền đi chùa lễ Phật. Trên đường đi, Hiền gặp một cậu bé thật tướng hảo dễ thương. Cậu bé gặp cô liền chào hỏi:
- Chào cô! Cô có thể cho cháu biết tên được không ạ? Nhà cô ở đâu? Sao cháu thấy tâm hồn của cô chứa đựng nhiều nỗi buồn lo lắng?

Cô rất ngạc nhiên trước những câu hỏi dồn dập của cậu bé. Cô cảm thấy cậu bé rất thân thiện, dễ mến giống như đã có tình mẫu tử nhiều đời, nhiều kiếp giờ gặp nhau. Hiền rất vui mừng và trả lời:
- Cháu à! Cô tên là Hiền, chồng của cô tên là Lương, gia đình cô sống trong ngôi làng này.
Sau đó cô Hiền đem sự việc kể cậu bé nghe trước hoàn cảnh khó khăn, nghe qua câu chuyện, cậu bé vô cùng cảm động. Cậu bé liền hỏi cô Hiền rằng:
- Nếu có một ước mơ, thì Cô ước điều gì?
- Nếu có ước mơ, thì cô ao ước có một người con trai dễ thương, hiền hậu, tướng hảo y như cháu – Hiền xoa đầu và trả lời cậu bé

Cậu bé mỉm cười không nói một lời nào, cậu tạm biệt cô Hiền. Sau khi chia tay cậu bé, Hiền lên chùa lễ Phật. Cô gặp sư ông phương trượng Quảng Phước, cô được Sư ông giảng giải Phật pháp, cô được tắm mình trong dòng pháp nhũ của Phật Đà. Hiền giống như một lữ hành đi trên sa mạc đang khát nước và được một người cho nước uống. Nhờ dòng pháp nhũ mà cô thấu rõ được nguồn gốc khổ đau, tâm hồn cô đã cởi bỏ được những ràng buộc phiền muộn và cảm thấy nội tâm rất an lạc. Sau đó Hiền bái chào Phương trượng ra về.

Sau khi về nhà cô phát tâm ăn chay trường niệm Phật, tụng kinh, hành thiền mỗi ngày. Với niềm tin mãnh liệt, xem đạo Phật như là một chìa khóa

vạn năng để mở cửa giải thoát tâm hồn đang trói buộc, như là một nơi nương tựa vững chắc cho một tinh thần đang suy sụp, cô không còn nghĩ đến vấn đề sinh con hay là cưới vợ bé cho chồng. Cô thản nhiên sống an lạc trong cuộc sống hiện tại, cô đã hiểu được nhân duyên, nhân quả, cái gì đến sẽ đến, cái gì không có duyên thì có đợi nó cũng không bao giờ đến.

Thời gian cứ thế qua đi, ba tháng sau, cô cảm thấy trong người khác lạ, một dấu vui mừng đã đến. Cô rất phấn khởi và cảm ơn trời Phật đã cho cô thỏa ước mơ được làm mẹ của mình. Thời gian chín tháng mười ngày cô lâm bồn và hạ sinh được một bé trai thật kháu khỉnh dễ thương. Điều đặc biệt và đáng ngạc nhiên là cậu bé sinh ra không có khóc như những đứa trẻ khác. Cậu bé mở mắt chào đời và nhìn người mẹ với một ánh mắt trìu mến. Cậu bé được sinh ra và sống trong một gia đình giàu có, được hấp thụ tình thương ngọt ngào từ ông bà, bố mẹ. Được xem như là viên ngọc quý báu nên cậu được đặt tên là…"Bảo Châu".

Từ ngày sinh bé Châu ra, gia đình vợ chồng trẻ được sống hạnh phúc bình an. Thời gian thắm thoát trôi đi thật nhanh, mới đó bé Châu đã được mười tuổi. Một hôm người mẹ dẫn bé Châu đi chùa lễ Phật, khi vào đến chùa bé Châu nhìn thấy chùa thật trang nghiêm, thanh tịnh. Bé chắp tay đảnh lễ Phương Trượng, bé nhìn thấy khuôn mặt Sư ông đầy lòng từ bi, là bậc chân tu đắc đạo. Lúc bấy giờ Sư ông cho bé Châu một trái chuối, sau khi bé Châu ăn xong trái chuối Sư ông hỏi:
- Con ăn cảm thấy thế nào? Có ngon không?
Bé Châu trả lời:
- Bạch Sư ông! Ngon ạ.

Mặc dù bé Châu tuy mới mười tuổi, nhưng rất thông minh, khôn khéo và lễ phép. Bấy giờ bé Châu đặt câu hỏi với Sư ông:
- Bạch Sư ông! Thế nào gọi là đạo giải thoát?
- Sư ông rất ngạc nhiên trước câu hỏi của bé Châu. Sư ông cầm trái chuối đưa bé Châu và nói:
- Con hãy lột bỏ hết vỏ chuối, còn lại bên trong và hương vị ngọt ngào đó chính là đạo giải thoát. Nếu con không lột vỏ thì không thể nào con cảm nhận được hương vị bên trong của nó.

Bé Châu đã giác ngộ được điều Sư ông giải thích và đặt câu hỏi thứ hai:
- Bạch Sư ông! Thế nào là mục đích của người xuất gia? Tại sao Sư ông phải xuất gia?

Sư ông tự tay mình cầm trái chuối lột vỏ ra ăn một nửa, còn nửa kia đưa cho mẹ bé Châu, đó chính là mục đích của người xuất gia. Sư ông lấy hai trái chuối đưa bé Châu, bảo rằng:
- Con hỏi tại sao phải xuất gia ư? Con hãy lột vỏ ra ăn một trái, rồi trái kia mời mẹ của con.
- Vậy thưa Sư ông, thế nào gọi là Phật? Thế nào gọi là chúng sinh? – Câu hỏi thứ ba của Châu.

Sư ông đưa tay ra, rồi ngửa bàn tay lên, bảo thế này gọi là Phật. Sư ông úp bàn tay lại, bảo rằng đây gọi là chúng sinh. Sau đó Bé châu hỏi đến câu thứ tư:
- Thế nào gọi là chánh đạo? Thế nào gọi là tà đạo ạ?
Sư ông bấy giờ đưa tay phải ra, bảo đây gọi là chánh đạo. Sư ông đưa tay trái ra, bảo rằng đây gọi là tà đạo.

Sư ông nhìn khuôn mặt của bé Châu và biết bé Châu đã ngộ được với những gì ông đã khai thị. Bé Châu đặt câu hỏi cuối cùng:
- Bạch Sư ông! Thế nào gọi là "Tâm Chơn Như"?
Bấy giờ sư Ông không trả lời, chỉ mỉm cười, bé Châu cũng ngộ được chân lý cũng cười theo.

Sau cuộc đàm thoại giữa Sư ông và bé Châu, người mẹ đứng ngơ ngác không hiểu được nội dung ý nghĩa sự màu nhiệm này. Sau đó, mẹ dẫn bé Châu vào chánh điện lạy Phật. Lạy Phật xong rồi hai mẹ con đảnh lễ Sư ông ra về. Khi chào Sư ông, Sư ông hỏi bé Châu rằng: "Con còn trở lại thăm sư ông nữa không?" Bé Châu trả lời: "Dạ bạch Sư ông! Con sẽ nhớ mãi hương vị của trái chuối, con sẽ trở lại."

Sau khi về đến nhà, những lời dạy của Sư ông về đạo lý đạo giải thoát đã đánh thức hạt giống Bồ Đề Tâm của bé Châu.Thế là trong bữa cơm gia đình có đầy đủ ông bà và bố mẹ. Bé Châu quỳ gối thưa rằng:
- Thưa ông bà và bố mẹ! Con muốn đi xuất gia. Con cúi xin ông bà, bố mẹ chấp thuận cho con được toại nguyện.
Ông bà hết sức phản đối ý nguyện của bé Châu:
- Cháu không được đi xuất gia! Gia đình chỉ có một mình cháu là con trai duy nhất, cháu là cháu đích tôn, sau này con phải phụng dưỡng cha mẹ, nối dõi tông đường, lo hương khói cho ông bà tổ tiên. Nếu cháu đi xuất gia, có ba tội bất hiếu rất lớn.
- Một là không phụng dưỡng cha mẹ tội bất hiếu thứ nhất
- Hai là không có người nối dõi tông đường, tội bất hiếu thứ hai

- Ba là không đi quân đội làm nhiệm vụ bảo vệ quốc gia, thiếu trách nhiệm của một người công dân đối với xã hội, đó chính là tội bất hiếu thứ ba.
- Nếu cháu giải thích sao cho hợp tình hợp lý thì ông bà sẽ cho cháu đi xuất gia theo ước nguyện của cháu.

Sau khi nghe ông bà nội chất vấn ba câu hỏi xong, trong lòng bé Châu rất mừng, Bé Châu quỳ gối vòng tay thưa rằng:

- Kính thưa ông bà, nếu thế gian này cho rằng đi tu không phụng dưỡng cha mẹ là bất hiếu thì trải qua hơn hai nghìn năm trăm năm lịch sử, tinh thần báo hiếu của Đạo Phật không đi vào lòng người và không bao giờ có lễ Vu Lan Báo Hiếu. Ngài Mục Liên Tôn Gỉa được xem như là một tấm gương hiếu hạnh để cho đời noi theo và biết bao nhiêu người đều tôn kính Ngài. Ngài đi xuất gia đâu có phụng dưỡng mẹ già nhưng Ngài được người đời tôn xưng là hiếu hạnh đệ nhất. Ngài đã cứu mẹ của Ngài thoát khỏi cảnh địa ngục khổ đau. Đức Phật Thích Ca xuất gia tìm con đường giải thoát cho bản thân, sau đó Ngài trở về lại thành Kapilavasthu thuyết pháp cho thân phụ của Ngài là Suddhodana chứng quả Arhat không còn bị sinh tử luân hồi. Ngài lên cung trời Đao-lợi thuyết pháp cho thân mẫu của Ngài là Maya cũng chứng quả Arhat. Ngài đã cứu vớt cha mẹ khỏi bị trầm luân sinh tử khổ đau. Nếu ông bà cha mẹ cho rằng đi xuất gia không phụng dưỡng cha mẹ là bất hiếu thì con nghĩ ngày nay tinh thần báo hiếu của Đạo Phật không tồn tại trên thế gian này. Nhưng ngược lại, Ngài được người đời kính lạy và tôn thờ khắp năm châu. Nơi nào có chúng sinh, nơi đó có Đạo Phật, cho nên cháu muốn noi gương hiếu hạnh của quý Ngài, muốn báo hiếu với ông bà, bố mẹ đã có công ơn sinh thành dưỡng dục cháu.

- Điều thứ hai, nếu cho rằng cháu đi xuất gia không có người nối dõi tông đường sẽ mang tội bất hiếu. Nếu ông bà, bố mẹ đã quy y theo Đạo Phật phải có niềm tin những lời Phật dạy. Quan niệm Phật Giáo cho rằng tất cả chúng sinh trong lục đạo luân hồi thay phiên nhau làm cha, làm mẹ, làm vợ làm chồng, làm con, làm cháu làm thân bằng quyến thuộc với nhau thì tại sao chỉ có cháu mới là người để nối dõi tông đường?

- Điều thứ ba ông bà cho rằng cháu đi xuất gia, không làm tròn bổn phận của một người công dân đối với xã hội, thiếu trách nhiệm đối với quốc gia. Cháu không nghĩ như vậy! Thưa ông bà, Phật Giáo là một tôn giáo hòa bình, dốc sức cho hòa bình. Đức Thích-Ca Mâu-Ni là một sứ giả hòa bình, Ngài thông qua việc khắc phục sự bất an và dao động của nội tâm giải thoát tự do, trở thành người hạnh phúc và giác ngộ. Vì thế, hòa bình là giá trị cần thiết của nhân loại. Đức Phật đã thể hội sâu sắc điều đó và Ngài dạy lại cho đệ tử, cho chúng sinh biết làm thế nào để cho thế giới hòa bình và xã hội trở về chân thiện mỹ. Đức Phật dạy chúng ta: "Vạn vật do nhân duyên hòa hợp mà sinh ra, thế giới như là một chỉnh thể các dạng quan hệ nằm trên sự

Lời vàng của
ẤN QUANG ĐẠI SƯ

- Bất luận là người tu tại gia hay xuất gia, cần phải trên kính dưới hòa, nhẫn nhục điều người khác khó nhẫn được, làm những việc mà người khác khó làm được, thay người làm những việc cực nhọc, thành tựu việc tốt cho người.

- Khi tĩnh tọa thường nghĩ đến điều lỗi của mình. Lúc nhàn đàm đừng bàn đến điều sai trái của người.

- Lúc đi, đứng, nằm, ngồi, ăn mặc, từ sáng đến tối, từ tối đến sáng, chỉ niệm Phật hiệu không để gián đoạn: hoặc niệm ra tiếng, hoặc niệm thầm.

- Ngoài việc niệm Phật, đừng dấy khởi một niệm nào khác. Nếu khởi vọng niệm, phải tức thời bỏ ngay.

- Thường có lòng hổ thẹn và tâm sám hối.

- Nếu đã tu trì, phải tự hiểu là công phu của ta hãy còn nông cạn, chẳng nên tự kiêu căng, khoa trương.

- Chỉ nên chăm sóc việc nhà mình, đừng nên dính vào việc nhà người.

- Chỉ nên nhìn đến những hình dạng tốt đẹp, đừng để mắt tới những hình dạng xấu xa bại hoại.

- Hãy coi mọi người đều là Bồ Tát, mà ta chỉ là kẻ phàm phu.

- Nếu quả có thể tu hành được như những điều kể trên, thì nhất định được sinh về Tây Phương Cực Lạc Thế Giới.

tương tục nhân quả của thế gian, nương tựa lẫn nhau. Con người, sự vật đều tuân theo một quy luật nhân quả có tầng thứ nhất định. Vận mạng của cá thể và vận mạng của toàn thể tương liên chặt chẽ với nhau."

- Đức Phật dạy: "Sở hữu chúng sanh, giai hữu Phật tánh, nguyên bổn thanh khiết, nhất luật bình đẳng." (Tất cả chúng sanh, đều có Phật tánh, nguồn gốc thanh khiết, hết thảy đều bình đẳng) Bình đẳng ở đây không chỉ là không đồng quan điểm, không đồng quần thể, không đồng nhân chủng mà còn là siêu việt nhân loại, phổ quát tất cả chúng sanh trong vũ trụ. Vì thế, Phật giáo yêu cầu chúng ta trong quan hệ giữa chúng sanh, xã hội, tự nhiên, chúng ta nên giúp đỡ lẫn nhau, hòa bình cộng xứ, nên tùy duyên đại từ, đồng thể đại bi; nên thương người như thương mình, không tàn sát lẫn nhau; tôn trọng lẫn nhau, không nên coi thường nhau; bắt tay hòa khí, phá trừ tự ngã, vứt bỏ tự hiềm, mang tâm bình đẳng; cùng nhau liễu giải, không tự phong bế; nên "Không làm các điều ác, gắng làm các việc lành"; không vì sự an lạc chỉ cho chính mình, mà luôn nguyện chúng sanh thoát ly khổ não; nên trang nghiêm quốc độ, lợi lạc hữu tình. Phật giáo phản đối chiến tranh, đề xướng hòa bình. Bởi lẽ, có chiến tranh là có sát hại. Phật giáo kịch liệt phản đối sát hại sinh mạng bao gồm con người và cả động vật cấp thấp. Chúng sanh đều giống chúng ta vậy, đều ham sống sợ chết. Vì lẽ đó, lấy lòng ta mà suy ra lòng người để rồi đem đến cho họ lòng từ bi rộng lớn, lòng thông cảm vô biên. Ngày hôm nay, cháu đi theo con đường lý tưởng từ bi và hòa bình mà đức Phật đã để lại, cháu đi xuất gia là mang bức thông điệp hòa bình truyền bá chúng sinh, làm cho thế giới hòa bình, chúng sinh an lạc, chiến tranh không còn, thế thì cháu đi nghĩa vụ quân sự để làm gì? Đó là cháu làm tròn bổn phận quốc gia của một người công dân, có công với mọi người, không phải là tội bất hiếu!

Sau khi nghe bé Châu trả lời ba câu hỏi một cách thuyết phục, ông bà không thể nào ngăn cản và nuốt lời nên đã chấp nhận cho bé Châu xuất gia theo như ý nguyện, bố mẹ nghe con mình trả lời như thế trong lòng rất vui mừng và chấp nhận cho bé Châu xuất gia.

Ngày hôm sau, người mẹ dẫn bé châu lên chùa để xuất gia, khi mới đến trước cổng chùa đã gặp Phương trượng đang quét rác. Hai mẹ con đảnh lễ thưa chuyện xuất gia của bé Châu. Sau đó mấy ngày, bé Châu xuống tóc trở thành một chú tiểu thật dễ thương. Phương Trượng đặt pháp danh cho bé Châu là "Ngộ Tánh". Kể từ đó, tên bé "Bảo Châu" không còn gọi nữa. Hằng ngày hai thầy trò sống trong am cốc tu viện rất thanh tịnh. Mỗi buổi sáng, Ngộ Tánh thức dậy thật sớm đánh chuông, Phương trượng tụng kinh, sau khi đánh chuông xong chú Ngộ Tánh lo nấu nước pha trà cho Sư Phụ. Chú Ngộ Tánh đi quét rác, tưới hoa, những công việc hằng ngày trong bổn tự. Trong thời gian chỉ có một tháng, chú Ngộ Tánh đã thuộc hai thời công phu, và luật tỳ ni nhật dụng, biết tụng kinh, tinh thông Kinh, Luật Luận. Chú Ngộ tánh được Sư Phụ thương yêu.

Thời gian trôi đi thật nhanh một năm sau, vào một ngày nọ có một gia đình thí chủ dẫn theo con gái đi chùa lễ Phật. Khi vào chùa đảnh lễ Phương trượng, vợ chồng thí chủ trò chuyện với Phương trượng, cô con gái đi dạo chơi xung quanh chùa. Vô tình bé Tâm gặp chú tiểu Ngộ Tánh đang quét sân, cô bé chào chú Ngộ Tánh, chú chào lại bé Tâm. Bé Tâm nhìn khuôn mặt của chú Ngộ Tánh sao thật hiền hòa và dễ thương, cô bé bắt đầu trò chuyện với chú:

- Thưa chú! Chú pháp danh gì vậy?
- Mô phật! Phương trượng cho pháp danh là Ngộ Tánh.
- Thưa chú! Ngộ Tánh nghĩa là gì?

Chú Ngộ Tánh không trả lời chỉ dùng ngón tay chỉ lên mặt trời, bảo đó là ngộ tánh. (Tức là nhìn thấy được chân lý của các pháp)

- Thưa chú! Chú xuất gia bao lâu rồi?
- Mô phật! không lâu cũng không mau. Từ ngày Ngộ tánh biết quét chùa". (Biết tu tập, diệt trừ phiền não) - Chú Ngộ Tánh cầm cây chổi đưa bé Tâm và trả lời
- Thưa chú! Sao chú phải quét rác? Con thấy sân chùa trước giờ rất sạch sẽ không có rác sao chú vẫn cứ quét? (Ý bé Tâm nói: Người xuất gia rồi làm gì còn có phiền não để tiêu diệt)
- Mặc dù sân không thấy có rác, nhưng vẫn có bụi để quét, (ý nói mặc dù tâm phiền não thô đã diệt, nhưng vi tế phiền não vẫn còn)
- Thưa chú! sao Phương trượng không quét rác, mà chỉ một mình chú quét rác thôi?
- Mô Phật! Phương trượng quét rác mấy chục năm rồi không cần quét nữa, giờ đến Ngộ Tánh quét rác.
- Thưa chú! Sao chú phải đi xuất gia? Xuất gia mục đích gì?
- Mô Phật! Ngộ tánh xuất gia vì muốn học quét rác cho sạch sân chùa. Mục đích quét chùa để mọi người thấy sạch sẽ trang nghiêm rồi bắt

chước theo đó mà quét và quét để mọi người đi sạch sẽ. (Ý nói người xuất gia tu học giáo lý Phật để diệt trừ phiền não làm cho tâm thanh tịnh và làm gương cho Phật tử nương theo đó mà tu tập)
- Mô phật thưa chú! Hằng ngày con nghe mẹ nói mẹ hay sinh phiền não, thế nào là tâm phiền não? Phiền não từ đâu mà có? Nhờ chú khai ngộ.

Chú Ngộ Tánh không trả lời, chú dẫn bé Tâm ra hồ nước, nhìn mặt nước đang yên lặng trong sạch, nhìn thấy khuôn mặt của chú Ngộ Tánh và bé Tâm in dưới nước, bỗng dưng chú Ngộ Tánh dùng tay khuấy mặt nước, làm mặt nước chao động, những bùn dơ nổi lên không còn nhìn thấy hình ảnh của chú và bé Tâm nữa. Chú bảo đó là tâm phiền não, phiền não do đó mà sinh. Lúc đó bé Tâm được khai ngộ.
(Ý nói tâm xưa nay vốn thanh tịnh, yên như mặt nước. Nhưng do vọng tưởng nên sinh ra phiền não cấu uế) làm cho tâm bị nhiễm ô.
- Thưa chú: thế nào gọi là ái dục, và tác hại của nó ra sao?

Chú Ngộ Tánh không trả lời liền xô bé Tâm xuống hồ nước, bé Tâm hụp lặn dưới nước, sau đó chú Ngộ Tánh nhảy xuống nắm tay đưa bé Tâm lên bờ. Bé tâm giác ngộ và nở nụ cười thật tươi và cảm ơn những lời khai thị của chú. (Ý nói ái dụng như dòng nước sông, chính ái dục là cội gốc sinh tử luân hồi, nhấn chìm chúng sinh trong sáu nẻo luân hồi.)

Sau khi kéo bé Tâm lên bị ướt hết quần áo, chú Ngộ Tánh dẫn bé Tâm vào nhúm lửa sưởi ấm. Thì lúc đó có những con phù dung bay vào lửa chết, chú nói:
- Đó là tác hại của ái dục! Mặc dù loài phù dung nó biết đó là lửa nhưng vẫn bay vào, để rồi phải bị cảnh thiêu thân. (Ý nói, tất cả chúng sinh đều biết ái dục là nguồn gốc khổ đau sinh tử, thế nhưng con người vẫn chìm đắm mình trong ái dục)

Rồi hoàng hôn đã ngã bóng chiều tà, chú Ngộ Tánh dẫn bé Tâm về để chuẩn bị cơm chiều và công phu tối. Đến giờ cơm tối, Phương trượng và bố mẹ của bé Tâm ăn xong, để phần cơm cho chú Ngộ Tánh và bé Tâm. Nhìn trên bàn chỉ thấy một bát cơm, một đĩa rau luộc, với một chén nước tương, bé Tâm ăn không quen chỉ dùng một chút ít cho vui, rồi ngồi nhìn chú Ngộ Tánh ăn một cách ngon lành, bé Tâm hỏi:
- Thưa chú! Gia đình của chú chắc nghèo lắm đúng không? Hằng ngày bố mẹ cho ăn cơm rau luộc với nước tương, nên con nhìn chú ăn một cách ngon lành.
- Mô phật: Gia đình của Ngộ Tánh giàu có nhất ở ngôi làng này, hằng ngày bố mẹ cho ăn toàn những thứ cao lương mỹ vị, giờ xuất gia ăn cơm tương rau vẫn thấy ngon và sống an lạc. Mục đích là ăn để sống nuôi thân hành đạo, không phải mục đích sống để ăn – chú Ngộ Tánh trả lời:
- Sao gia đình của chú giàu có nhất ngôi làng này mà chú lại từ bỏ đi xuất gia? Không ở nhà hưởng kế thừa gia tài của bố mẹ? – Bé Tâm hỏi tiếp
Chú Ngộ Tánh hỏi bé tâm rằng:
- Tâm có biết về lịch sử đức Phật Thích Ca không?
- Dạ biết, thưa chú!
- Ngài sinh ra trong hoàng cung, là một thái tử Đông cung. Ngài có thể kế thừa ngai vàng của

VẬN MẠNG NHƯ THẾ NÀO?

Một người đang sống cuộc sống bình thường, đầu xuân vì tò mò nên đem câu hỏi thắc mắc về vận mệnh đi bái kiến một vị thiền sư:
- Thầy nói xem trên đời này có vận mệnh không?
- Có.
- Thầy chỉ giúp cho con thấy vận mệnh của con ở đâu không?
Vị thiền sư kêu anh ta xòe tay trái ra, chỉ anh ta xem và nói:
- Con thấy rõ chưa? Đường này gọi là đường tình cảm, đường này gọi là đường sự nghiệp, còn đường kia là đường sinh mệnh.

Sau đó, vị thiền sư kêu anh ta từ từ nắm tay lại, nắm thật chặt, thiền sư nói:
- Con nói xem, những đường đó đi đâu rồi?
Anh ta mơ hồ nói: Trong tay con đó!
- Vậy con đã biết vận mệnh của con ở đâu chưa?
Anh ta cuối cùng ngộ ra, thì ra vận mệnh nằm trong tay mình.

Bởi vậy công danh sự nghiệp, tình cảm gia đình… luôn canh cánh bên mình, tất cả đều là cơ hội để ta tạo dựng và nắm bắt đúng thời đúng lúc. Không ai tắm mãi trên một dòng sông hai lần, vì dòng nước cứ trôi mãi. Cơ hội đến với bạn cũng vậy, hãy nắm bắt và tận dụng hết lòng thì mọi điều tốt đẹp sẽ đến với bạn.

phụ vương. Ngài có cả cung vàng điện ngọc vợ đẹp con xinh, vàng bạc châu báu, biết bao nhiêu cung phi mỹ nữ hầu hạ, Ngài từ bỏ tất cả đi xuất gia tìm con đường giải thoát cho chính Ngài và tha nhân. Nếu Ngài sinh ra trong một gia đình nghèo khổ, thì ngày nay, những ngoại đạo có thể bảo rằng: "Đạo Phật là đạo nghèo khổ, vì nghèo khổ không có cơm ăn mới đi xuất gia, chứ lý tưởng cao thượng giải thoát gì đâu". Nếu Ngộ Tánh sinh ra trong một gia đình nghèo khổ đi xuất gia, có lẽ bây giờ bé Tâm cũng cho là Ngộ Tánh vì gia đình nghèo không nuôi con nổi nên cho đi ở chùa để kiếm cơm sống qua ngày.

Nói đến đây bé Tâm và Ngộ Tánh cười. Như là một sự thấu hiểu mục đích của người xuất gia.
Sau khi dược thực xong, đến giờ công phu chú Ngộ Tánh mặc áo vàng trông thật dễ thương đi đánh chuông, chú đọc câu kệ:

Nguyện thử chung thinh siêu Pháp giới
Thiết vi u ám tất giai văn.
Văn trần thanh tịnh chứng viên thông,
Nhứt thiết chúng sanh thành chánh giác"

Bài kệ thứ hai:

"Văn chung thanh phiền não khinh
Trí Huệ trưởng bồ đề sinh
Ly địa ngục xuất hỏa khinh
Nguyện thành Phật độ chúng sinh"

Bé Tâm cùng bố mẹ quỳ lạy Phật với tâm thành kính, rồi ngồi nghe Phương trượng tụng kinh. Sau thời khóa tụng bé Tâm có nhiều thắc mắc hỏi chú Ngộ Tánh rằng:
- Thưa chú! Mục đích của tụng kinh là gì? Sao con thấy bố mẹ thường tụng kinh rồi cầu nguyện nhiều thứ? Cầu gia đình làm ăn giàu có, gia đình bình an, khỏi bệnh tật đau ốm…
Chú Ngộ tánh không trả lời, chú dùng ngón tay chi lên mặt trăng, bảo rằng:
- Bé Tâm muốn thấy mặt trăng hãy nhìn theo ngón tay của Ngộ Tánh. Đó là mục đích ý nghĩa tụng kinh (ý nói nương vào phương tiện để đạt mục đích cứu cánh, tụng kinh là minh Phật chi lý)
Bé tâm hỏi tiếp:
- Thưa chú, lúc nãy chú đánh chuông để làm gì? Mục đích của việc làm đó là gì?
Chú Ngộ tánh liền gõ lên trán bé tâm một cái. Hỏi: "Bé tâm ngộ chưa?"
(Ý nói đánh chuông để cảnh tỉnh tâm vô minh của con người, khởi tạo nghiệp ác)
- Dạ thưa Tâm ngộ rồi ạ. Nhưng Thưa chú! Tối thượng của đạo Phật là gì?
Chú Ngộ tánh ban đầu đưa ra ba ngón tay. Nhưng cuối cùng chú chỉ đưa lên một ngón tay bảo rằng: "Đây là mục đích tối thượng của đạo Phật!"
(Ý nói vì căn cơ của chúng sinh có cao thấp, nên Phật mới Phân ra tam thừa: Thinh Văn Thừa, Duyên Giác Thừa, Bồ Tát Thừa. Nhưng cuối cùng mục đích rốt ráo của Đạo Phật chỉ còn lại Phật Thừa. Nên đức Phật dạy: "Tất cả chúng sinh cuối cùng rồi sẽ thành Phật")
- Bé Tâm hỏi thêm chú một vài câu hỏi nữa được không ạ?
- Mô Phật! Xin cứ hỏi, điều gì biết Ngộ Tánh trả lời, điều gì không biết xin hỏi Phương Trượng.
Bé Tâm thưa:
- Thưa chú! Thế nào là Phật tính?
- Phật tính ư? – Chú Ngộ Tánh chỉ vào cái đèn đang thắp sáng trên bàn Phật bảo rằng ngọn đèn bên trong chính là Phật tính. (Ý nói trí tuệ sáng suốt vốn có trong tâm mỗi chúng sinh)
- Vậy thế nào gọi là vô minh?
Chú Ngộ tánh liền thổi tắt đèn bảo như thế gọi là vô minh.
- Thế nào gọi là giới, định, tuệ và mối liên hệ của tam vô lậu học thế nào?
Chú Ngộ tánh chỉ vào bòng đèn nói rằng đây là giới, ngọn đèn đứng yên đang cháy đó là định, ánh sáng ngọn đèn phát ra đó là tuệ. Nếu không có bóng đèn, thì ngọn đèn sẽ bị gió thổi tắt. Nó không thể cháy sáng gọi là: "Nhân giới sinh định, nhân định phát huệ".
- Thế nào gọi là vọng tưởng?
Chú Ngộ Tánh chỉ bóng của bé Tâm in trên bức tường bảo đó là vọng tưởng.
- Thưa chú! Phật và chúng sinh là hai hay một, giống nhau và khác nhau như thế nào?
Chú Ngộ tánh chỉ vào hai cây đèn bảo rằng:
- Phật là ngọn đèn đã thắp sáng, chúng sinh là ngọn đèn chưa thắp sáng. Tướng thì có hai nhưng chức năng của đèn là giống nhau, mục đích là thắp sáng.
- Thế là chú Ngộ Tánh đốt cháy cây đèn đã tắt lên bảo bé Tâm: "Xem kìa! Hai cây đèn cháy sáng như nhau!"
- Thưa chú! Nếu chú nói Phật và chúng sinh tuy hai mà một? Hình tướng có hai nhưng thể tánh lại là một. Như vậy Phật có trước hay chúng sinh có trước?
Chú Ngộ tánh đưa cho bé tâm một quả xoài bảo rằng:
- Quả xoài có trước hay hột xoài có trước?
Thấy bé Tâm không biết trả lời, chú Ngộ Tánh giải thích:

- Trong quả xoài có hột xoài, trong hột xoài có quả xoài, cũng như trong con gà có trứng gà, trong trứng gà đã có con gà. Đạo Phật gọi là nhân quả đồng thời, trùng trùng duyên khởi, không có cái nào có trước, không cái nào có sau, khi mê chúng sinh, khi ngộ là Phật. Phật Thích Ca từ thái tử Siddhatta mà thành, Thái tử Siddhatta chính là Phật Thích Ca

Đã đến giờ chỉ tịnh nên gia đình bé Tâm đảnh lễ Phương trượng và chú Ngộ tánh ra về, bé Tâm cảm ơn chú Ngộ Tánh vì ngày hôm nay đã khai ngộ cho bé Tâm hiểu được nhiều Phật pháp.

Thời gian trôi đi thật nhanh, năm năm sau, chú Ngộ tánh vừa tròn 15 tuổi, ngày càng tướng hảo và thông minh. Một hôm chú bạch Sư phụ cho về thăm ông bà và cha mẹ. Chú được Sư ông chấp thuận.

Trên đường về nhà, chú Ngộ Tánh tình cờ gặp vợ chồng ông bà lão độ tuổi bảy mươi đang trên đường đi lễ Phật. Ông lão hỏi chú:
- Chú pháp danh gì? Chú tu chùa nào?
- Mô Phật Phương trượng đặt cho pháp danh là Ngộ Tánh. Ngộ Tánh tu ở chùa Bửu thắng. – Chú đáp
- Chú tu lâu chưa?
- Từ khi, Ngộ tánh biết cầm chuỗi niệm Phật
- Chú niệm Phật để làm gì?
Chú Ngộ Tánh không trả lời, đưa tay lên đầu, xoa đầu bảo rằng đó là mục đích niệm Phật (Ý nói niệm Phật là để tiêu trừ phiền não)
- Chú biết phương pháp nào để tu hành giải thoái không?
Chú liền lấy dây chuỗi ra, mở dây chuỗi đưa cho ông lão từng hạt, từng hạt bảo rằng:
- Đó là phương pháp tu tập để giải thoát. (Ý nói muốn giải thoát phải cởi trói phiền não trong tâm)
Ông lão khen Chú quả thật là thông minh và rất am hiểu Phật pháp. Bà lão chen vào hỏi chú Ngộ tánh:
- Chú đi tu rồi về nhà thấy thịt cá có thèm không?
Chú Ngộ Tánh đáp:
- Thưa Bà! Bà cụ có biết ăn trầu không?
- Không ạ
- Bà cụ không biết ăn trầu, vậy khi Bà cụ nhìn thấy trầu có thèm không?
- Không ạ
- Ngộ tánh cũng thế.
Bà lão hỏi tiếp:
- Mục đích của Phật ra đời để làm gì?
Chú Ngộ Tánh lấy trong túi cái đèn pin ra, mở đèn pin sáng lên rồi tặng cho bà cụ bảo rằng:
- Khi về trời tối bà cụ nhớ mở đèn Pin lên đi. Mục đích của Phật ra đời cũng thế
- Chú nói cao siêu quá, bà không hiểu.
Ông lão chen vào nói:
- Ý Chú Ngộ Tánh bảo mục đích đức Phật ra đời là: "Khai thị chúng sinh, ngộ nhập Phật tri kiến".
Ông lão hỏi chú đúng hay không, Chú Ngộ Tánh chỉ cười.
Bà lão hỏi tiếp:
- Chú có biết bà cụ từ đâu đến không? Chết đi về đâu? Chú hãy giải thích rõ ràng, không được nói thiền khó hiểu quá.
Chú hỏi bà lão:
- bác sĩ thì đi đâu?
Bà lão trả lời:
- Thì đi tới bệnh viện chẳng lẽ tới chợ?
Chú Ngộ Tánh cười:
- Dạ đúng vậy! Sau khi bác sĩ làm việc xong về đâu?
- Về nhà
- Học sinh thì đi đâu?
- Đến trường
- Học xong về đâu?
- Về nhà
- Bà bán cá đi đâu để bán?
- Đến chợ
- Bán xong về đâu?
- Về nhà
- Thầy tu đi đâu?
- Đi thuyết pháp,
- Thuyết Pháp xong về đâu?
- Thì về chùa
- Cũng vậy thưa bà sau khi chết tùy theo nghiệp lực mỗi người khác nhau, nên tái sinh vào những cảnh giới khác nhau. Do nghiệp lực dẫn dắt, làm thiện sinh về cảnh giới thiện, làm ác sinh về cảnh giới ác, cũng như Ngộ Tánh đã hỏi. Từ đó bà cụ suy ra. Bà cụ biết từ đâu đến, chết đi về đâu.
Bà cụ nói:
- Ôi trời Phật Pháp cao siêu khó hiểu quá
Chú Ngộ tánh nói với Bà cụ:
- Thưa bà! Phật Pháp không có cao, cũng không có thấp, do căn cơ mỗi chúng sinh, nên thấy có cao có thấp. Chú ví dụ cho bà hiểu:

Mô Phật! khi Ngộ Tánh học lớp một xem bài toán lớp 5 khó ơi là khó, xem vào không hiểu gì cả. Nhưng khi Ngộ Tánh lên lớp 6 rồi nhìn lại bài toán lớp năm quá dễ dàng. Khi còn ở địa vị phàm phu thấy giáo lý của Phật sao quá cao siêu, khi chứng thánh quả rồi không còn thấy cao thấp.
Ông lão chen vào hỏi:

- Theo quan điểm của Chú đời là khổ, hay hạnh phúc?
Chú Ngộ Tánh liền đưa cho ông cụ một đôi kiếng màu đen, bảo ông cụ đeo vào. Chú Ngộ Tánh hỏi:
- Ông nhìn thấy bầu trời thế nào?
- Toàn là màu đen
Chú Ngộ Tánh đưa tiếp ông cụ một đôi kiếng màu trắng, bảo ông cụ đeo vào. Chú Ngộ Tánh hỏi tiếp:
- Ông nhìn thấy bầu trời thế nào?
- Toàn màu trắng.
- Thưa ông! Vậy bầu trời đen hay trắng?
- Không đen, cũng không trắng
- Ngộ Tánh nhìn đời cũng thế.
Bà lão đứng bên khen rằng:
- Chú tuy còn nhỏ tuổi sao thông minh và am hiểu Phật pháp thế nhỉ.
- Vậy thế nào là gọi là vô thường?
Chú Ngộ Tánh chỉ lên đầu tóc bạc của bà lão bảo:
- Đó gọi là vô thường!
- Thế nào gọi là Pháp?
Chú ngộ tánh chỉ chiếc thuyền đang đậu trên sông. (Ý nói Pháp là phương tiện đưa chúng sinh từ bờ mê, đến bờ giác ngộ giải thoát)
Bà lão hỏi chú Ngộ Tánh tiếp:
- Nếu chú lớn lên, Chú có thích nữ sắc không?
Chú Ngộ tánh trả lời:
- Quá khứ thì qua rồi, tương lai thì chưa đến, Ngộ Tánh chỉ biết hiện tại.
- Thế nào gọi là hiện tại?
- Mô Phật, hiện tại là giữa một hơi thở ra và chuẩn bị nhận một hơi thở vào.
Ông lão bảo:
- Nếu chú tu thành Phật rồi chú sẽ làm gi?
- Mô Phật! Trước kia Ngộ tánh ở nhà muốn đến chùa. Khi đến chùa tu hành được rồi Ngộ tánh muốn về nhà.
- Ũa sao chú muốn về nhà? Bị Phương trượng đuổi à? Hay vì chán ở chùa rồi muốn về nhà?
- Mô Phật không phải. Đó là vì ước muốn của Ngộ Tánh muốn về nhà à.
- Chú nói sao lòng vòng Ông khó hiểu quá!
Bà lão chen vào:
- Ông này sao chậm hiểu quá vậy? Ý chú Ngộ Tánh bảo rằng: Khi còn chúng sinh ao ước tu hành thành Bồ Tát, thành Phật. Khi thành rồi phải có bản nguyện trở lại độ sinh. Cũng giống như học sinh còn đi học ao ước trở thành thầy cô giáo, khi thành thầy cô giáo rồi muốn trở lại trường dạy học sinh. Đơn giản vậy mà Ông không hiểu. Bà nói vậy đúng không Chú?
- Mô Phật, thiện tai!
- Mô Phật! Trời cũng tối rồi, ông bà cũng cáo biệt Chú để trở về nhà, cảm ơn chú đã cho vợ chồng già những bài pháp thật hay.

Sau khi chia tay ông bà lão, Chú Ngộ Tánh đi thêm một đoạn đường nữa thì gặp hai vợ chồng độ chừng 45 tuổi đang đi làm về. Chú Ngộ Tánh chắp tay chào:
- Mô Phật chào nhị vị thí chủ! Hai thí chủ vẫn khỏe chứ?
- Mô Phật vẫn khỏe ạ! Còn Chú thì sao? Cuộc sống ở chùa ra sao? Phương trượng vẫn khỏe chứ?
- Mô Phật! Phương trượng vẫn khỏe. Phương trượng gởi lời thăm hai vị thí chủ
- Kính gởi lời cảm ơn đến Phương trượng.
- Mô Phật!
Sau đó hai vợ chồng mời Chú Ngộ Tánh vào quán nước bên đường, ngồi uống nước và đàm đạo
Sau khi vào quán dùng nước. Người nữ thí chủ mới hỏi đạo:
- Mục đích chính đức Phật nói pháp để làm gì?
- Mô Phật!
"Không làm các việc ácThường làm các việc lànhGiữ tâm ý trong sạchĐó là lời chư Phật dạy"-
Thế nào gọi niệm Phật nhất tâm bất loạn
- Niệm vô niệm niệm.
- Thế nào gọi là niệm vô niệm niệm?
- Niệm khi nào không còn thấy mình niệm mới gọi là niệm.
- Vì sao thế? Chú hãy giải thích them!
- Vì niệm còn thấy mình niệm, đối tượng để niệm tức là còn chấp, còn ngã chấp, còn ngã chấp tức là còn vọng tưởng thì làm sao nhất tâm bất loạn.
- Chú có thể nào cho một ví dụ dễ hiểu không?
- Mô Phật! Hằng ngày thí chủ muốn thức dậy 5 giờ sáng để đi làm, có bữa thí chủ thức dậy 4 giờ, có bữa thức dậy trễ 6 giờ - tức là chưa nhất tâm. Thí chủ dùng đồng hồ báo thức canh đúng 5 giờ thì mỗi ngày đúng 5 giờ. Đồng hồ báo thức sẽ đánh thức thí chủ dậy - đây vẫn còn chấp, vì còn sử dụng phương tiện đồng hồ báo thức. Nhưng trải qua một thời gian dài trở thành thói quen. Cứ mỗi ngày đến 5 giờ sáng là thí chủ sẽ thức dậy, không cần đến đồng hồ báo thức nữa. Dù thí chủ không muốn thức dậy, đến giờ đó thí chủ cũng sẽ thức dậy. Niệm Phật cũng thế! Hằng ngày dùng chuỗi niệm Phật để trở thành thói quen, đến một giai đoạn nào đó mình không cần niệm, tâm mình vẫn cứ niệm thế gọi là nhất tâm bất loạn.
- Lúc trước đưa chú lên chùa lạy Phật, Chú có hỏi Phương Trượng thế nào gọi là đạo giải thoát?

Phương trượng đưa cho chú một trái chuối, bảo chú lột hết vỏ rồi ăn mới cảm thấy hương vị ngon của nó. Phương trượng bảo đó là đạo giải thoát. Là ý nghĩa gì?
- Mô Phật ý Phương trượng bảo: Hãy cởi bỏ hết phiền não, thì mới cảm nhận được chân lý giải thoát an lạc
- Ồ thì ra là vậy.
- Ngày hôm đó chú còn hỏi Phương Trượng: Thế nào là mục đích của người xuất gia? Tại sao Sư ông phải xuất gia? Thế rồi Sư ông tự tay cầm trái chuối lột vỏ ra, ăn một nửa, còn nửa kia đưa cho mẹ. Sư ông nói đó là mục đích của người xuất gia, là ý gì vậy?
- Mô Phật ý Sư ông bảo: Mục đích người xuất gia trước tiên tự giải thoát cho mình, sau đó giải thoát cho chúng sinh: tự giác, giác tha, giác hạnh viên mãn
- Những câu khác thì hiểu. Còn câu chú hỏi Sư Ông thế nào gọi là "Tâm Chơn Như". Sư Ông chỉ mỉm cười không trả lời. Có phải Sư ông không biết nên không trả lời? Có phải như vậy không?
- Mô Phật không phải! Ý Sư ông bảo: "Tâm Chơn Như là cái tâm tánh bất sanh bất diệt. Thể và Tướng nó to lớn bao trùm tất cả các pháp (nhứt pháp giới đại tổng tướng pháp môn thể). Sở dĩ các pháp sai khác là do vọng niệm; nếu rời vọng niệm thì không còn các cảnh tướng sai khác. Bởi thế nên tất cả pháp từ hồi nào đến giờ, không thể dùng danh tự để kêu gọi, không thể dùng lời nói luận bàn, không thể dùng tâm suy nghĩ được, không có biến đổi và cũng không phá hoại vì nó rốt ráo bình đẳng, chỉ có một "Tâm Chơn như" mà thôi" (Luận Đại Thừa Khởi Tín)
- Mô Phật! Bây giờ thì hiểu hết rồi.
Đến lượt người đàn ông hỏi đạo:
- Thế nào gọi là vô minh?
Chú Ngộ Tánh nhắm đôi mắt lại, bảo:
- Đó là vô minh!
- Sự tác hại của vô minh?
Chú ngộ tánh nhắm mắt, rồi đứng dậy đi đụng phải cái ghế té ngã xuống đất. Chú đứng dậy bảo:
- Đó là tác hại của vô minh!
- Thế nào là sự tham đắm của ái dục?
Chú Ngộ tánh, lấy 1 ly nước bỏ muối vào, sau đó uống. Bảo rằng:
- Sự tham đắm ái dục cũng như thế.
- Trách nhiệm chính của chú là gì?
Chú Ngộ Tánh dùng chiếc quẹt diêm dốt cây đèn này, mồi tiếp qua cây đèn khác:
- Đó là trách nhiệm của cháu!
- Sao Chú nói khó hiểu quá!
Người nữ thí chủ chen vào câu chuyện bảo:
- Trách nhiệm chính của người xuất gia là: "Truyền đăng tục diệm". Nghĩa là luôn tiếp nối ngọn đèn chánh pháp của Như Lai đừng để ngọn đèn chánh Pháp của Như Lai tắt đi. Có đúng vậy không Chú?
- Mô Phật! Lành thay nữ thí chủ đã hiểu đạo. Mô Phật, bây giờ trời đã gần tối rồi, Ngộ Tánh phải về chùa lo công phu, lo việc chùa.

Sau khi chia tay hai vị đại thí chủ. Chú Ngộ tánh về lại chùa. Chú Ngộ tánh vào đảnh lễ Phương trượng. Phương trượng hỏi:
- Con về nhà có gặp ông bà, bố mẹ không?
- Bạch Thầy! Con có gặp ạ. Con gặp ông bà, bố mẹ ở giữa đường và quán nước.
Phương trượng bảo:
- Ừ cũng thế! Tất cả ông bà, cha mẹ, thân bằng quyến thuộc, giống như là những người bạn cùng đi trên một lộ trình, dừng chân nghỉ ngơi trên một quán trọ của của cuộc đời, gặp nhau rồi ai cũng phải chia tay nhau. Chú gặp họ tức có duyên, đã thuyết pháp cho họ hiểu. Họ không làm các điều ác, thường làm các điều lành, giữ tâm ý trong sạch, không bị trôi lăn sinh tử luân hồi, chấm dứt khổ đau. Đó cũng là cách báo hiếu của người xuất gia đối với ông bà, cha mẹ. Chú đi đường mệt rồi, tắm rửa dùng cơm còn công phu nữa.
- Dạ, mô Phật!

NIỀM AN VUI vì BIẾT ĐỦ

Thời phật còn tại thế, bấy giờ tại thành Xá Vệ có một cư sĩ tên là Tu Lại. Vị cư sĩ này mặc dù rất nghèo nhưng ưa bố thí và sẵn sàng giúp đỡ người khác.

Một bữa nọ trên đường đi ra chợ, tình cờ ông nhặt được một viên "Ngọc Minh Châu" viên ngọc này rất là quý hiếm nhưng với cái tâm muốn chia sẻ những khó khăn và nỗi thống khổ của người đời. Ông tuyên bố với mọi người là ông có nhặt được một của báu "ai nghèo nhất thì tới tôi cho".

Sau khi tuyên bố như vậy thì lúc bấy giờ ở nhà vị cư sĩ Tu Lại - thật ra chỉ là một cái chòi nhỏ thôi - có rất là nhiều người tự xưng là mình nghèo để mong nhận được của báu. Có người nghèo thiệt

nghèo Tu Lại thấy cũng biết, nhưng có người giàu thiệt giàu cũng giả làm nghèo nữa để tới xin được của báu đó nhưng tất cả những người này Tu Lại đều từ chối.

Ông nói: “Các vị chưa phải là những người nghèo thật sự mà nhà vua, vua Ba Tư Nặc trong vương quốc này mới là người thật sự nghèo nhất”.

Lúc đó mọi người ngạc rất ngạc nhiên hỏi Tu Lại: "Tại sao nhà vua lại là người nghèo nhất, trong khi ông ta vừa có quyền lực lại vừa có tài sản lớn, tất cả những của quý trong vương quốc này đều phải đem dâng nạp cho ông ấy, ống ấy sao có thể là người nghèo nhất được."

Tu Lại nói: "Không! theo như tôi nghĩ thì quốc vương là người nghèo nhất trong vương quốc này".

Tu Lại quyết định đem viên nguyệt minh châu này tặng cho nhà vua coi như là giúp ông ta thoát khỏi cảnh nghèo. Khi đi tới diện kiến vua lính triều đình chặn lại không cho ông vào, lúc bấy giờ ông mới đem viên ngọc ra và nói "Đây là một viên ngọc quý báu ta muốn đem tặng cho quốc vương. Xin hãy cho tôi vào được diện kiến ngài", thì quân lính mới cho Tu Lại vào.

Khi Tu Lại bước vào thì gặp một cảnh rất chướng tai gai mắt: Nhà vua đang xử những người thương phú trong thành vì những lỗi nhỏ, bắt họ phải đem tiền tới chuộc mới mong thoát được tội. Thật ra thì những tội mà họ mắc phải không đáng là gì nhưng vì họ rất giàu có, của cải và tài sản rất nhiều vị vua này có lòng tham nên bắt ép họ để thu gom tài sản về mình. Những người này vì sợ tính mạng của mình nên họ đã chấp nhận những yêu cầu của vua đem tài sản tới chuộc mạng của mình.

Sau khi những người này được thả ra về, Tu Lại được vào diện kiến nhà vua. Cư sĩ Tu Lại quỳ xuống và nói: "Thưa đại vương! Hôm nay tiện dân đến đây chỉ có một ước nguyện duy nhất thôi"
Vua mới nghĩ chắc là tên này muốn xin ta giúp đỡ điều gì đây vì thấy tướng nó nghèo quá, nên mới hỏi: "Ngươi có ước nguyện gì?"

Tu Lại mới nói: "Thưa đại vương! Tiện dân tình cờ có nhặt được một viên ngọc minh châu rất có giá trị, phát nguyện sẽ đem viên ngọc tặng là ai nghèo nhất trong thiên hạ, xét thấy đại vương là người nghèo nhất trong vương quốc này nên đến đây tặng viên ngọc quý này cho đại vương".

Nhà vua nghe xong rất bực mình nhưng mà cũng bình tĩnh nói: "Cho dù ta có nghèo đến mức nào đi nữa ta cũng không nghèo hơn nhà ngươi".

Cư sĩ Tu Lại nói: "Dạ không thưa đại vương! Tiện dân thấy đại vương là người nghèo nhất trong vương quốc này, còn nghèo hơn cả thảo dân nữa".
Vua nghiêm mặt nói: "Nếu ngươi mà giải thích điều ngươi vừa mới nói không xong thì đầu của ngươi sẽ rơi xuống đất".

Tu Lại mới nói: "Đối với đại vương thì kho lộc chất đầy, vàng bạc không thiếu, trân báu của tất cả các nơi đều đem về cống hiến, dâng nạp thế mà đại vương vẫn cảm thấy chưa đủ cho nên đại vương mới bắt nạt, ép người ta phải đem tiền tới, bao nhiêu của cải và tài sản của người khác đại vương đều muốn nó phải trở vào túi của mình càng nhiều càng tốt, như vậy thảo dân thấy đại vương chưa từng biết đủ, lúc nào cũng cảm thấy thiếu có nghĩa là đại vương đang nghèo.

Trong khi hạ thần ăn cơm bữa sáng thì đã lo tới bữa chiều chỉ có một viên minh châu thôi nhưng mà thấy như thế đã quá đủ rồi, sẵn sàng đem nó tặng cho người khác, cho nên hạ thần có nghèo đi nữa cũng vẫn giàu có hơn đại vương".

Rõ ràng người thật sự giàu có không hẳn là người đó có nhiều tiền của và vật chất, vì những thứ đó có thật nhiều đi chăng nữa thì đến lúc nhắm mắt xuôi tay chúng ta cũng không thể mang nó theo được, những thứ đó chỉ làm cho cuộc sống chúng ta đỡ vất vả hơn thôi.

Chính tình thương và lòng nhân ái của mỗi chúng ta mới thật sự làm cho chúng ta ngày thêm giàu có, khi đó chúng ta mới cảm thấy thật hạnh phúc và có ý nghĩa khi chúng ta hiện diện trong cuộc đời này.

Mỗi lần chúng ta tạo niềm vui và hạnh phúc đến với người khác, biết lắng nghe, thông cảm và chia sẻ cùng họ những nỗi khó khăn thì ngay lúc đó chúng ta đã thêm vào tài khoản tiết kiệm của mình một số lượng rất lớn, và dần dần trở thành người giàu có thật sự mà có khi chúng ta không hề hay biết. Ngược lại, chính lòng tham chấp và sự ích kỷ của bản thân sẽ làm cho tài khoản tiết kiệm này của chúng ta ngày một cạn kiệt và dần dần chúng ta sẽ trở thành một người nghèo nàn nhất.

Chuyển cận tử nghiệp ác thành cận tử nghiệp thiện

Nghiệp của người sắp mất được gọi là cận tử nghiệp, là nghiệp lực quan trọng quyết định cảnh giới mà người sắp mất sẽ thọ báo. Trong một lần thuyết giảng tại Trường Trung Học McGarvin Westminster, CA 92683, Tỳ Kheo Thích Tâm Thiện khái niệm như sau:

Cận tử nghiệplà nghiệp lúc sắp chết hay những sức mạnh tâm lý của con người trước lúc tắt thở. Nghiệp này cực kỳ hệ trọng trong việc hướng dẫn nghiệp thức đi tái sinh. Những tư tưởng cuối cùng của người chết sẽ tạo nên một cận tử nghiệp (thiện hoặc bất thiện).

Một người có thể suốt đời làm ác, nhưng trước lúc tắt thở, nỗ lực sinh khởi về thiện pháp, về những điều thiện trong đời, và nhờ ý lực đó có thể tái sinh vào cõi tốt đẹp (tương tự như vậy đối với các trường hợp ngược lại). Từ hiểu biết về kinh nghiệm cận tử, chúng ta cần huân tập các thiện nghiệp trong đời sống của mình để tạo thành một sức mạnh (ý lực) đoạn trừ các ác nghiệp ngay trong đời sống hàng ngày và cả đến giờ phút lâm chung. [1]

Một số bằng chứng thuyết phục về việc chuyển nghiệp thức ác (đọa địa ngục) thành nghiệp thiện (sinh thiên) được tìm thấy trong Kinh Tạng Pali như hai trong nhiều trường hợp sau đây được trích từ Tiểu Bộ- Tập 2: Thiên Cung Sự

1. Bà Lão Chiên-Đà-La

Trong lúc đức Thế Tôn đang trú ngụ tại Ràjagaha (Vương xá), Ngài nhập định Đại bi mà chư Phật thường trú, sau đó xuất định và quán sát thế gian. Ngài thấy ngay trong thành phố ấy tại khu vực của dân chúng Candàla (Chiên-đà-la, hạng người vô loại khốn cùng không ai tiếp xúc) có một bà lão sắp mạng chung và một ác nghiệp đưa đến địa ngục đã xuất hiện cho bà.

Với tâm Đại bi, muốn làm cho bà tạo một nghiệp lành đưa đến cõi trời, Ngài suy nghĩ: 'Ta sẽ an trú kẻ ấy vào thiên giới', Ngài liền cùng đại chúng Tỷ-kheo vào Ràjagaha khất thực.

Vào lúc ấy, bà lão Chiên-đà-la chống gậy ra khỏi thành, thấy đức Thế Tôn đến gần, và khi bà đối diện Ngài, bà dừng lại. Đức Thế Tôn cũng dừng lại và đứng ngay trước mặt bà như thể cản bà tiến lên.

Sau đó, Tôn giả Mahà-Moggallàna (Mục Kiền Liên), biết tâm bậc Đạo Sư và cũng biết thọ mạng bà lão sắp hết, bèn thúc giục bà đảnh lễ đức Thế Tôn:

Lễ chân đức Phật Go-ta-ma,
Vì xót thương cho số phận bà,
Giác giả tối cao, danh tiếng rộng,
Đứng ngay trước mặt, hỡi Chiên-đà.
Hãy hướng tâm đầy đủ thiện duyên
Về Ngài La-hán, bậc an nhiên,
Mau mau đảnh lễ, hai tay chắp,
Vì mạng sống kia chẳng được bền!

Khi bà lắng nghe lời Tôn giả, lòng đầy xúc động, bà phát khởi tâm tín hướng về bậc Đạo Sư, liền đảnh lễ Ngài với năm phần thân thể sát đất, và do hân hoan trước đức Phật, bà nhất tâm đứng yên lặng, đầu cúi xuống. Đức Thế Tôn bảo:

- Thế này là đủ để bà ấy lên thiên giới.

Xong Ngài vào thành với đại chúng Tỷ-kheo. Ngay lập tức sau đó, một con bò cái chạy trốn cùng với bê con, lao về phía bà già, lấy cặp sừng húc bà chết tại chỗ[2].

2. Lâu đài của người cho cơm cháy

Bấy giờ, đức Thế Tôn trú tại thành Ràjagaha (Vương Xá), ở chỗ nuôi sóc trong Trúc Lâm. Cũng vào thời ấy, những người trong một gia đình kia tại Vương Xá bị bệnh dịch tả. Mọi người trong nhà ấy đều chết trừ một nữ nhân. Kinh hoàng vì nỗi sợ chết, nàng bỏ nhà cùng tất cả tiền bạc thóc lúa bên trong ấy chạy trốn qua một chỗ nứt của vách tường.

Vì không ai giúp đỡ, nàng đến nhà một gia đình khác, xin ở nhờ phía sau. Người trong nhà ấy thương hại nàng đem cho nàng cháo gạo, cơm chín và cơm cháy cùng các thứ còn sót lại trong nồi niêu. Nhờ lòng rộng lượng của họ, nàng có thể sống tại đó.

Vào thời ấy Tôn giả Mahà-Kassapa (Đại Ca-diếp) đã nhập Diệt Định suốt bảy ngày và đã xuất định, trong lúc Tôn giả suy nghĩ: 'Hôm nay ta sẽ làm ơn cho ai bằng cách nhận thức ăn? Ta sẽ giải thoát sầu bi cho ai?', Tôn giả thấy nữ nhân kia gần mạng chung và một ác nghiệp đưa đến địa ngục đã xuất hiện cho nàng.

Tôn giả suy nghĩ: 'Khi ta đến gần, nữ nhân này sẽ cho ta cơm cháy mà nàng nhận được cho phần mình, và do chính hành động ấy nàng sẽ được tái

sanh vào Hóa Lạc thiên giới. Khi ta đã giải thoát cho nàng khỏi tái sinh vào địa ngục như vậy, chắc chắn ta sẽ tạo hạnh phúc thiên giới cho nàng'.
Sau khi đã đắp y vào buổi sáng sớm, Tôn giả cầm y bát và đi về phía nơi nàng cư trú.

Bấy giờ, Sakka Thiên chủ (Đế Thích) giả dạng cúng dường Tôn giả thực phẩm thiên giới đầy đủ mọi hương vị thơm ngon cùng nhiều loại cháo, canh và cà-ri. Vị Trưởng lão nhận ra ngài, bèn chối từ và bảo:
- Này Kosiya, tại sao ngài đã thành tựu các công đức thiện sự lại làm như vậy? Xin đừng làm hỏng dịp may của những kẻ bất hạnh khốn khổ'.
Rồi Tôn giả đi đến đứng trước nữ nhân kia. Nàng ước muốn cúng dường Tôn giả một vật gì đó, liền suy nghĩ: 'Ở đây không có gì xứng đáng để cúng dường vị Trưởng lão đại oai nghi này cả', và nàng nói:
- Xin ngài hãy tiến lên một chút nữa.
Vị Trưởng lão chỉ bước lùi lại một bước và không nhận thứ gì do các người khác cúng dường. Nàng thấy rõ ràng Tôn giả muốn giúp nàng, bèn cúng dường Tôn giả miếng cơm cháy của mình, Tôn giả vừa ăn ngay tại chỗ vừa bảo:
- Trong tiền kiếp thứ ba trước đây, cô đã là mẹ của ta.
Xong Tôn giả ra đi.
Nàng từ trần ngay đêm ấy và được tái sanh vào hội chúng Hóa Lạc thiên[3].

Rõ ràng qua những bài kinh trên cho thấy Đức Phật và Thánh Đệ Tử là những ruộng phước tối thắng, bất khả thuyết, có thể chuyển nghiệp ác đọa địa ngục của người sắp mất thành nghiệp thiện sanh lên thiên giới.

Tương tự như vậy, hộ niệm cho người sắp mất là hướng dẫn, hỗ trợ ‘an trú người sắp mất vào thiện nghiệp’, tức là chân thành khuyên người sắp mất buông xuống hết thảy, tín tâm chuyên niệm A DI ĐÀ PHẬT (thiện nghiệp) và nguyện thiết tha sanh về cõi An Lạc. Do đó việc hộ niệm cho người lâm chung vô cùng cần thiết vì giúp người sắp mất tránh ác nghiệp vào giây phút cận kề cái chết đọa vào ba đường ác và đặc biệt giúp họ ‘an trú’ vào thánh hiệu A DI ĐÀ PHẬT để được thoát sanh về Cực Lạc Thế Giới.

Điều đáng chú ý nhất: việc hộ niệm cho người sắp mất đúng là y giáo phụng hành, tương ứng với Đại Nguyện thứ 18 của Đức Phật A DI ĐÀ: "Lúc tôi thành Phật thập phương chúng sanh chí tâm tin mộ muốn sanh về cõi nước tôi nhẫn đến 10 niệm, nếu không được sanh, (trừ kẻ tạo tội ngũ nghịch cùng hủy báng chánh pháp), thời tôi không ở ngôi Chánh giác".

Trong khi đó theo Quán Vô Lượng Thọ Kinh, Đức Phật bảo A Nan và Vi Đề Hi: " Người Hạ Phẩm Hạ Sanh ấy. Hoặc có chúng sanh tạo nghiệp bất thiện ngũ nghịch, thập ác, đủ các bất thiện. Người ngu như vậy, do các ác nghiệp phải đọa ác đạo, trải qua nhiều kiếp thọ khổ vô cùng. Người ngu ấy, lúc lâm chung, gặp thiện tri thức dùng nhiều lời an ủi, vì nói diệu pháp dạy bảo niệm Phật. Người ấy bị khổ bức không rảnh niệm được. Thiện hữu bảo rằng nếu người chẳng phải niệm Phật kia được, thì ngươi xưng danh hiệu Phật A Di Đà, như vậy chí tâm khiến tiếng xưng danh chẳng dứt đủ mười niệm. Nên xưng như vầy: Nam Mô A Di Đà Phật. Do xưng danh hiệu Phật, nên trong mỗi niệm trừ tám mươi ức kiếp tội sanh tử. Lúc mạng chung, thấy kim liên hoa dường như mặt nhựt trụ trước người ấy. Như khoảng một niệm, liền được vãng sanh Cực Lạc thế giới, ở trong hoa sen mãn mười hai đại kiếp hoa sen ấy mới nở. Quán Thế Âm Bồ Tát và Đại Thế Chí Bồ Tát dùng âm thanh đại bi vì người ấy diễn nói thiệt tướng các pháp, nói pháp trừ diệt tội. Người ấy nghe pháp rồi, rất vui mừng liền phát tâm Vô Thượng Bồ Đề. Đây gọi là người Hạ Phẩm Hạ Sanh vậy" [4].

Đức Thích Tôn cũng như Chư Phật thập phương rất thương xót những chúng sanh tạo ác nghiệp vì họ sẽ bị đọa vào tam ác đạo và trôi dài trong biển khổ sinh tử luân hồi và không biết khi nào mới có lại thân người. Như trong Kinh Bản Duyên Vãng Sanh Tịnh Thổ của Bồ Tát Quán Thế Âm, Đức Thích Ca, khi ấy là Phạm Sĩ Trưởng Na trong lúc đau thương ôm đống xương trắng của con mình (nay là Quán Thế Âm Bồ Tát) bị người vợ kế hại chết, khóc lóc và phát nguyện: “Nguyện tôi độ thoát các chúng sinh ác mau thành Phật Đạo. Hoặc biến làm Đại Địa, hoặc nước, lửa, gió. Hoặc biến làm cỏ, cây, rừng rậm vì chúng sinh làm nơi nương tựa, dừng nghỉ. Hoặc biến làm năm loại lúa đậu tăng ích cho người khác, Hoặc nếu Trời, nếu Người, nếu Thần, tất cả loại hình quý tiện… không có cõi nào chẳng hiện thân”.Như vậy phát năm trăm lời Nguyện, lại nguyện “Tôi thường trụ ở Thế Giới Sa Bà, nói Pháp giáo hoá” [5].

Mục đích chính của việc hộ niệm là chân thành và tích cực giúp cho người sắp lâm chung có đầy đủ ba món tư lương là TÍN, NGUYỆN, HẠNH để rồi họ được vãng sanh an lành về miền Cực

Lạc. Tuy nhiên bên cạnh đó, người sắp mất (người bệnh hoặc người già) cũng rất được khuyến thích làm lành tránh dữ nhằm tranh thủ những thiện nghiệp trước lúc ra đi. Những ngày ngắn ngủi còn lại trên thế gian, người sắp mất có những ý niệm làm những việc thiện là điều rất tốt, trợ duyên cho việc vãng sanh Cực Lạc. Khổng Tử dạy: "Sáng nghe được đạo, chiều chết cũng an lòng", cũng như lời Phật dạy tránh dữ làm lành vậy. Họ được khuyên làm những việc thiện như là bố thí, giúp đỡ những người nghèo, những người cô thế, xây cầu, phóng sanh, cúng dường Tam Bảo vv... Rõ ràng đây là những việc làm lợi ích cho con người, cho xã hội, cho Tam Bảo và cho cả người ra đi và cả người ở lại. Vì thế những việc làm thiện ích này đáng được trân trọng và khuyến khích phát huy hơn nữa trong đời sống ngũ trược loạn động, ác thế này.

Như vậy hộ niệm cho người sắp mất là việc làm vô cùng cần thiết và lợi lạc, y như lời Phật dạy, hợp với Bản Nguyện bi trí viên mãn của A DI ĐÀ PHẬT và của Thập phương Chư Phật. Chính vì thế việc hộ niệm đáng được trân trọng, tán thán và khuyến khích nhân rộng hơn nữa. Tuy nhiên, cần phải cẩn thận để tránh những trường hợp không như ý xảy ra. Việc này là bổn phận chung của Chư Tôn Đức Tăng Ni và các phật tử tại gia, nên cùng nhau phối hợp chặt chẽ và hài hòa. Vạn sự khởi đầu nan nhưng bằng sự hiểu biết và quyết tâm mạnh mẽ, việc hộ niệm có thể trở thành một tập tục hữu ích và nhất là trợ duyên tích cực cho người sắp lâm chung được vãng sanh về Thế Giới An Lạc.

Tâm Tịnh cẩn soạn

HẠNH PHÚC HAY KHỔ ĐAU ĐỀU DO MÌNH

Có một lữ khách trẻ tuổi tình cờ gặp một người lớn tuổi rất am tường về tâm lý cũng như kinh nghiệm đời sống, đang ở trên thảo nguyên, anh ta hỏi cụ già: "Ông sống ở đây có tốt không?"

- Cụ già hỏi ngược lại: "Quê hương của cháu như thế nào?"

- Người lữ khách nói: "Tệ lắm, vừa bế tắc, vừa lạc hậu"

- Cụ già vội nói: "Vậy cháu mau đi đi, ở đây và quê của cháu rất giống nhau".

Sau đó lại có một lữ khách khác đến, cũng hỏi cụ già câu như vậy, cụ già cũng hỏi ngược lại một câu như đã hỏi thanh niên trước, lữ khách mới đến trả lời một cách thâm tình: "Quê cháu rất tốt, đồng ruộng khe suối, cỏ cây nhà cửa, lại có người thân xóm giềng, đều làm cho cháu rất nhớ".

Cụ già bèn nói: "Ở đây cũng đẹp như ở quê của cháu vậy".

Có một người bên cạnh nghe như vậy cảm thấy nghi ngờ không hiểu, hỏi cụ già: - "Tại sao cùng một câu hỏi giống nhau, mà cụ lại trả lời khác nhau một trời một vực như thế?"

- Cụ già nói: "Tốt và không tốt hoàn toàn không có phân giới rõ ràng, chính xác, có chăng thì chỉ là cảm giác trong lòng người mà thôi. Trong lòng ông chứa thứ gì mới có thể tìm thấy thứ đó".

Nhà thiền có câu: "Người trong lòng đầy bất mãn và trở ngại muốn đi tìm chỗ tốt đẹp để trở về nương náu, nhất định tìm không được; nhưng trong lòng tràn đầy tình yêu và sự đẹp đẽ mới có thể phát hiện được ốc đảo của chính mình.

Cũng như nơi gia đình, sao ta cứ than vãn là quá mệt mỏi thế này thế nọ, mà chính ta lại không chịu làm mới và vun đắp tổ ấm của mình? Và nơi công sở, chúng ta lại khó chịu với người này với người kia, ta đổ lỗi cho họ, mà quên nhìn lại chính mình. Ta muốn tìm một nơi thỏa đáng, nhưng liệu đến nơi khác có làm cho ta hài lòng? Khi mà tâm lý ta luôn rối tung bởi việc so sánh, không bằng lòng với mọi thứ bên mình.

Chính vì vậy, bạn mong muốn người khác thay đổi, việc trước tiên hãy thay đổi chính mình. Khi chúng ta chưa hoàn thiện, thì sao cứ đòi hỏi kẻ khác phải hoàn thiện, điều này có phải chăng là một sự đòi hỏi quá cao? Thế nên, bạn đã thật sự tốt, chắc hẳn bạn sẽ cảm nhận xung quanh mình là một thế giới tuyệt diệu.

Vàng ngọc phải chăng là hạnh phúc?

Thời Phật tại thế, có một vị Quốc vương tên là Đa Vị Tả kính thờ cả 69 dòng ngoại đạo. Bỗng một ngày vua phát thiện tâm muốn bố thí rất nhiều, bao nhiêu của báu chất đầy

như núi, rao rằng hễ ai đến xin đều cho bốc đi một nắm.

Vì số người đến xin đã dài ngày mà núi báu vẫn chưa suy suyển.

Đức Phật biết Quốc vương có nhiều phước duyên về trước có thể hóa độ, liền hóa làm một vị Phạm Chí đến thăm. Vua rất mừng rỡ, làm lễ xong hỏi rằng:

- Ngài muốn cần dùng gì xin cho tôi biết? Tôi vui lòng cúng dường.

- Vị Phạm Chí đáp: Tôi từ xa đến đây, cốt xin nhà vua ngọc báu để đổi lấy vật liệu làm nhà ở.

- Vua đáp: Tôi rất vui lòng xin Ngài bốc lấy một nắm.

Vị Phạm Chí bốc một nắm, đi bảy bước, trở lại trả chỗ cũ.

- Vua hỏi: Cớ sao Ngài không lấy?

- Với số báu ấy thật đủ làm nhà, nhưng khốn cho tôi về sau còn phải cưới vợ nữa, thì không đủ dùng, nên tôi không lấy.

- Thôi, Ngài lấy thêm ba nắm.

Vị Phạm Chí bốc ba nắm, đi bảy bước trở lại trả chỗ cũ.

- Sao Ngài lại thế?

- Với số báu vật ấy thật đủ cả cưới vợ, nhưng lấy gì sắm ruộng đất, đầy tớ, trâu ngựa, tôi tính không đủ, nên thôi là hơn.

- Thôi, Ngài lấy thêm bảy nắm.

Vị Phạm Chí lấy xong, đi bảy bước lại trở lại trả chỗ cũ.

- Cớ gì Ngài vẫn chưa vừa ý?

Nếu tôi có con cái phải lo cưới gả, sắm sửa, lại còn việc nhà đám kỵ, giao tiếp thân bằng, tôi tính vẫn cứ thiếu, nên không lấy.

- Tôi vui lòng cúng tất cả, Ngài lấy về dùng cho đủ!

Vị Phạm Chí bước lên núi báu rồi trở xuống không nhận.

Nhà vua rất quái lạ thưa rằng:

- Ý Ngài thế nào, tôi thật không hiểu.

- Bản ý tôi đến xin Ngài để mưu cầu sự sống. Xong tôi xét lại mạng con người sống chẳng bao lâu, muôn vật cũng không thường sáng còn tối mất, khó giữ lâu bền.

Dầu tôi được cả núi báu, vị tất đã lợi ích hoàn toàn cho bản thân. Lo toan tham muốn bao nhiêu, luống công nhọc nhằn bấy nhiêu, chẳng bằng dứt bỏ dục vọng, cầu đạo giải thoát, rèn luyện các đức tính tốt cho bản thân, cho gia đình, cho xã hội, đều hướng về mục đích từ bi, trí tuệ là hơn, nên tôi không lấy.

Khi đó nhà vua tỉnh ngộ, tâm ý sáng suốt cầu được nghe pháp.

Vị Phạm Chí liền nói bài kệ rằng:

Tuy được núi vàng báu
Chất cao đến trời xanh.
Thế gian nhiều như thế
Chẳng bằng thấy nguồn đạo.
Đời không lành tưởng lành,
Ưa mà thấy như ghét
Lấy khổ dùng làm vui,
Cuồng phi bị tai hại.

Nói bài kệ xong, Ngài đã hiện Phật thân phóng hào quang sáng rực rỡ, vua và quần thần vui mừng hớn hở xin thọ ngũ giới, chứng quả Tu Đà Hoàn.

Ý NGHĨA CHẮP TAY NHƯ THẾ NÀO?

Hỏi: Tại sao người Phật tử khi tụng kinh lễ bái hoặc chào hỏi nhau lại chắp tay. Vậy xin hỏi ý nghĩa chắp tay như thế nào ?

Đáp: Chắp tay, nguyên tiếng Hán Việt là Hiệp chưởng. Tiếng Phạn là Ãnjali. Hiệp chưởng còn gọi là hiệp thập. Theo Từ Điển Phật Học Huệ Quang tập 4 trang 2863 có giải thích như sau: "Chắp 2 bàn tay, tập trung tư tưởng, cung kính lễ bái. Đây là cách lễ bái từ xưa ở Ấn Độ, được Phật giáo thật hành theo.

Người Ấn Độ cho rằng tay phải là tay thần thánh, tay trái là tay bất tịnh. Nhưng nếu 2 tay hiệp lại làm một thì trở thành sự hợp nhất giữa phương diện thánh thiện và nhiễm ô, cho nên hiệp chưởng là biểu hiện bộ mặt chân thật nhất của con người. Nghĩa " Bất cấu bất tịnh " trong Bát Nhã Tâm Kinh chính là ý nầy.

Trong các Kinh Luận có rất nhiều chỗ nói về hiệp chưởng, như Phẩm Phương Tiện Kinh Pháp Hoa (Đại 9,9 Hạ) ghi :" Cung kính hiệp chưởng lễ"; Kinh Quán Vô Lượng Thọ (Đại 12, 345 thượng) ghi: "Hiệp chưởng chắp tay, khen ngợi chư Phật."

Ngoài việc biểu thị ý cung kính trong tâm, hiệp chưởng còn biểu thị ý trở về nguồn cội, đạt đến chỗ phi quyền, phi thật, sự lý khế hợp.

Theo Đại Đường Tây Vực Ký 2, hiệp chưởng là cách thứ tư trong 9 cách lễ ở Ấn Độ.

Mật Giáo phối hợp 2 tay với Kim Cang giới và Thai Tạng giới, hoặc lý và trí, hoặc định và huệ v.v... đồng thời phối hợp 10 ngón với 5 đại, 10 Ba La Mật v.v...
Ngoài ra, Đại Nhật Kinh Sớ 13 có nêu 12 cách hiệp chưởng :

1. Kiên thật tâm hiệp chưởng (hai tay chắp chặt vào nhau các đầu ngón tay bằng nhau).
2. Hư tâm hiệp chưởng, còn gọi không tâm hiệp chưởng (hai tay chắp lại, các đầu ngón tay bằng nhau, hơi rỗng ở giữa).
3. Vị (hai) liên hiệp chưởng (các ngón tay bằng nhau chắp lại, lòng bàn tay phình ra hình hoa sen búp).
4. Sơ các liên hiệp chưởng (chắp tay 2 ngón cái và 2 ngón út dính lại, các ngón kia hở ra, giống như hoa sen hàm tiếu).
5. Hiển lộ hiệp chưởng (hai bàn tay chạm đầu, ngửa lên).
6. Trì thủy hiệp chưởng (hai tay cũng ngửa lên như trước, dáng khum lại như đang vốc nước).
7. Quy mạng hiệp chưởng, còn gọi Kim cang hiệp chưởng (đặt ngón của bàn tay mặt lên trên ngón của bàn tay trái).
8. Phản xoa hiệp chưởng (hai tay chắp ngược đầu nhau đặt tay phải lên tay trái).
9. Phản tịch (bối) hổ tương trước hiệp chưởng (lưng 2 bàn tay đâu nhau, tay phải để ngửa trên lưng bàn tay trái).
10. Hoành trụ chi hiệp chưởng (hai bàn tay nằm ngửa, đầu 2 ngón trỏ đụng nhau).
11. Phúc thử hướng hạ hiệp chưởng (hai bàn tay nằm úp, đầu 2 ngón trỏ đụng nhau).
12.Phúc thủ hiệp chưởng (hai bàn tay úp xuống hai ngón cái chạm nhau).
Mười hai loại hiệp chưởng nầy đều có ý nghĩa sâu xa khác nhau.

Bát cơm Cúng dường

Thuở Đức Phật còn tại thế, hằng ngày Phật và hàng đệ tử đi khất thực để mọi người có duyên gieo hạt giống lành vào thửa ruộng phước của mình.

Trong mùa an cư, Phật thường thọ trai của thí chủ phần đông là hàng cư sĩ, luân phiên nhau mang thức ăn sẵn vào Tịnh xá cúng dường.

Trong giới tại gia của Đức Phật, có một người học trò tuy của cải không bằng ai nhưng lại khá giàu lòng tốt. Phiên chàng cúng dường thường vào những ngày cuối tháng. Những bữa cơm giản dị không phải quý giá về phẩm chất,mà quý vì chàng đặt đó tất cả lòng thiết tha thành kính của một đứa con thuần hiếu, mà lòng chân thành lắm khi làm cảm động đến chư Thiên. . .

Khi sao mai vừa ló dạng, chàng thức dậy, sửa soạn vớt chất đề hồ cho vào chiếc bình trắng trong, để lên chiếc bàn con bằng gỗ chiên đàn, một gia bảo của mẹ chàng thuộc dòng Bà La Môn để lại cho chàng. Chiếc bàn đã mấy đời dùng làm bàn sắp đồ cúng tế trong các buổi lễ.

Kế đó, những món rau đậu chính chàng trồng lấy ở vườn nhà được tự tay chàng nấu nướng.

Hôm nào cũng như hôm nào, bữa cơm chàng sửa soạn cúng dường Đức Phật cũng mang trọn tất cả lòng thành kính vui mừng. Chàng khẩn nguyện cho cơm chàng cúng dường là bửa cơm đầy Pháp vị, tuy chàng biết vốn liếng tu học của mình không được bao nhiêu và gia thế lại còn tệ hại hơn cả sự hiểu biết của mình nữa.

Nhưng không biết tại sao tâm chàng thấy hoan hỷ và tin tưởng rằng những bữa cơm đơn giản của mình mang đến cho người thọ dụng tất cả niềm thanh tịnh, hoan hỷ. Và đó cũng là nguồn an ủi lớn lao nhất trong kiếp sống hiện tại của chàng.

Mặt trời lên khá cao, chàng vui vẻ mang thức ăn đi cúng dường Đức Phật. Con đường đi vào Tịnh xá Kỳ Hoàn thật êm ả trầm lặng. Chàng không bao giờ ngắm mây bay hoa nở, bước chân chàng

nhẹ nhàng thanh thoát lướt qua không kịp nhuốm bụi đường, lòng chỉ lo quá ngọ Đức Phật không kịp thọ dụng. . .

Nhưng có một hôm, ra khỏi nhà một đỗi, mắt chàng dừng lại, bóng dáng một sinh vật thất thểu dưới nắng hè. Đó là một con chó gầy guộc, lông lá rụng hết, từng mảng lở ghẻ loét hiện rõ dưới ánh mặt trời chói chang. Bốn chân nó khẳng khiu xiêu vẹo không đỡ nổi chiếc thân vốn đã quá gầy còm!

Hình như nó đánh hơi được thức ăn đang xách trên tay nên lấm la lấm lét tiến lại gần. Nó không biết noí, nhưng đôi mắt van nài, bộ tướng ủ rủ tiều tụy của nó, đủ nói lên được với chàng rằng: "Tôi không được ăn từ lâu lắm".

Chàng đứng khựng lại. Bấy giờ, trước mắt chàng chỉ có hình ảnh của một sinh vật đói lả, mà trong tay chàng lại có sửa, cơm và thức ăn. Thật may phước cho nó quá! Chàng ngồi xuống bên đường, mở bình bát ra, bày các thức ăn trước mặt nó. Con chó ăn không kịp thở, chàng hồi hộp nhìn con vật cùng chia sớt với nó sự bằng lòng, niềm vui hy hữu đang âm thầm tràn ngập tâm hồn. Trong một thoáng chiếc bình đề hồ, cơm, thức ăn hết sạch. Bây giờ con chó no, thong thả ra đi. Chàng trông theo bước chân của nó, giờ đây chắc chắn vững chải trên con đường và nở một nụ cười thoải mái. Nhưng, khi chó vừa khất dạng sau rặng cây trước cửa Tịnh xá, chàng nhìn lại bình đề hồ và liễn cơm với thức ăn sạch nhẵn, lo sợ kinh hoàng! Mặt trời rọi bóng chàng lùn xủn trên mặt đường vậy là vừa đúng ngọ. Tới thì không dám, lùi cũng không đành, sau một giây, thu hết can đảm, chàng hớn hở rảo bước vào Tịnh xá mà nước mắt lăn tròn theo mồ hôi.

Đức thế Tôn dùng huệ nhãn soi rõ sự tình. Ngài ngồi yên, đôi mắt như hai vì sao sáng, nụ cười hoan hỷ từ bi nở tươi làm sáng một vùng trời.

Chàng nào dám ngó lên, đôi mắt e dè dán chặt xuống đôi bàn chân tê dại. Tuy nhiên, chàng quyết không dối Phật, quyết thú thật hết tội lỗi của mình, mà cũng không dám mong cầu được Phật tha thứ.

- Bạch Thế Tôn! Hôm nay con có lỗi nặng vô cùng. . . và tiếng chàng rứt lại nhỏ dần như tắc nghẹn. . .

Đức Phật ôn tồn khuyến khích như thường lệ: Hôm nay phải phiên con đem cơm cúng dường Như Lai đó không?

- Bạch Thế Tôn!. . . Tiếng chàng nức nở trong nước mắt. Xin Ngài thứ tội cho con. Vừa rồi trước Tịnh xá, con gặp con chó ghẻ đói lả con lú lẫn quên mất giờ trai của Thế Tôn, con lỡ đem bình bát thức ăn cho con chó ăn hết. Tội con xuẩn ngốc, vô lễ nặng nề không biết ngần nào.

Nhưng, một vùng hào quang giữa đôi mày Đức Phật phóng ra ánh ngời Tịnh xá như những hôm Phật lên Pháp tòa khởi điểm nói bài kinh trác tuyệt. Tiếng Ngài ngân vang, từ ái tròn đầy:

- "Mùa hạ này, Như Lai muốn cho các con biết, chỉ có hôm nay Như Lai thọ dụng một bữa cúng dường rất thanh tịnh của một vị đại thí chủ, đầy đủ Pháp vị trong một bữa cúng dường".

Diệu Chương

"Phụng sự chúng sanh tức cúng dường Chư Phật".

TÍN TÂM CÚNG DƯỜNG TĂNG BẢO

Cúng dường là một trong những pháp phổ quát nhất trong Phật giáo. Đức Phật và Thánh đệ tử là những ruộng phước tối thắng cho chư thiên và loài người tín tâm cúng dường, làm xuất sinh vô lượng phước báuthấm nhuần khắp nơi. Tuy nhiên, nay là thời mạt pháp, cách thời Đức Phật hơn 2.550 năm, còn đâu những Thánh Tăng làm ruộng phước tốt cho những ai tín tâm cúng dường? Đức Phật, bậc Chánh Đẳng, Chánh Giác đã nhìn thấu suốt mọi sự từ quá, hiện đến vị lai. Với tình thương vô biên, Đấng Thiện Thệ đã chỉ dạy cặn kẽ và lưu truyền lại nhân gian những bài pháp quý báu. Cúng dường Tăng Bảo. Bài Viết này tập trung khai triển luận điểm 'tín tâm cúng dường Tăng Bảo.'

Trong Kinh, Đức Phật dạy rằng "Khi cúng dường tứ sự đến cho một vị tỳ-khưu, hai vị tỳ-khưu, cận sự nam nữ đừng nghĩ đến cá nhân vị ấy mà cứ khởi tâm cúng dường Tăng, cúng dường Tăng Bảo thì phước báu ấy sẽ rất toàn hảo, rất thanh tịnh" [1].

1. Tăng phạm hạnh hoặc đang thực hành phạm hạnh

Cúng dường cho tăng phạm hạnh và tăng đang thực hành phạm hạnh quả phước vô cùng to lớn không thể nghĩ bàn như lời Phật dạy trong Kinh: "Quả thật là ân đức Tăng quá lớn. Ai cúng dường đến Tăng ấy, quả phước trổ sanh sẽ vô lượng vô biên như cát của con sông Đại Hằng" [2]. Nhưng cúng dường như thế nào là đúng pháp. Trong Kinh Tiểu Bộ - Tập II – Thiên Cung Sự (Tạng Pali), Đức Phật lưu tâm chúng ta đến hiệu lực của tín tâm và phước điền của người nhận cúng dường như trong phẩm Lâu Đài Nữ Giới, chuyện thứ nhất sau đây:

"Một thời Đức Thế Tôn trú tại Sàvatthi (Xá Vệ), ở Jetavana (Kỳ Viên) trong tinh xá ông Anàthapindika (Cấp Cô Độc). Sau khi vua Pasenadi (Ba Tư Nặc), nước Kosala (Kiều Tát La), đã cúng dường suốt bảy ngày lễ vật vô thượng lên Tăng chúng với Đức Phật đứng đầu, nhà đại phú Anàthapindika đã cúng dường suốt ba ngày phù hợp với lễ vật của nhà vua; và đại đệ tử nữ, cư sĩ Visàkhà (Tỳ Xá Khư) cũng cúng dường đại lễ vật như thế, tin đồn về sự cúng dường vô thượng được truyền đi khắp cõi Jambudìpa (Diêm Phù Đề): "Phải chăng bố thí cúng dường chỉ đặc biệt phát sinh kết quả lớn khi đó là sự bố thí hào phóng với lễ vật cao sang như vậy, hay đúng hơn, đó là sự bố thí cúng dường tùy theo phương tiện của mình?". Khi Tăng chúng nghe lời bình luận này, chư vị trình lên Đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn bảo:
"Không phải chỉ nhờ hiệu lực của tặng vật mà việc bố thí cúng dường đặc biệt phát sinh kết quả lớn, song đúng hơn, do hiệu lực của tín tâm và phước điền của những người nhận được vật cúng dường. Vì vậy, dù chỉ nhỏ bằng một nắm thóc hay một tấm giẻ, một tọa cụ bằng cỏ lá hay một hạt đậu trong nước tiểu hôi thối của trâu bò, được cúng dường với lòng thành cho một người xứng đáng nhận lễ vật cũng sẽ có đại kết quả, đại vinh quang và công đức thấm nhuần khắp nơi" [3].

Như vậy, vật cúng dường không quan trọng, quan trọng nhất là người cúng dường phải có lòng thành kính dâng lên, dù chỉ là 'hạt đậu trong nước tiểu hôi thối của trâu bò', cho những vị tỳ kheo đang thực hành phạm hạnh, sẽ gặt hái những quả phước vô cùng to lớn.

2. Tăng hành trược hạnh, ác giới

Tuy nhiên, trong thời mạt pháp, không tránh khỏi một số tăng phá giới, không còn thanh tịnh nữa. Vì thế, một số Phật tử quan ngại về việc cúng dường cho các vị tăng ấy. Đức Phật đã nhìn thấu rõ vấn nạn này và giải nghi trong Kinh Một Cuộc đời Một Vầng Nhật Nguyệt như sau:
"Tôn giả Upāli chợt hỏi:
- Đại đức Ānanda chỉ nói đến chư tỳ-khưu phạm hạnh hoặc chư tỳ-khưu đang thực hành phạm hạnh; còn nếu là tỳ-khưu hư hỏng, xấu xa, dễ duôi, buông lung, hành trược hạnh, ác giới… bị các vị đồng phạm hạnh chê cười thì đâu phải là ruộng phước, bạch đức Tôn Sư?
Đức Phật nói:
- Nếu vị tỳ-khưu ấy còn tăng tướng, còn trong phẩm mạo sa-môn thì vị ấy vẫn là ruộng phước đấy, này Upāli!
- Đệ tử chưa hiểu.
- Ông hãy nghe đây! Khá nhiều vị tỳ-khưu trong giáo hội hiện nay của Như Lai bị hư hỏng, khuyết tật về giới, nhưng họ vẫn đang trên con đường tu tập, vẫn ăn mỗi ngày một bữa, vẫn cắt móng tay, vẫn cạo râu tóc, vẫn không trang điểm, vẫn không thoa dầu thơm, vật thơm, vẫn xa lánh đàn ca xướng hát, vẫn không tích luỹ vàng bạc, của cải, vẫn đầu trần chân đất ôm bát xin ăn, vẫn không mặc y sang trọng, vẫn không nằm giường cao, gối êm, vẫn không ở nhà cao cửa rộng, vẫn không có năm món ngũ dục xa hoa, vẫn không nằm ngủ với vợ và chơi đùa với con, vẫn làm lễ sám hối mỗi tháng hai lần, vẫn cho giới đến hai hàng cư sĩ, vẫn nói đạo, thuyết pháp, vẫn truyền giới luật cho sa-di và tỳ-khưu… Chỉ như vậy thôi thì hàng cư sĩ tại gia có ai làm được, dẫu là bậc thánh cư sĩ cũng không làm được; cho nên họ vẫn xứng đáng là ruộng phước cho chư thiên và loài người đấy, này Upāli!
- Đúng vậy, đệ tử đã hiểu. Tuy nhiên, còn tội lỗi của vị ấy, nghiệp xấu ác của vị ấy thì sao, thưa Tôn Sư?
- Hãy để cho Tăng xử. Ai làm nấy chịu. Quả nghiệp xấu xa của vị ấy thì hãy để cho nhân quả công minh nó làm việc, này Upāli!"
- Thưa vâng!
- Không kể phàm, không kể thánh, bất cứ ai còn tăng tướng, phẩm mạo sa-môn thì tất cả đều ở trong Tăng Bảo ba đời: Hiện tại, quá khứ và vị lai. Tăng Bảo bao giờ cũng gồm chư thánh phàm tăng quá khứ, chư thánh phàm tăng hiện tại, chư thánh phàm tăng vị lai, này Upāli! Một vài vị, năm bảy vị, một số cá nhân tỳ-khưu thì có thể hư hỏng, xấu xa, ác giới, nhơ bợn nhưng Tăng Bảo thì không, Tăng Bảo thì luôn luôn mỹ toàn, thanh tịnh, này Upāli!
- Đệ tử hiểu rồi.

Tôn giả Ānuruddha lại hỏi:
- Vậy thì khi cúng dường tứ sự đến cho một vị tỳ-khưu, hai vị tỳ-khưu, cận sự nam nữ đừng nghĩ đến cá nhân vị ấy mà cứ khởi tâm cúng dường Tăng, cúng dường Tăng Bảo thì phước báu ấy sẽ rất toàn hảo, rất thanh tịnh, có phải vậy không, thưa Tôn Sư?
- Đúng vậy!
- Tăng Bảo thì luôn luôn thanh tịnh! Hay lắm! Cả một biển lớn thanh tịnh! Tôn giả Ānanda tán thán! Tuyệt vời thay! Cao thượng thay là ruộng phước cho chư thiên và loài người!" [4]

Qua bài pháp trên, rõ ràng Đức Phật nhấn mạnh đến tín tâm cúng dường của chư Phật tử tại gia và khuyên chúng ta nên khởi tâm cúng dường Tăng Bảo chứ đừng nghĩ đến cá nhân tỳ kheo nào cả. Đức Thích Tôn ân cần dạy bảo: 'Đừng nghĩ đến những việc xấu ác của cá nhân tỳ kheo nào và hãy để cho Tăng xử và luật nhân quả quyết định." Trong khi đó, phước báo của người cúng dường tín tâm vẫn đơm hoa, kết quả thơm ngọt. Trong Kinh Vị Tằng Hữu Thuyết Nhân Duyên, Đức Phật kể lại một câu chuyện như sau:

"Năm thầy Tỳ - kheo kia xét thấy chủ nhân hết lòng trọng đãi, mới cùng nhau bàn rằng:"Tuy đặng chủ nhân tùy nghi cúng dường mỗi ngày giàu to nhưng tính đến năm nghèo như cái năm đói rét, thì không có thể giúp cho người được giàu vui; vậy bọn ta phải ra phương tiện để tìm kiếm tiền của, dành dụm thời sau mà hưởng cái sự vui ngũ dục".

Bàn như thế rồi, liền cùng nhau thay đổi, sai một người đi dạo trong các làng xóm, rao nói với mọi người, xướng cái lời như thế này:
"Bốn thầy Tỳ - kheo kia, yên ở một chỗ vắng lặng giữ gìn giới cấm dứt hẳn rượu thịt, không ăn hành tỏi đáng bậc phạm hạnh; tu thiền chỉ quán chứng nghiệp vô lậu; tu hành không bao lâu sẽ thành quả A la hán, thật là bậc Vô thượng phước điền trong thiên hạ".

Mọi người nghe lời ấy rồi, đua nhau xúm lại mang đến đủ thứ tiền tài ẩm thực, cung kính cúng dường, như thế nhiều năm. Còn nữ nhân Đề Vi một lòng kính tin, cứ việc tùy nghi cúng dường hoan hỷ không chán. Mãn kiếp trọn đời được sanh lên cõi trời Hóa Lạc.

Còn năm vị Tỳ - kheo kia, chuyên làm việc xảo ngụy, vì tâm tà trược, nên khi phước hết mạng chung, sanh vào địa ngục; tám nghìn ức kiếp chịu cái quả báo rất khổ. Tội địa ngục hết rồi phải chịu thân ngạ quỷ, ly mỵ, vọng lượng, lần lựa như thế trải qua tám nghìn kiếp; tội ngạ quỷ hết rồi, lại chịu cái thân lục súc sanh, để đền trả của cúng dường đời trước cho chủ nhân.

Nhân duyên nghiệp báo, hoặc làm lạc đà, lừa, trâu, ngựa, tùy theo chủ nhân chỗ thọ phước gì thì thường đem sức lực để đền trả cho chủ nhân, lần lựa như thế cũng đến tám nghìn đời; tội súc sanh hết rồi tuy đặng thân người, nhưng các căn ám độn, nam cũng không phải nam, nữ cũng không phải nữ, gọi đó là Thạch nữ: Từ đây sắp về sau, trải qua trong tám nghìn năm, thường đem sức lực đền trả cho chủ nhân, đến nay chưa hết."

Phật bảo vua rằng: "Đề Vi khi đó là Hoàng hậu đây vậy. Ông Biện Tài khi đó là Mục Liên đây vậy. Còn năm thầy Tỳ - kheo, tức là năm người bọn Phiến Đề La theo hầu hạ khiêng kiệu cho bà Hoàng hậu hôm nay đây".

Vua bạch Phật rằng: "Theo như lời của Đức Thế Tôn nói thì nhơn có năm người, mà nay thì chỉ thấy có bốn người khiêng kiệu còn một người nữa ở chỗ nào.

Phật bảo vua rằng: "Còn một người nữa, người ấy thường ở trong cung quét dọn cầu xí, tức là người đổ phân đó vậy".

Hoàng hậu nghe rồi rùng mỉnh rởn ốc, ôm lòng kinh sợ, liền đứng dậy làm lễ Phật, đứng hàu chắp tay mà bạch Phật rằng: "Thưa Đức Thế Tôn! Như lời của Đức Thế Tôn nói, té ra bọn Phiến Đề la là nhân duyên thầy của con đời trước, lòng con thiệt rất lo sợ, sợ là sợ phạm tội nghịch. Sở dĩ vì sao? Vì luận người là bậc thầy, thì phải cung kỉnh đầu đội lễ bái mới phải lẽ vậy. Mà nay trở lại sai khiêng kiệu không khác gì trâu ngựa. Vì nhân duyên đó nên lòng con rất lo sợ, cúi xin Phật thương xót dạy con sám hối".

Phật bảo Hoàng hậu rằng: "Bởi Hoàng hậu có phước đức, vốn không có tội lỗi cớ sao nghi sợ. Chúng sanh tánh khác, hạnh nghiệp không giống nhau, làm lành thì hưởng phước, làm ác thọ tai ương. Hoàng hậu đời trước nhất tâm thanh tịnh tin ưa làm phước, nhân duyên phước đức như thế, bởi bao nhiêu đời trước sanh ra thường gặp Minh sư, tin thọ lời giáo huấn, gặp lành làm lành gặp phước làm phước, cho đến ngày nay hưởng phước tự nhiên gặp Phật ra đời, là vì nhờ phước đức nhân duyên đời trước. Lại nghe Chánh pháp như thuyết tu hành, do nhân duyên đó nên không có tội lỗi chi." [5].

Kết luận: Đừng lo nghĩ gì cả. Hãy thanh tịnh tâm ý của mình khi cúng dường Tăng Bảo sẽ sản sinh phước báu vô lượng như Đề Vi Hoàng Hậu vậy.

50 danh ngôn của đức Dalai Lama 14

TRIẾT LÝ SỐNG BÌNH DỊ

1- Hạnh phúc không phải là thứ có sẵn. Hạnh phúc đến từ hành động của chính ta (Happiness is not something ready-made. It comes from your own actions).

2- Nếu có thể, hãy giúp người khác. Nếu không có thể thì ít nhất không nên hại ai (If you can, help others; if you cannot do that, at least do not harm them).

3- Nếu bạn muốn người khác được hạnh phúc, hãy thực tập từ bi. Nếu bạn muốn được hạnh phúc, hãy thực tập từ bi (If you want others to be happy, practice compassion. If you want to be happy, practice compassion).

4- Tôn giáo của tôi rất đơn giản. Tôn giáo của tôi là sự tử tế (My religion is very simple. My religion is kindness).

5- Hãy nhớ rằng khi không đạt được những gì bạn muốn, đôi lúc, lại là sự may mắn tuyệt vời (Remember that not getting what you want is sometimes a wonderful stroke of luck).

6- Thẩm quyền tuyệt đối luôn dựa vào lý trí và sự phân tích nghiêm túc (The ultimate authority must always rest with the individual's own reason and critical analysis).

7- Chúng ta có thể sống thiếu tôn giáo và thiền định, nhưng chúng ta không thể tồn tại nếu không có tình người (We can live without religion and meditation, but we cannot survive without human affection).

8- Chúng ta không bao giờ đạt được hòa bình trên thế giới, ngoại trừ chúng ta phải thực sự có hòa bình trong chính mình (We can never obtain peace in the outer world until we make peace with ourselves).

9- Hãy trở nên tử tế bất cứ khi nào có thể. Trên thực tế, ai cũng có thể trở nên tử tế (Be kind whenever possible. It is always possible).

10- Nếu bạn có sợ hãi về nỗi khổ niềm đau, bạn nên quan sát xem bạn có thể làm được gì với nó. Nếu bạn có thể, không có gì phải lo lắng về nó. Nếu bạn không thể làm được, lại càng không nên lo lắng về nó (If you have fear of some pain or suffering, you should examine whether there is anything you can do about it. If you can, there is no need to worry about it; if you cannot do anything, then there is also no need to worry).

11- Nếu không yêu thương chính mình, bạn không thể yêu thương người khác. Nếu bạn không có từ bi đối với mình, bạn không thể phát triển lòng từ bi đối với người khác. (If you don't love yourself, you cannot love others. If you have no compassion for yourself then you are not able of developing compassion for others).

Thỉnh Kinh

Kinh Hoa Nghiêm do cố H.T Tuyên Hoá giảng giải tập 21, tập 22, tập 23, tập 24 và tập 25 (trọn bộ) và Chú Lăng Nghiêm do cố H.T Tuyên Hoá giảng giải tái bản lần thứ hai, 3 quyển in thành 1 quyển, vừa in xong, Quý vị nào thỉnh xin liên lạc về Chùa.

Ấn tống Kinh

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Chùa Kim Quang ngày 19/01/2015

Kính gởi Chư Tôn Thiền Đức Tăng Ni trong và ngoài nước

Kính bạch chư Tôn Đức: Chúng ta đều biết Kinh Hoa Nghiêm là vua trong các Kinh, là bộ Kinh dài nhất, thâm sâu nhất, áo diệu nhất, tuyệt vời nhất, trong Tam Tạng Kinh Điển Phật Giáo.

Sau khi đức Phật thành Đạo, đức Phật đã nói Kinh Hoa Nghiêm đầu tiên độ cho các hàng Bồ Tát. Đủ thấy Kinh nầy rất quan trọng, vì Kinh nầy nói về thực hành Bồ Tát đạo, từ hàng phàm phu ban đầu phát tâm bồ đề, cho đến khi đạt được quả vị Phật.

Chúng ta là người tu Phật, không thể nào thiếu bộ Kinh nầy, không thể nào không nghiên cứu, đọc tụng, tu tập bộ Kinh nầy. Khi nào bộ Kinh này còn tồn tại trên thế gian, thì có thể nói là Chánh Pháp còn trụ thế, cho nên chúng ta nên cố gắng hộ trì, giữ gìn, ấn tống, lưu truyền bộ Kinh nầy khắp mọi nơi, để giúp cho Chánh Pháp thường trụ lâu dài trên thế gian, lợi lạc tất cả chúng sinh.

Bởi tầm quan trọng như thế, cho nên năm 2015, Chùa Kim Quang dự trù sẽ in ra khoảng từ 2.000 đến 5.000 bộ Kinh Hoa Nghiêm (đọc tụng), gồm có 8 quyển bìa cứng, dày khoảng 605 đến 720 trang và Kinh Pháp Hoa (đọc tụng), cũng bìa cứng, dày khoảng 665 trang, để bố thí cho các Chùa, Tự Viện và Quý Phật tử trong và ngoài nước. Thiết nghĩ mỗi người, hoặc mỗi Đạo Tràng đều nên có ít nhất một vài bộ, hoặc vài chục bộ để cho Quý Phật tử cùng nghiên cứu, đọc tụng, tu tập, công đức thật không thể nghĩ bàn. Kinh Hoa Nghiêm và Kinh Pháp Hoa nghĩa này rất mạch lạt, dễ hiểu, ít âm hán văn.

Cho nên con mạo mụi biên thư nầy kêu gọi tất cả chư Tôn Đức xa gần tuỳ hỉ hùn phước Ấn tống Kinh, thỉnh về Chùa để làm tư lương nghiên cứu, đọc tụng, tu tập, hoặc bố thí cho quý Chùa, Đạo Tràng, Phật tử trong và ngoài nước, công đức không thể nào tả hết được.

Giá thành in 1 bộ Kinh Hoa Nghiêm gồm 8 quyển và 1 bộ Kinh Pháp Hoa gồm 1 quyển khoảng 50 euros. Quý Chùa, Tự Viện, Đạo Tràng nào thỉnh bao nhiêu bộ, hoặc bố thí các Chùa, Tự Viên, xin liên lạc về Chùa Kim Quang.

Mong sự phát tâm hùn phước của tất cả Quý Ngài xa gần, để dự án Ấn Tống Kinh này sớm được hoàn thành, công đức vô lượng vô biên. Xin Kính chúc tất cả Quý Ngài pháp thể an khang, huệ đăng thường chiếu, Phật sự đều thành công tốt đẹp.

Nam Mô Hoa Nghiêm Hội Thượng Phật Bồ Tát
Nam Mô Công Đức Lâm Bồ Tát tác đại chứng minh

Trụ trì Chùa Kim Quang
Tỳ Kheo Thích Minh Định

Tết Ất Mùi 2015

ĐẠI LỄ THƯỢNG NGUYÊN

Nam Mô Đương Lai Hạ Sinh Di Lặc Tôn Phật

Chùa Kim Quang ngày 19/01/2015

Kính gởi Quý Vị thiện nam tín nữ Phật tử

Đông qua Xuân đến, dòng thời gian cứ lặng lẽ trôi mãi không ngừng, mới đó mà Xuân Di Lặc Ất Mùi lại sắp trở về với tất cả mọi người con Phật. Cứ mỗi mùa Xuân đến, đều mang lại cho chúng ta những niềm vui mới, những hy vọng mới, trong cuộc đời cũng như trong đạo. Còn sống ngày nào thì ta hãy cứ vui, vui trong đạo, vui theo chánh pháp, vui trong tự tánh, đó mới là niềm vui an ổn thật sự, như cổ ngữ có nói: "Trung tâm hoan hỉ trung tâm Phật", tâm hoan hỉ chính là tâm Phật.

Xuân còn có ý nghĩa quan trọng trong Phật giáo, đó là ngày ra đời của Đức Phật Di Lặc, một vị Phật tương lai sẽ giáng phàm phổ độ chúng sinh. Cho nên lúc đón giao thừa cũng là giờ phút thiêng liêng kỷ niệm đón mừng sự thị hiện của Ngài. Ngài còn biểu tượng lòng từ bi hỉ xả bao dung, nụ cười bất diệt, bất cứ ai nhìn thấy Ngài cũng đều hoan hỉ.

Theo truyền thống đón giao thừa, Chùa Kim Quang sẽ tổ chức lễ đón giao thừa rước Vía Di Lặc, phát lộc lì xì đầu năm, chương trình như sau:

❁ Lễ đón Giao Thừa: Đêm 30 tháng Chạp âm lịch, tức tối Thứ Tư 18/02/2015

23 h 30 : Tụng Kinh và rước Vía Di Lặc.
00 h 15 : Nói về ý nghĩa xuân trong cửa Phật.
00 h 30 : Phát lộc và lì xì đầu năm.

❁ Tết Nguyên Đán : Mồng Một đến mồng Bốn Tết, tức Thứ Năm đến Chủ Nhật 19/02-22/02/2015

Mồng Một Tết Thứ Năm 19/02/2015.

09 h 30 : Phát lộc, lì xì đầu năm.
10 h 15 : Tụng Kinh Phổ Môn, cầu thế giới hoà bình, chúng sinh an lạc.
11 h 00 : Khai thị, chúc Tết đầu năm.
12 h 00 : Thọ trai.

Mồng Bốn Tết Chủ Nhật 22/02/2015:

10 h 00 : Tụng Kinh Phổ Môn cầu an đầu năm.
11 h 00 : Khai thị nhân ngày đầu năm mới.
11 h 50 : Thọ trai.
13 h 30 : **Văn Nghệ Mừng Xuân Ất Mùi**, do các Phật tử Chùa Kim Quang và các anh em nghệ sĩ phát tâm góp phần văn nghệ vui xuân đầu năm.
18 h 00 : Hoàn mãn.

Đại Lễ Thượng Nguyên ngày 08/03/2015

(nhằm ngày 18 tháng Giêng năm Ất Mùi)

Chương trình như sau :

09 h 30 : Chư Phật tử tề tựu
10 h 00 : Khoá lễ tụng Kinh Dược Sư.
11 h 00 : Cúng Phật và tuyên sớ cầu an giải hạn đầu năm.
11 h 30 : Thuyết pháp.
12 h 00 : Thọ trai.
14 h 00 : Lễ Quy Y Tam Bảo.
14 h 15 : Thí thực.
17 h 00 : Hoàn mãn.

Năm Giáp Ngọ sắp qua, trước thềm năm mới Ất Mùi 2015, xin kính chúc tất cả Quý Vị và toàn gia quyến thân tâm thường an lạc, bồ đề tâm kiên cố, chí tu học vững bền, vạn sự cát tường như ý, hưởng một mùa xuân Di Lặc Ất Mùi vô cùng ý nghĩa.

Trụ trì Chùa Kim Quang kính mời
Tỳ kheo Thích Minh Định

Hùn Phước Ấn tống Kinh

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Chùa Kim Quang ngày 19/01/2015
Kính gởi Quý Vị thiện nam tín nữ Phật tử

Kinh Hoa Nghiêm là vua trong các Kinh, là bộ Kinh dài nhất, thâm sâu nhất, áo diệu nhất, tuyệt vời nhất trong Tam Tạng Kinh Điển Phật Giáo.

Sau khi đức Phật thành Đạo, đức Phật đã nói Kinh Hoa Nghiêm đầu tiên độ cho các hàng Bồ Tát. Đủ thấy Kinh nầy rất quan trọng, vì Kinh nầy nói về thực hành Bồ Tát đạo, từ hàng phàm phu ban đầu phát tâm bồ đề, cho đến khi đạt được quả vị Phật.

Chúng ta là người tu Phật, không thể nào thiếu bộ Kinh nầy, không thể nào không nghiên cứu, đọc tụng, tu tập bộ Kinh nầy. Khi nào bộ Kinh này còn tồn tại trên thế gian, thì có thể nói là Chánh Pháp còn trụ thế, cho nên chúng ta nên cố gắng hộ trì, giữ gìn, ấn tống, lưu truyền bộ Kinh nầy khắp mọi nơi, để giúp cho Chánh Pháp thường trụ lâu dài trên thế gian, lợi lạc tất cả chúng sinh.

Bởi tầm quan trọng như thế, cho nên năm 2015, Chùa Kim Quang dự trù sẽ in ra khoảng từ 2.000 đến 5.000 bộ Kinh Hoa Nghiêm (đọc tụng), gồm có 8 quyển bìa cứng, dày khoảng 605 đến 720 trang và Kinh Pháp Hoa (đọc tụng), cũng bìa cứng, dày khoảng 665 trang, để bố thí cho các Chùa, Tự Viện và Quý Phật tử trong và ngoài nước. Thiết nghĩ mỗi người, hoặc mỗi Đạo Tràng đều nên có ít nhất một vài bộ để nghiên cứu, đọc tụng, tu tập, công đức thật không thể nghĩ bàn. Kinh Hoa Nghiêm và Kinh Pháp Hoa nghĩa này rất mạch lạt, dễ hiểu, ít âm hán văn.

Cho nên Thầy biên thư nầy kêu gọi tất cả Phật tử xa gần cố gắng phát tâm hùn phước Ấn Tống, thỉnh về để mình làm tư lương nghiên cứu, đọc tụng, tu tập, hoặc bố thí cho quý Chùa, Đạo Tràng, Phật tử trong và ngoài nước, công đức không thể nào tả hết được.

Giá thành in 1 bộ Kinh Hoa Nghiêm gồm 8 quyển và 1 bộ Kinh Pháp Hoa gồm 1 quyển khoảng 50 euros. Quý Vị nào thỉnh bao nhiêu bộ hoặc bố thí các Chùa, Tự Viên, xin liên lạc về Chùa.

Mong sự phát tâm hùn phước của tất cả Quý Vị xa gần, để dự án Ấn Tống Kinh này sớm được hoàn thành, công đức vô lượng vô biên. Xin Kính chúc tất cả Quý Vị và toàn gia quyến vô lượng an lạc.

Nam Mô Hoa Nghiêm Hội Thượng Phật Bồ Tát
Nam Mô Công Đức Lâm Bồ Tát tác đại chứng minh

Trụ trì Chùa Kim Quang
Tỳ Kheo Thích Minh Định

Hùn Phước Ấn tống Kinh

Đơn vị Chùa, Tu Viện: . . . . . .
Pháp hiệu: . . . . . .

Phật tử thì ghi:

Họ và Tên : . . . . . .Pháp danh: . . . . . .
Địa chỉ : . . . . . .
. . . . . .
. . . . . .
email: . . . . . .
Điện thoại: . . . . . .

Pháp tâm Ấn tống Kinh Hoa Nghiêm và Kinh Pháp Hoa:

☐ : 1 Bộ Kinh Hoa Nghiêm và Kinh Pháp Hoa.
☐ : 2 Bộ Kinh Hoa Nghiêm và Kinh Pháp Hoa.
☐ : 5 Bộ Kinh Hoa Nghiêm và Kinh Pháp Hoa.
☐ : 10 Bộ Kinh Hoa Nghiêm và Kinh Pháp Hoa.
☐ : . . . . . .

Xin nhận :

☐ : 1 Bộ Kinh Hoa Nghiêm và Kinh Pháp Hoa.
☐ : 2 Bộ Kinh Hoa Nghiêm và Kinh Pháp Hoa.
☐ : 5 Bộ Kinh Hoa Nghiêm và Kinh Pháp Hoa.
☐ : 10 Bộ Kinh Hoa Nghiêm và Kinh Pháp Hoa.
☐ : . . . . . .

Ngân phiếu xin ghi Pagode Kim Quang

Hoặc chuyển thẳng vào trương mục của Chùa, xin ghi rõ đơn vị Chùa, pháp hiệu. Nếu Phật tử thì ghi họ tên của mình, pháp danh, hoặc thông báo qua email.

Tài khoảng ngân hàng:

PAGODE KIM QUANG
Số tài khoản: 2879124N020
IBAN : FR86 2004 1000 0128 7912 4N02 078
BIC : PSSTFRPPPAR
LA BANQUE POSTALE
75900 PARIS CEDEX 15

Nhận Kinh

Các Chùa, các Tu Viện, và Quý vị Phật tử trong và ngoài nước muốn nhận Kinh Hoa Nghiêm và Kinh Pháp Hoa (trọn bộ, Kinh tụng), xin vui lòng liên lạc về Chùa Kim Quang để Chùa biết số lượng để in ra. Khi in xong sẽ gởi đến các Chùa, các Tu Viện, Đạo Tràng, và quý Phật tử.

A di đà Phật

Vie et œuvre prédicante du Vénérable Maître Hsuan Hua

La suite

26 - La communication spirituelle religieuse

Dans le village Tam-Tánh, circonscription Song-Thành, vivait un nommé Dương-Thiếu-Anh, troisième enfant de Dương-Dục-Côn, un grand guerrier de l'empire mandchou dont le régiment campait à la ville Tam-Giang (actuellement ville Hợp-Giang).

A la 31ème année Dân-Quốc, sa mère et sa sœur sont venues se réfugier dans son campement. Sa sœur s'appelait Thục-Lan, n'était pas encore mariée ; Dương-Thiếu-Anh, toujours pressé de marier sa sœur, lui a enfin trouvé un prétendant qui était un de ses collègues du régiment et qui s'appelait : Bạch-Giáo-Quản. Le jour du mariage, soudain, Thục-Lan tomba malade, plongea dans le coma durant plusieurs jours. Toute la famille s'inquiétait, les médecins restaient impuissants. Puis un jour, elle se réveilla et dit à sa mère :

- « Mère ! Bodhisattva Avalokitésvara, à la tunique blanche, arrive, dépêchez-vous d'allumer les bougies et les baguettes d'encens ! »

Et elle s'agenouilla et se prosterna. Sa mère la regarda, toute étonnée, comme si sa fille était en train de parler à quelqu'un, un instant après, elle agita sa main comme pour dire au revoir à une grande personnalité. Ensuite se tournant vers sa mère, Thục-Lan lui dit :

- « Bodhisatva Avalokitésvara vient de me dire que : si je refusais de me marier et acceptais de me convertir, je serais guérie et j'ai accepté. Par ailleurs, ELLE a aussi accepté que je me convertirais après la mort de mes parents. Demain, il y aura un moine qui viendra me soigner. »

Le lendemain, Dương-Thục-Lan entendit trois carillons de cloche retentis sur l'autel du Bouddha, juste à ce moment, un moine entra dans la maison. Il portait une vieille soutane complètement déchirée, un bonnet sur la tête, pieds nus, une époussette à la main, avec laquelle il tapota le corps de la jeune fille ; il exerçait ainsi trois fois par jour, et ce, durant neuf jours de suite. A la dernière fois, IL posa à la fille la question suivante :

- « Est-ce que vous voulez toujours vraiment et sincèrement vous convertir ? »

- « Absolument, j'en suis sûre, après m'être complètement guérie. »

IL lui donna un comprimé, elle l'avala et guérit immédiatement.

Pendant que Thục-Lan tombait malade, sa mère a envoyé un télégramme à son père, celui-ci vint tout de suite voir sa fille. A son arrivée, elle lui a raconté comment leur fille était tombée malade, comment elle était guérie. Au lieu de se réjouir de la guérison immédiate et miraculeuse de sa fille, il s'est mis en colère et dit :

- « C'était uniquement une poussée de chaleur intense qui l'avait rendue délirante et hallucinante, il n'y a pas de quoi en faire une histoire. Il est absolument impossible qu'un simple profane puisse voir Bodhisattva Avalokitésvara. »

Il a ensuite reproché à sa femme d'être trop superstitieuse.

Ayant entendu les propos de son père, Thục-Lan s'est mise à douter de son rêve du passé, sa décision de se convertir fut quelque peu ébranlée.

Quelque temps après, elle suivait ses parents et rentrait au village Tam-Tánh. Une nuit, elle voyait dans son rêve, Bodhisattva Maîtreya qui lui disait :

- « L'espérance de vie de ton père s'achève, il ne lui reste plus que quelques jours à vivre, tu dois réciter le Nom du Bouddha pour alléger son mauvais Karma. »

Le lendemain matin, elle lui a raconté son rêve, non seulement, il n'y a pas cru, mais lui a passé un savon comme il faut. C'est pourquoi, Thục-Lan n'était pas tranquille, elle vivait constamment dans la peur pour la vie de son père. Au sixième jour, son père voulait se rendre en ville pour faire quelques courses, elle voulait l'en empêcher, mais têtu comme une mule, il était bien décidé de sortir, personne ne pourrait l'en empêcher.

Après avoir acheté des ampoules et quelques objets nécessaires, il se rendit à la station d'autocars de Song-Thành pour rentrer à la maison. A peine dépassé le poste de contrôle de

billets, il se sentit complètement étourdi, tomba et perdit connaissance. Le personnel du poste envoya tout de suite quelqu'un prévenir la famille. On le transporta chez lui, il mourut le septième jour, exactement comme cela avait été prévu dans le rêve de sa fille.

Son deuxième fils s'appelait Dương-Thế-Siêu, ne croyait pas non plus aux paroles de sa sœur, non seulement, il l'empêchait de se convertir mais en plus, il calomniait les Trois Joyaux. Une nuit, dans son rêve, un Bodhisattva lui disait :

- « Dans un mois, vous mourrez. »

Tout en reconnaissant que c'était un rêve bien étrange, pourtant, non seulement il n'y croyait pas, mais en plus, n'éprouvait aucun remords après le décès de leur père. Exactement un mois après, le 14-05 à la 34ème année Dân-Quốc, il mourut.

Jusqu'au 25-12, Maître Độ-Luân avait l'occasion de passer chez M. Dương, à peine, LE voyant franchir la porte, Thục-Lan disait à sa mère :

- « Mère ! Le moine qui m'a guérie à la ville Tam-Giang, c'est celui-ci, aujourd'hui, il vient chez nous. »

Elle courut tout de suite à sa rencontre et respectueusement se prosterna devant LUI. Maître Độ-Luân lui demanda :

- « Tu me reconnais encore ? »
- « Oh, oui ! Maître ! »
- « Est-ce que tu veux toujours te convertir ? »
- « Maître ! Dans le passé, j'étais malade, mon esprit était obscurci, d'autant plus qu'il n'y avait pas de preuve, c'est pourquoi, je me suis mise à en douter. Mais aujourd'hui, j'ai réalisé que tout s'est produit exactement comme dans mon rêve, il est donc naturel que je veux toujours me convertir. »

A partir de ce jour, elle s'est mise à manger végétarien, à s'investir corps et âme, dans la récitation du Nom du Bouddha, dans la pratique du Bouddhisme. Elle LUI a, ensuite demandé la Prise de Refuge au Triple-Joyau, puis encouragé et convaincu ses trois frères et toute sa parenté à en faire autant.

27. Exaucer un souhait d'avoir un enfant

Phan Tế Thời, un grand fortuné de l'arrondissement Song Thành a dépassé la quarantaine, mais n'avait toujours pas d'enfant pour perpétuer le nom familial, aussi il en souffrait énormément.

Par admiration pour la conduite vertueuse de Maître Độ-Luân, un jour, avec son épouse, ils se rendirent chez LUI, et LUI demandèrent de prendre Refuge auprès du Triple-Joyau, et apprendre le Bouddha dharma. Souvent, ils se sont agenouillés devant Bodhisattva Avalokitésvara, LUI priaient de leur donner un enfant pour perpétuer le nom familial. D'autre part, ils suppliaient Maître Độ-Luân de leur enseigner comment devraient-ils s'y prendre pour que leur vœu soit exaucé ? Maître Độ-Luân leur disait :

- « Vous devriez accomplir beaucoup de bonnes actions, pourriez-vous sacrifier la moitié de vos fortunes ? Car, en sacrifiant ainsi vos biens, vous accumulerez beaucoup de bénédictions. Au moment où toutes les bonnes causes seront réunies, vous aurez une réponse positive, vos souhaits seront exaucés. »

Obéissant à ces instructions, le couple, se servant de sa fortune, se lançait dans des restaurations des pagodes, créations des statues de Bouddha, des offrandes au Triple-Joyau, des donations aux Associations Bienfaisantes, des aides aux pauvres, aux sans-abri, aux solitaires.

Un an après, sa femme donnait naissance à un garçon qu'il nommait : Thí-Đức. Le petit garçon se portait à merveille, grandissait très vite, et était doué d'une vive intelligence.

La naissance de son fils augmentait encore sa foi en Bouddha, le poussant à pratiquer quotidiennement la récitation des Sutras et du Nom du Bouddha et à accomplir toutes les actions humanitaires quelles qu'elles soient.

28. Parfaite compréhension du principe des causes à effets

a) Le repentir neutralise les mauvais karmas.

Obéissant aux instructions du Vénérable Thường-Nhân, Maître Độ-Luân revenait s'installer à la pagode Tam-Duyên, aidait la communauté des moines à restaurer la pagode. Tous les matériaux de construction comme : le bois, les briques et les tuiles devaient être transportés en camions, mais c'était l'époque des récoltes, impossible de louer des camions. Maître Độ-Luân, passant par monts

et par vaux, s'est rendu personnellement chez le chef de l'arrondissement nommé Lưu-Trung-Cần pour tenter de lui emprunter quelque moyen de transport, mais celui-ci a refusé en disant :

- « Maître, je sais que c'est un acte de bienfaisance, je veux bien vous aider, mais malheureusement, nous sommes en pleine période de récoltes, je n'ai aucun moyen pour vous aider, je regrette. »

Juste à ce moment, sa belle sœur sortit de sa chambre, voyant Maître Độ-Luân, se précipita vers LUI, LE supplia de sauver son fils qui était gravement malade et qui allait mourir.

Après avoir examiné le petit garçon un moment, Maître Độ-Luân s'adressa à la mère :

- « Savez-vous pourquoi votre fils va mourir ? »
- « Je ne sais pas, Maître ? »
- « Parce que vous avez manqué de piété filiale envers vos beaux parents. Si vous croyez en mes conseils, venez vous agenouiller devant eux et repentez-vous en toute sincérité et de tout cœur, vous aurez, peut-être, une chance de sauver votre fils. »

Par amour pour son fils, elle a exécuté conformément à ses instructions, pourtant, le petit malade ne s'améliorait pas. Le Maître lui disait de le lui emmener. IL tapota trois coups sur sa tête, le petit garçon se mit à pleurer et se rétablit immédiatement sans le moindre médicament.

Témoignant de ses propres yeux un événement aussi merveilleux, Lưu-Trung-Cần éprouvait une grande admiration pour Maître Độ-Luân, si bien qu'il décida de son propre chef, de mobiliser tous les véhicules grands et petits dans le quartier afin de transporter les matériaux pour la pagode durant plusieurs jours d'affilée. Après cet événement, au moindre désir de transport du Maître, les gens se rivalisaient pour LUI prêter des véhicules, si bien que, au bout d'un mois, le nombre s'élevait à huit cents.

b) La prémonition

L'histoire du petit garçon miraculeusement guéri par Maître Độ-Luân, s'est répandue rapidement jusqu'au hameau Dương-Gia-Điềm où vivait un nommé Lý-Thanh-Sơn. Celui-ci avait un petit frère gravement malade. Ayant pris connaissance de cette nouvelle, il se précipita tout de suite LUI solliciter son aide pour le sauver. Maître Độ-Luân accepta sa requête et l'accompagna chez lui. Mais, ayant à peine franchi la porte de sa maison, Maître Độ-Luân dit à Lý-Thanh-Sơn :

- « Votre maison est remplie d'énergie démoniaque trop lourde, trop accablante ; je crains ne pas posséder assez de compétences pour la neutraliser. Dans les prochains jours, j'ai peur que quelque chose de malchanceux ne vous soit arrivé. »

Sept jours plus tard, les malheurs arrivèrent. Tout d'abord, ce fut Lý-Thanh-Sơn qui s'est suicidé, pour avoir été exaspéré par son frère ; ensuite, quelque temps après, son frère et sa sœur décédèrent pour cause de maladie.

c) Les causes antérieures

Dans le même hameau, vivait un petit garçon nommé Vương-Thân, âgé de douze ans, atteint de tuberculose, phase terminale, crachant du sang, souffrant atrocement des maux de ventre. Ses parents sont venus solliciter Maître Độ-Luân de le sauver. Après avoir examiné le petit garçon, le Maître posait à M. Dương une question assez étrange :

- « Voulez-vous que votre fils vive ? Moi, je ne peux pas le sauver, mais vous seul, puissiez le sauver. »

- « Je veux bien le faire. Mais comment ? Que puis-je faire pour le sauver ? »

- « Voici la solution : si vous voulez sauver votre fils, vous devriez le laisser se convertir, prendre Refuge auprès du Triple-Joyau, mener une vie monacale à la pagode. S'il se convertissait, il vivrait, sinon, il mourrait. Des deux solutions, vous devez en choisir une, il n'y a pas d'autre solution. »

Les parents acceptaient celle de le laisser se convertir. En peu de temps, le petit garçon se rétablissait complètement. Voyant leur fils en pleine forme, les parents regrettaient d'avoir fait la promesse, ils refusaient de le laisser se convertir, quoique, trois fois, Maître Độ-Luân leur ait écrit pour rappeler leur promesse. Dans sa dernière lettre, IL les a prévenus :

- « Si vous ne laissiez pas votre fils se convertir immédiatement, il risquerait de retomber dans la maladie incurable du passé, il serait alors impossible de le guérir. »

Mais quoiqu'IL dise, les parents n'en tenaient aucun compte.
Plus d'un an passait, la maladie du petit garçon récidivait. Les parents s'inquiétaient, consultaient de nombreux médecins, administraient toutes sortes de médicaments, mais rien à faire, aucun espoir, au bout de quelques jours, il mourut. Quoique les lamentations des parents soient extrêmement tragiques, elles ne pouvaient faire revivre leur enfant. Ils revenaient supplier Maître Độ-Luân de sauver leur fils une deuxième fois, IL leur disait :

- « Vous auriez pu le sauver. Je vous ai donné la solution, mais vous ne l'avez pas utilisée. Aujourd'hui, je n'y peux plus rien. »

Les parents étaient profondément navrés, ils regrettaient amèrement de ne pas avoir fait confiance en ses paroles.

Pourquoi Maître Độ-Luân a-t-IL conseillé aux parents de laisser leur fils se convertir ? Car IL savait que cet enfant possédait le potentiel d'un moine, et que, dans chacune de ses vies antérieures, il avait formulé le vœu de se convertir.

Un jeune Sadi éveillé

Dans un village vit une famille très riche. Le couple s'est marié depuis longtemps, mais n'a toujours pas d'enfant pour perpétuer le nom familial. Ils vont alors consulter un médecin pour en connaître la cause. Après examen, ce dernier leur annonce que tout est normal, qu'ils n'ont aucun problème pour avoir des enfants. L'épouse apporte tous les résultats des examens, les montre à ses beaux-parents. Ceux-ci, profondément déçus, lui dit :
- « Si tu ne peux pas avoir d'enfant, il faut que notre fils Lương épouse une deuxième femme, ça fait déjà dix ans que nous attendions un petit-fils pour choyer, mais en vain ».

Néanmoins, la belle-fille n'en veut pas à ses beaux-parents pour autant, car elle pense que tout est vraiment de sa faute, elle ne peut reprocher personne. Elle continue à vivre dans la bonne humeur, prendre soins de ses beaux-parents toujours régulièrement. C'est une épouse parfaite, douce, vertueuse, toujours fidèle à son mari, et une belle-fille respectueuse, pieuse envers ses beaux-parents.
Par une belle journée, Hiền, le nom de la jeune épouse, se rend à la pagode pour prier Bouddha. Sur le chemin, elle rencontre un beau petit garçon d'aspect gentil. L'ayant à peine rencontrée, le petit garçon lui adresse la parole :
- « Bonjour, Madame ! Pourriez-vous me dire votre nom ? Où habitez-vous ? Comment se fait-il que je vois dans vos yeux beaucoup de soucis et de tristesses ? »

Hiền extrêmement surprise devant des questions posées précipitamment du petit garçon, se sent pourtant attirée par ce gamin. Elle a l'impression de l'avoir déjà rencontré depuis plusieurs existences. Le cœur rempli de joie, Hiền répond :
- « Mon garçon, Hiền c'est mon nom, mon mari s'appelle Lương, ma famille vit dans ce village »
Ensuite, elle lui raconte son histoire d'enfant. Extrêmement touché, le petit garçon lui demande:
- « Si vous aviez un vœu, que souhaiteriez-vous ?»
- « Oh ! Si j'avais un vœu, je souhaiterais avoir un fils aussi gentil, doux, charmant exactement comme toi ». Répond-elle en caressant sa tête.

Sans dire un mot, le petit garçon s'en va, un sourire aux lèvres. Après son départ, Hiền se rend à la pagode pour rendre hommage à Bouddha. A la pagode, elle rencontre Vénérable Quảng-Phước, celui-ci lui prêche le Bouddha dharma, Hiền se baigne dans la pluie du Dharma du Bouddha. Elle a l'impression d'être comme un voyageur, perdu dans les déserts, assoiffé, à qui une personne vient donner à boire. Grâce à cette pluie du Dharma du Bouddha, Hiền réalise bien maintenant l'origine de ses souffrances. Son âme se débarrasse de toute affliction qui l'avait ligotée jusqu'à maintenant, elle se sent complètement calme, satisfaite dans son cœur, revivre. Ensuite, elle salue Vénérable et rentre chez elle.

A partir de ce jour, elle commence à manger végétarien, à réciter le Nom du Bouddha, réciter des Sutras et des Mantras, à méditer. En toute confiance, elle s'y investit à fond, considérant le Bouddhisme comme une sorte de clé aux multiples fonctions capable de libérer une âme emprisonnée, ligotée, d'être un appui, un soutien solide pour un esprit en train de sombrer dans les ténèbres. Elle ne pense plus à son problème d'enfant, ni à chercher une deuxième épouse pour son mari. Elle se plaît dans sa vie actuelle car elle

a bien compris la loi naturelle des « causes-à-effets », ce qui devrait arriver, arrivera ; ce qui ne devrait pas arriver, quoiqu'on fasse, n'arrivera jamais, inutile d'attendre !

Ainsi s'écoule le temps, trois mois plus tard, tout d'un coup, Hiền se sent un peu différente, un signe de gaîté apparaît. Transportée de joie et d'enthousiasme, elle remercie Bouddha pour lui avoir donné le droit d'être mère en exauçant son souhait. Après neuf mois de grossesse, Hiền donne naissance à un beau petit bébé. Ce qui est étrange et inhabituel, c'est que le nourrisson ne pleure pas à sa naissance comme tous les autres nourrissons. Il ouvre grands ses yeux et regarde sa mère d'un air extrêmement affectueux. Né dans une famille riche, baigné dans un amour tendre et profond de ses parents et grands-parents, il est considéré comme une perle précieuse, aussi, on l'appelle : « Bảo-Châu » (Pierre précieuse).

Depuis sa naissance, la famille vit paisiblement dans le bonheur.
Le temps passe tellement vite ; le petit garçon atteint déjà sa dixième année. Un jour, sa mère l'emmène à la pagode pour rendre hommage à Bouddha. Arrivé à la pagode qu'il trouve extrêmement grandiose et pure, l'enfant joint ses mains et se prosterne devant le Vénérable Supérieur. Bảo-Châu regarde le visage doux et plein de compassion du Vénérable, il sait immédiatement qu'il s'agit d'un véritable pratiquant bouddhiste parfaitement accompli. Le Vénérable lui donne une banane. Après qu'il l'ait mangé, le Vénérable lui demande :

-« Alors, qu'en penses-tu ? Est-elle délicieuse ? »

Bảo-Châu répond :
- « Vénérable, très délicieuse »
Bảo-Châu, malgré son jeune âge, est un petit garçon extrêmement intelligent, délicat et poli. Il demande au Vénérable :
- « Vénérable, pourquoi appelle-t-on : La Voie de la Libération ? »
Extrêmement surpris devant la question du petit garçon, le Vénérable prend une banane, la lui donne et dit :
- « Enlève toute la peau de la banane, et mange-la, tu sentiras la partie restante délicieuse et parfumée. C'est la Voie de la Libération. Si tu n'enlèves pas la peau de la banane, tu ne pourras jamais sentir le parfum délicieux de la chair qui se trouve à l'intérieur de la banane. »
Bảo-Châu saisit tout de suite le sens profond de l'explication du Vénérable, lui pose une deuxième question :
- « Vénérable ! Quel est l'objectif d'un pratiquant bouddhique, et vous, pourquoi vous convertissez-vous ? »
Au lieu de répondre tout de suite, le Vénérable, de sa main propre, prend une banane, enlève la peau, mange la moitié, donne l'autre moitié à sa mère, et dit :
- « Voilà le but d'un pratiquant bouddhique extra-mondain ». Ensuite, Le Vénérable prend deux bananes, les lui donne et dit :
- « Tu me demandes pourquoi je me convertis ? Enlève la peau d'une banane, et mange-la ! Ensuite, invite ta mère à manger l'autre ».
Le petit garçon pose une troisième question :
- « Vénérable ! Pourquoi appelle-t-on : Bouddha ? Pourquoi appelle-t-on : être-vivant ? »
Le Vénérable lève ses deux mains, paumes en haut et dit :
- « Voilà : Bouddha ! ». Ensuite, il tourne ses mains, paumes en bas et dit :
- « Voilà : l'être-vivant »
Le petit garçon pose une quatrième question :
- « Vénérable ! Pourquoi appelle-t-on : Voie Orthodoxe ? Et Voie Hétérodoxe ? »
Le Vénérable lève sa main droite et dit :
- « Voilà la Voie Orthodoxe ». Ensuite, il lève sa main gauche et dit :
- « Voilà la Voie Hétérodoxe »
Le Vénérable regarde le visage épanoui du petit garçon, comprend que le gamin a bien réalisé tout ce qu'il vient de lui expliquer. Celui-ci lui pose sa dernière question :
- « Vénérable ! Que veut dire : Tâm-Chơn-Như (l'Esprit du Vrai-Immuable). Voulez-vous m'éclairer s'il-vous-plaît ! »
Au lieu de répondre, le Vénérable se contente de sourire. Bảo-Châu saisit pourtant le sens caché derrière ce sourire, se met à sourire aussi.

Devant le dialogue entre le Vénérable et son fils, la mère reste là, complètement perdue, sans rien comprendre à propos du caractère merveilleux du contenu du dialogue. Après cela, elle l'emmène dans la salle de Cultes principale pour rendre hommage à Bouddha, ensuite ils vont se prosterner devant le Vénérable avant de prendre congé. Le Vénérable demande à Bảo-Châu :
- « Est-ce-que tu reviendras me voir ? »
Il répond :

- « Je me souviendrai toujours du parfum et du goût délicieux de la banane, oui, Vénérable ! Je reviendrai ! »
Rentré à la maison, le petit garçon se sent submergé d'enthousiasme. Les paroles enseignées par le Vénérable à propos de la Voie de la Libération résonnent encore dans sa tête, réveillant la semence de l'Esprit Bodhi du petit garçon. Aussi, durant le souper de ce jour, en présence de ses parents et grands-parents il se jette à genoux devant eux et dit, toujours respectueusement :
- « Oh ! Mes respectables grands-parents et parents ! Je voudrais me convertir ! Je vous supplie de satisfaire mon souhait ! »
Ses grands-parents s'y opposent fermement, ils disent :
- « Tu ne peux pas te convertir. Tu es l'unique héritier de la famille. Plus tard, tu devras t'occuper de tes parents, honorer la mémoire de tes ancêtres. Si tu te convertis, tu commettras trois graves fautes de piété filiale »
« La première : tu ne pourras pas t'occuper de tes parents »
« La deuxième : il n'y aura personne pour perpétuer le nom de la famille »
« La troisième : tu manqueras à ton devoir national et ta responsabilité d'un bon citoyen envers la société. Si tu arrives à résoudre ces trois problèmes d'une façon logique, on te laissera te convertir selon ton désir. »

Après avoir écouté les conditions de ses grands-parents, Bảo-Châu se sent absolument réjoui, se jette à genoux devant ses parents et grands-parents, joignant respectueusement ses mains, il dit :
- « Premièrement ! Oh ! Mes respectables grands-parents ! Si tout le monde pense que le fait de se convertir, et par la même occasion, ne pas s'occuper de ses parents était un manque de piété filiale envers ses parents, alors, à travers ces deux mille cinq cents ans historiques, l'esprit de piété filiale du Bouddhisme n'aurait pas pénétré profondément dans le cœur de tout être humain, et que la fête d'ULLAMBANA n'aurait pas existé. L'exemple de piété filiale du Grand Disciple Mục-Kiền-Liên (Maudgalyayana) n'aurait pas été un grand modèle de piété filiale digne d'être honoré par le monde entier. Il s'est converti, donc ne s'est pas occupé de ses parents, pourquoi les gens le respectaient-ils tellement et l'honoraient comme le plus grand modèle de piété filiale. Grâce à sa conversion, IL a pu sauver sa mère hors des souffrances de l'enfer. Bouddha Sakyamuni s'est converti pour chercher la Voie de La Libération pour se libérer soi-même, ensuite, IL est revenu à Kapilavastu pour prêcher, grâce à quoi, son père parvenait à l'état d'Arhat sortant, à jamais, du cycle de naissances et de morts ; ensuite IL est monté dans le Ciel Trayastrimcas (Đao-Lợi) prêcher pour sa mère qui, grâce à cela, parvenait aussi à l'état d'Arhat. IL a sauvé ses parents hors de la mer des souffrances du cycle de naissances et de morts. Si nos ancêtres pensaient que : se convertir, ne pas prendre soins de ses parents était un manque de piété filiale, à mon humble avis, aujourd'hui, la piété filiale n'aurait pas existé en ce monde. D'autant plus que, Bouddha a toujours été respecté, honoré dans tous les cinq continents. Là où il y a des êtres vivants, le Bouddhisme est présent ; c'est la raison pour laquelle, aujourd'hui, je voudrais suivre leur exemple et témoigner de ma reconnaissance envers mes parents et grands-parents qui m'ont donné naissance, et m'ont permis d'être présent en ce monde. »
« Deuxièmement : Vous pensez que : Si je me convertis, il n'y aura personne pour perpétuer le nom de la famille, je commettrai la faute d'avoir manqué à mon devoir de piété filiale. Si vous, mes grands-parents et mes parents avez pris Refuge auprès Des Trois-Joyaux, vous devriez avoir confiance en Bouddha et en son enseignement. Le Bouddhisme admet que tout être vivant dans les six chemins du cycle de morts et de naissances, se relaie dans la réincarnation pour devenir tantôt père, tantôt mère, puis époux, puis épouse, enfant, petits-enfants ou autre membre de la famille. Pourquoi suis-je le seul qui doive perpétuer le nom de la famille ? »

« Troisièmement : Vous pensez que : si je me convertis, je manquerai à mon devoir de citoyen envers la société, ma responsabilité envers ma patrie. Je ne pense pas de cette façon ! Mes respectables parents et grands-parents ! Le Bouddhisme est une religion pacifique, prônant spécialement : La Paix. Bouddha Sakyamuni est un Messager de La Paix. IL a combattu l'esprit de violence, d'insécurité, de troubles, libéré celui de La Liberté, devenait ainsi l'Être parfaitement Eveillé et Heureux. Par conséquent, La Paix constitue une priorité nécessaire, de plus haute valeur de l'humanité. Bouddha avait bien compris

cela, et IL l'avait transmis à ses disciples, enseigné à l'être vivant comment faire pour apporter La Paix au monde, pour que la société retrouve sa nature parfaite. »

« Bouddha nous enseigne : Toute chose sur cette planète a été créée à partir d'un concours de circonstances. Le monde ressemble à une forme de gouvernement rassemblant toutes les fonctions principales basées sur les relations : causes-à-effets, s'appuyant, en même temps, les unes sur les autres. Autrement dit, tout être, toute chose obéissent à l'unique loi de causes-à-effets, et ce, suivant un ordre bien déterminé. On peut donc dire que : le destin personnel et le destin commun sont solidement liés. »

« Bouddha enseigne aussi : Tout être vivant possède la nature du Bouddha, une source de Pureté, est sur le même plan d'égalité. Malheureusement, dans la société, il existe trop d'inégalités, non seulement, dans les conceptions, dans le physique, dans les races humaines ; mais encore dans la façon de gouverner, de traiter les êtres humains sur la planète. C'est pourquoi, le Bouddhisme nous demande, dans les relations humaines, dans la société, la nature, de nous entraider, pas de nous mépriser mutuellement. Serrons-nous les coudes dans la bonne entente, oublions notre égo, débarrassons-nous de toute rancœur, traitons tout le monde sur le même plan d'égalité, ensemble, unissons nos forces pour résoudre les problèmes, ne soyons pas renfermés, évitons tout acte malfaisant, accomplissons tout acte bienfaisant, ne nous soucions pas de notre propre bonheur, mais prions pour que l'humanité entière s'éloigne des souffrances ; ensemble, construisons notre pays, apportons La Paix à l'humanité. »

« Le Bouddhisme s'oppose à La Guerre, proclame La Paix. Car tant qu'il y a la guerre, il y a tuerie. Bouddha s'oppose à tout acte de tuerie, de destruction des êtres vivants. Car tout être vivant nous ressemble, il veut vivre, et a peur de mourir. C'est la raison pour laquelle, si nous nous mettions à leur place nous aurions dû leur apporter notre immense compassion, notre infinie compréhension, au lieu de les tuer. Aujourd'hui, votre petit-fils suit le chemin idéal de la compassion et de la paix tracé par Bouddha. Je me convertis pour transmettre son message à tout être vivant, pour apporter la paix au monde, le bonheur à l'humanité. Il n'y aura donc plus de guerre, à quoi servira mon engagement militaire ? J'aurai alors rempli mon devoir de citoyen, tout le monde en profitera, je n'aurai, par conséquent, pas commis la faute d'avoir manqué à la piété filiale ! »

Après avoir écouté les explications très convaincantes de Bảo-Châu, ses grands-parents, pour ne pas manquer à leur parole, sont contraints d'accepter de le laisser se convertir selon son désir. Ses parents s'en réjouissent également. Ils acceptent avec joie d'exaucer son vœu.

Le lendemain, accompagné de sa mère, Bảo-Châu se rend à la pagode. A peine arrivés devant le portail, ils voient le Vénérable-Supérieur en train de balayer la cour, ils se prosternent devant le Vénérable, et l'informent de la décision de se convertir du petit garçon.

Quelques jours plus tard, Bảo-Châu se fait raser la tête, devient un petit Shramana, un petit Sadi extrêmement charmant. Le Vénérable l'a rebaptisé, et lui a attribué un nom bouddhiste : « Ngộ-Tánh » (Nature-éveillée). A partir de ce jour, le nom Bảo-Châu n'existe plus, faisant alors partie de ses souvenirs. Novice Ngộ-Tánh commence une nouvelle vie. Régulièrement le matin, il se réveille très tôt, fait carillonner la cloche, tandis que le Vénérable récite les Sutras. Ainsi vivent tranquillement et paisiblement le Maître et son disciple. Après la cloche, Ngộ-Tánh fait bouillir de l'eau, prépare le thé pour son maître, ensuite, il balaie la cour, arrose les fleurs, s'occupe des petites tâches quotidiennes dans la pagode. Au bout de moins d'un mois, novice Ngộ-Tánh sait par cœur les deux prières matinale et nocturne et les Sutras journaliers ; il sait réciter les Sutras, connaît parfaitement les Tripitakas (Les Trois Recueils du Bouddha dharma) comprenant : Kinh-Tang (Sutra Pitaka), Luật-Tang (Vinaya Pitaka), Luận-Tang (Abhidharma Pitaka). Novice Ngộ-Tánh gagne l'entière affection de la part de son maître.

Le temps passe tellement vite, un an après, un jour, une famille de fidèles bouddhistes (fils de Bouddha) comprenant le père, la mère et une petite fille appelée familièrement : Bé Tâm, s'est rendue à la pagode pour rendre hommage à Bouddha. Après avoir honoré Bouddha, les parents discutent avec le Vénérable-Supérieur, tandis que Bé Tâm se promène autour de la pagode ; sans faire exprès, elle rencontre Ngộ-

Tánh en train de balayer la cour. La petite fille salue Ngộ-Tánh, celui-ci la salue aussi. Regardant le visage du jeune Sadi, Bé Tâm le trouve doux et gentil, elle engage la conversation :
- « Jeune Sadi ! Quel est votre nom Bouddhiste ? »
- « Mô-Phật ! Le Vénérable m'a rebaptisé, m'a nommé : Ngộ-Tánh »
- « Et que veut dire : Ngộ-Tánh ? »
Sadi Ngộ-Tánh ne répond pas, mais se servant de son doigt, montre le ciel et dit :
- « Voilà Ngộ-Tánh ! » (Nature Éveillée)
- « Jeune Sadi ! Depuis combien de temps, vous êtes-vous converti ? »
- « Depuis un temps ni long, ni court, depuis que Ngộ-Tánh sait balayer la cour de la pagode (depuis qu'il commence à pratiquer le Bouddhisme, à se débarrasser de toute affliction) ». Répond Ngộ-Tánh en montrant son balai.
- « Jeune Sadi ! Pourquoi vous devez toujours balayer ? Je trouve que la cour de la pagode a toujours été, et est déjà très propre, pourquoi vous continuez à balayer ? » (Bé Tâm voulait dire : Un pratiquant extra-mondain est sensé être dépourvu d'afflictions, qu'en reste-t-il ? Pour qu'il se débarrasse)
- « Quoique les feuilles mortes ont été enlevées, mais il reste toujours de la poussière qui doit aussi être enlevée ». (Ngộ-Tánh voulait dire : les grosses afflictions ont été débarrassées, mais il reste encore de fines afflictions dont il faut se débarrasser aussi)
- « Jeune Sadi ! Pourquoi Le Vénérable ne balaie-t-il pas ? Il n'y a que vous qui balayez ? »
- « Mô-Phật ! Le Vénérable a déjà balayé depuis tant d'années, aujourd'hui, il n'a plus besoin de balayer, c'est au tour de Ngộ-Tánh de balayer »
- « Jeune Sadi ! Pourquoi vous convertissez-vous ? Et dans quel but ? »
- « Mô-Phật ! Ngộ-Tánh se convertit, parce qu'il veut apprendre à balayer proprement la cour de la pagode. Son but consiste, par ce fait, à inviter les gens à balayer aussi, afin que tout le monde puisse marcher proprement ». (Il voulait dire : le moine apprend la doctrine du Bouddha pour se débarrasser de ses propres afflictions, pour purifier son âme, et pour que les profanes suivent son exemple dans leur pratique de la voie)
-« Mô-Phật ! Jeune Sadi ! Souvent, j'ai entendu ma mère se plaindre pour s'être trop affligée, qu'est-ce-que l'affliction ? D'où vient-elle ? S'il vous plaît, éclairez-moi »
Ngộ-Tánh ne répond pas, mais prend la main de Bé Tâm, la conduit près d'un bassin. La surface de l'eau est immobile, limpide, reflétant clairement le visage de Bé Tâm et celui du Sadi Ngộ-Tánh. Soudain, Ngộ-Tánh se sert de sa main agite l'eau du bassin, soulevant les saletés, la boue qui s'y trouvaient au fond ; la surface de l'eau devient trouble, on ne voit plus les deux visages, Ngộ-Tánh dit :
- « Voilà, les afflictions qui apparaissent à partir de cette agitation » (Ngộ-Tánh voulait dire : la nature humaine est fondamentalement pure, sereine, comme la surface de l'eau, mais ce sont les illusions qui l'ont affligée, perturbée et souillée)
- « Jeune Sadi ! Que veut dire : désirs sentimentaux ? Quels sont les dangers qu'ils peuvent entraîner ? »

Sans dire un mot, Ngộ-Tánh pousse Bé Tâm dans le bassin, Bé Tâm s'y plonge, patauge dans l'eau. Ngộ-Tánh saute dans l'eau, saisit sa main, l'amène et la sort de l'eau. Bé Tâm « s'éveille » s'affichant un grand sourire et remercie Ngộ-Tánh pour lui avoir ouvert l'esprit (celui-ci voulait dire : les désirs sentimentaux ressemblent à un courant d'eau, ce sont eux qui sont à l'origine du cycle de naissances et de morts ; et pourtant, l'être humain aime bien s'y plonger, tournoyant dans les six sentiers du Samsara). A la sortie de l'eau, les vêtements de Bé Tâm sont tous mouillés ; Ngộ-Tánh l'emmène à l'intérieur, allume un feu pour la chauffer et sécher ses vêtements. A ce moment, le feu attire les moucherons qui arrivent, et qui se lancent dans le feu et se font brûler. Ngộ-Tánh dit :
- « Voilà les dangers causés par les désirs sentimentaux. Sachant parfaitement, qu'il s'agit du feu, pourtant, ces insectes n'hésitent pas à s'y lancer pour se faire incendier. (Ngộ-Tánh voulait dire : Tout être humain sait parfaitement que les désirs sentimentaux sont à l'origine des souffrances qui le plongent dans le cycle de naissances et de morts, pourtant il n'hésite pas à s'y plonger et finit par se détruire).

Le crépuscule ne tarde pas à tomber. Ngộ-Tánh conduit Bé Tâm à la pagode pour préparer le souper et la séance de prière nocturne. Arrivés à la pagode, ils s'aperçoivent que Le Vénérable et les parents de Bé Tâm ont déjà dîné, laissant leur

part sur la table. Il n'y a qu'un bol de riz, une assiette de légumes cuits et un peu de sauce de soja. N'étant pas habituée à ce genre de repas aussi sobre, Bé Tâm se contente de manger un peu par politesse, puis reste là à regarder Ngộ-Tánh manger avec grand appétit, elle lui demande:

- « Jeune Sadi ! Est-ce-que votre famille vit dans la pauvreté ? Elle ne vous a donné à manger que du riz, des légumes et un peu de sauce de soja ? C'est pourquoi, je vois que vous mangez avec très bon appétit ? »

- « Mô-Phật ! Ma famille est l'une des plus riches du village. Tous les jours mes parents ne m'ont servi que des plats recherchés. Aujourd'hui, converti, vivant à la pagode, je trouve que : du riz, des légumes, de la sauce de soja sont tout aussi bons, ma vie tout aussi satisfaisante : on mange pour vivre afin de pratiquer la Voie, mais on ne vit pas pour manger ». Ainsi répond Ngộ-Tánh. Bé Tâm poursuit :

- « Jeune Sadi ! Comment se fait-il que votre famille est l'une des plus riches du village, pourquoi vous convertissez-vous ? Pourquoi ne restez-vous pas à la maison pour vivre dans la richesse, et profiter de l'héritage de vos parents ? » Ngộ-Tánh lui demande :

- « Connaissez-vous l'histoire du Bouddha Sakyamuni ? »

- « Oui, Jeune Sadi »

- « Bouddha était né dans une famille royale, prince héritier. IL pourrait accéder au trône de son père. IL avait tout : des palais gigantesques, une femme charmante, un fils magnifique, de l'or, de l'argent, des concubines pour s'occuper de LUI. Et pourtant, IL avait tout abandonné, et était parti à la recherche de la Libération pour se sauver soi-même et pour sauver son prochain. S'IL avait été né dans une famille pauvre, ceux des religions hétérodoxes auraient pu dire que le Bouddhisme était une religion de pauvreté, car ce serait par pauvreté qu'on se convertirait, jamais pour La Libération. Si Ngộ-Tánh était né dans une famille pauvre, Bé Tâm aurait pensé que ma famille était si pauvre, incapable de nourrir Ngộ-Tánh, à tel point qu'elle l'aurait laissé se convertir, vivre à la pagode pour avoir de quoi manger ? » A ces propos, tous les deux éclatent de rire, un rire complice, communicatif, montrant qu'ils ont compris parfaitement le but d'un pratiquant bouddhique extra-mondain.

Après le souper, c'est l'heure de la prière nocturne. Ngộ-Tánh met une soutane jaune, il a l'air charmant, commence à faire tinter la cloche et récite :

1er Verset :

«Je formule le vœu que le carillon de la cloche
Retentisse dans les quatre coins du monde,
Parvienne jusque dans les ténèbres des montagnes de Thiết-Vi,
Purifie le cœur de tous ceux qui l'entendent,
Que tout être vivant parvienne à l'Eveil.»

2ème Verset :

« Au carillon de la cloche, on se sent allégé, apaisé »
En son cœur, s'épanouissent la Sagesse et l'Esprit-Bodhi
On s'éloigne de l'Enfer et s'échappe du Fossé des braises.»

Pendant ce temps, Bé Tâm et ses parents se prosternent devant la statue du Bouddha, le cœur absolument sincère, et concentré, plein de respect. Ensuite, ils s'assoient pour écouter le Vénérable réciter les Sutras. Après la séance de prières, Bé Tâm, extrêmement curieuse, pose à Ngộ-Tánh la question qui lui brûle les lèvres :

« Jeune Sadi ! Quel est le but de la Récitation des Sutras ? Souvent j'ai vu que mes parents, après avoir récité les Sutras, sollicitent plusieurs souhaits : que la famille soit riche, en bonne santé, s'éloigne de toute maladie, toute infirmité, toute calamité ». Ngộ-Tánh ne répond pas, mais il montre du doigt la lune et dit :

- « Bé Tâm, si vous voulez voir la lune, regardez dans la direction de mon doigt, voilà le but de la récitation des Sutras » (Il voulait dire : il faut se servir d'un moyen pour parvenir au but, on récite les Sutras pour parvenir à Bouddha, à comprendre Bouddha). Bé Tâm continue :

- « Jeune Sadi ! Pourquoi faites-vous tinter la cloche ? Quel en est le but ? »

Ngộ-Tánh tape légèrement un coup sec sur le front de Bé Tâm, lui demandant :

- « Bé Tâm ! Êtes-vous Réveillée ? » (Il voulait dire ; faire tinter la cloche pour réveiller l'esprit endormi, aveuglé de l'être humain pour qu'il cesse de créer davantage de mauvais karmas).

- « Respectable jeune Sadi ! Bé Tâm est déjà Réveillée ! Mais encore une dernière question : quel est le but ultime du Bouddhisme ? »

Ngộ-Tánh montre trois doigts, puis finalement lève un seul doigt et dit :
- « Voilà le but ultime du Bouddhisme » (Il voulait dire : comme la capacité intellectuelle de l'être humain est différente, Bouddha a modulé son enseignement de façon à convenir à chacun. Pour cela, IL a d'abord classé son enseignement en trois « Véhicules » (Tam-Thừa). Les voici :
- Véhicule du Bon Entendeur De La Vérité (Thinh-Văn-Thừa)
- Véhicule du Connaisseur Des Interdépendances (Duyên-Giác-Thừa)
- Véhicule du Bodhisattva (Bồ-Tát-Thừa)
Mais à la fin, Bouddha déclarait que le but ultime du Bouddhisme se résume en un seul véhicule : Le Véhicule du Bouddha (Phật-Thừa) et par la même occasion Bouddha conclut que : « Tout être vivant finit toujours par devenir Bouddha »
- « Bé Tâm voudrait encore vous poser quelques questions, cela ne vous gêne pas ? »
- « Mô-Phật ! Absolument pas ! Posez-les toujours ! Si je sais je vous répondrai, mais si je ne sais pas, je me renseignerai auprès du Vénérable-Supérieur ».
- « Jeune Sadi ! Qu'est-ce-que : L'Essence du Bouddha ? »
Ngộ-Tánh montre la lampe-à-huile en train d'éclairer l'autel du Bouddha et dit :
- « La mèche qui éclaire à l'intérieur de la lampe c'est l'Essence du Bouddha ». (Il voulait dire : La Sagesse Lumineuse de l'être humain se trouve innée dans son esprit)
- « Que veut dire : Vô-Minh (manque de lumière) ? »
Ngộ-Tánh souffle sur la mèche qui s'éteint et dit :
- « Voilà : Vô-Minh »
- « Que veulent dire : Giới (Préceptes) ; Định : (Méditation) ; Tuệ (Sagesse) ? Quelles sont leurs relations avec : Tam-Vô-Lậu-Học (Trois études terminales pour obtenir le Fruit d'Arhat) »
Ngộ-Tánh montre le verre protecteur de la lampe et dit :
- « Voilà le Précepte ; la flamme, à l'intérieur, reste immobile c'est la Méditation ; la lumière émanée c'est la Sagesse. S'il n'y avait pas le verre protecteur la flamme serait éteinte par le souffle du vent, donc pas de lumière. A partir des Préceptes, naît la Méditation ; à partir de la Méditation naît la Sagesse. Autrement dit : pas de verre-protecteur, pas de flamme, pas de lumière »
- « Que veut dire : Illusion ? »
Ngộ-Tánh montre l'ombre de Bé Tâm projetée sur le mur et dit :
- « Voilà l'illusion »
- « Jeune Sadi ! Bouddha et être vivant sont deux ou un ? Différents ou identiques ? Comment expliquez-vous cela ? »
Ngộ-Tánh montre deux lampes-à-huile, allume l'une d'elles, et dit :
- « Bouddha est la lampe allumée, l'être vivant est celle qui n'est pas encore allumée. En tant que formes, elles ne se ressemblent pas, mais leur capacité éclairante est identique, leur but commun c'est d'éclairer. »
Ensuite Ngộ-Tánh allume la deuxième lampe et dit :
- « Regardez ! Toutes les deux éclairent de la même manière »
- « Jeune Sadi ! Puisque vous dites que Bouddha et être vivant sont un quoiqu'ils soient deux, qu'ils aient des formes différentes, mais même essence originelle. Alors est-ce-que Bouddha existait avant ou l'être vivant existait avant ? »
Ngộ-Tánh donne à Bé Tâm une mangue et dit :
- « La mangue existe avant ou le noyau existe avant ? »
Bé Tâm ne sait que répondre.
- « Laissez-moi vous expliquer. Dans la mangue existe le noyau, dans le noyau existe la mangue, comme dans la poule existe l'œuf, dans l'œuf existe la poule. Le Bouddhisme appelle cela : Causes-Effets-Causes-Effets ainsi de suite indéfiniment. Il n'y a pas d'antérieur, ni de postérieur.
Ignorant cela, on est : être humain ; éveillé, on est Bouddha.
A partir du Prince Siddhârta, Bouddha Sakyamuni était devenu. Le Prince Siddhârta était le potentiel du Bouddha Sakyamuni, un Bouddha en puissance. »

C'est l'heure du coucher, la famille de Bé Tâm, avant de prendre congé pour rentrer chez eux, se prosternent devant Le Vénérable-Supérieur et Sadi Ngộ-Tánh. Bé Tâm remercie Sadi Ngộ-Tánh pour lui avoir éclairé l'esprit, ouvert les yeux sur le Bouddha dharma.

Les années passent rapidement, sept ans plus tard, Ngộ-Tánh atteint juste sa quinzième année. C'est un beau jeune homme intelligent. Un jour, Ngộ-Tánh demande au Vénérable l'autorisation de rentrer chez lui pour rendre visite à ses parents. Sur le chemin de retour, il rencontre un vieux

couple septuagénaire en train de se rendre à la pagode pour rendre hommage à Bouddha. Le mari demande à Ngộ-Tánh :
- « Quel est votre nom Bouddhiste ? Où est-ce-que vous vivez ? »
- « Mô-Phật ! Vénérable-Supérieur m'a rebaptisé et m'a nommé : Ngộ-Tánh. Je vis à la pagode Bửu-Thắng. », répond-il.
- « Vous vous êtes converti depuis longtemps ? »
- « Depuis que Ngộ-Tánh était capable de réciter le Nom du Bouddha en égrenant un chapelet »
- « Pourquoi récitez-vous le Nom du Bouddha ? »
Ngộ-Tánh ne répond pas mais lève sa main, caresse sa tête rasée et dit :
- « Voilà le but de la récitation du Nom du Bouddha. » (Il voulait dire : le but de la récitation du Nom du Bouddha c'est d'anéantir les afflictions)
- « Quelle méthode pratique-t-on pour se libérer ? »
Ngộ-Tánh sort son chapelet, commence à défaire les grains, donne un à un au vieux et dit :
- « C'est la méthode qu'il faut pratiquer pour se libérer » (Il voulait dire : pour se libérer, il faut anéantir, se dépouiller, petit- à-petit, de toute affliction dans son esprit).
Le vieux le félicite pour sa super-intelligence, et sa parfaite compréhension à propos du Bouddha dharma. Son épouse intervient et pose une question :
- « A la pagode, vous mangez végétarien, mais une fois rentré chez vous, voyant de la viande et du poisson, est-ce-que cela vous donne envie d'en manger ? »
Ngộ-Tánh répond :
- « Madame, est-ce-que vous chiquez du bétel ? »
- « Non je n'ai jamais chiqué du bétel »
- « Vous ne savez jamais chiquer du bétel, alors en voyant les gens chiquer du bétel, est-ce-que vous en avez envie ? »
- « Absolument pas ! »
- « Il en est de même pour Ngộ-Tánh »
La vieille femme continue :
- « Quel est le but de l'apparition du Bouddha en ce monde ? »
Ngộ-Tánh sort de sa poche, une lampe-torche, l'allume, et la lui offre en disant :
- « Quand il fait nuit noire, n'oubliez pas de l'allumer ! Il en est de même en ce qui concerne la venue du Bouddha en ce monde. »
- « Vos explications sont trop élevées, trop savantes, je n'y comprends rien ! »
Son époux intervient :
- « Ngộ-Tánh voulait dire que le seul but de la venue du Bouddha en ce monde c'est d'éclairer les êtres vivants et les aider à découvrir leur nature innée, originelle du Bouddha »
Ensuite le vieux demande à Ngộ-Tánh s'il avait raison ou pas ? Celui-ci se contente de sourire. La vieille femme continue :
- « Savez-vous d'où je viens ? Et où irai-je quand je mourrai ? Voulez-vous m'expliquer clairement ? Et s'il vous plaît, n'employez pas la méthode méditative trop difficile à comprendre pour une vieille femme comme moi. »
Ngộ-Tánh lui demande :
- « Un médecin, où va-t-il ? »
- « A l'hôpital ! Bien sûr ! Pas au marché ! »
Ngộ-Tánh sourit :
- « Exact ! Après son travail, où va-t-il ? »
- « Il rentre chez lui »
- « Un écolier, où va-t-il ? »
- « A l'école ! »
- « Après école, où va-t-il ? »
- « Il rentre chez lui »
- « La poissonnière, où va-t-elle pour vendre ses poissons ? »
- « Au marché »
- « Où va-t-elle après le marché ? »
- « Elle rentre chez elle »
- « Un moine, où va-t-il ? »
- « Il va prêcher »
- « Après la prédication où va-t-il ? »
- « Il rentre à la pagode »
- « Madame ! Il en est de même pour nous. Après la mort, chacun d'entre nous se dirige dans un monde différent selon son karma ; si de son vivant, il a fait de bonnes actions, après la mort, il se dirigera dans un monde bienveillant ; par contre, si, de son vivant, il a fait de mauvaises actions, après la mort il se dirigera dans un monde malveillant. »
A partir de ces explications, la vieille femme tire une conclusion : maintenant, elle sait d'où elle vient, et où elle ira quand elle mourra. Elle ne peut s'empêcher de s'exclamer :
- « C'est tellement merveilleux ! Le Dharma du Bouddha ! Et si difficile à comprendre ! »
Ngộ-Tánh dit :
- « Madame ! Le Dharma du Bouddha n'est ni haut, ni bas ! Comme la capacité intellectuelle des êtres vivants est différente, alors ils pensent qu'IL est haut ou bas »

Pour aider la vieille femme à comprendre, Ngộ-Tánh lui donne un exemple :
- « Quand Ngộ-Tánh était en classe élémentaire, et quand Ngộ-Tánh regardait un exercice de calculs de CM2 (Cours Moyen 2), Ngộ-Tánh n'a rien compris, il l'a trouvé tellement difficile ! Mais ensuite, arrivé en 6ème, je revoyais ces exercices, C'était si facile ! Étant encore simple profane, on trouve que Le Bouddha dharma est si élevé, mais lorsqu'on est parvenu au Fruit de Sainteté, on s'aperçoit qu'il n'y a rien qui soit haut, rien qui soit bas. »
Le vieux intervient :
- « A votre avis, l'existence humaine est heureuse ou malheureuse ? »
Ngộ-Tánh lui donne une paire de lunettes noires, et lui dit de les mettre, ensuite lui demande :
- « Regardez le ciel, qu'en pensez-vous ? »
- « Tout est noir »
Ensuite Ngộ-Tánh lui donne une paire de lunettes blanches, et lui dit de les mettre, et lui demande :
- « Regardez le ciel, maintenant, qu'en pensez-vous ? »
- « Tout est blanc »
- « Monsieur ! Selon vous, le ciel est noir ou blanc ? »
- « Ni noir, ni blanc ! »
- « Pareillement, Ngộ-Tánh voit l'existence humaine de la même façon »
La vieille femme se tenant à côté, n'arrête pas de le féliciter :
- « Quoique jeune encore comment se fait-il que vous soyez aussi intelligent et en parfaite connaissance en ce qui concerne le Bouddha dharma ? »
- « En quoi consiste : La non-Permanence ? »
Ngộ-Tánh montre les cheveux blancs sur la tête de la vieille femme en disant :
- « Voilà, c'est ce qu'on appelle : La non-Permanence. »
- « En quoi consiste : Le Dharma du Bouddha ? »
Ngộ-Tánh montre une barque stationnée au rivage d'un fleuve. (Il voulait dire : Le Dharma du Bouddha est un moyen pour transporter les êtres vivants du rivage des ténèbres au rivage de la lumière de l'Eveil, et de La Libération)
- « Quand vous serez grand, est-ce-que vous vous intéresserez aux filles ? »
Ngộ-Tánh répond :
- « Le passé est déjà passé, le futur n'est pas encore arrivé, Ngộ-Tánh ne s'intéresse qu'au présent. »
- « Qu'est-ce-que : Le Présent ? »
- « Mô-Phật ! Le présent c'est le temps qui s'écoule entre une expiration et une inspiration ».
Le vieux pose à Ngộ-Tánh une question assez personnelle :
- « Si jamais vous deviendriez Bouddha, que feriez-vous ? »
- « Mô-Phật ! Dans le passé, vivant à la maison, Ngộ-Tánh voulait se convertir et vivre à la pagode. Ensuite, vivant à la pagode, maintenant, Ngộ-Tánh veut rentrer à la maison ».
- « Pourquoi ? Pourquoi voulez-vous rentrer à la maison ? Le Vénérable-Supérieur veut-il vous mettre à la porte ? Ou vous chasser ? Ou bien, vous en avez marre de vivre à la pagode ? C'est ce qui vous pousse à vouloir quitter la pagode et rentrer chez vous ? »
- « Mô-Phật ! Absolument pas ! Rentrer à la maison, c'est mon vœu le plus cher ! »
- « Attendez ! Vos propos me semblent incohérents, voire équivoques ! Je n'y comprends rien ! »
La vieille femme intervient :
- « Mon vieux, tu es lent à comprendre ! Ngộ-Tánh voulait dire : Quand il était encore simple profane il voulait se convertir pour devenir Bodhisattva ou Bouddha, ensuite ayant réussi dans sa voie, maintenant Ngộ-Tánh formule le vœu de revenir au monde profane pour secourir et sauver les êtres vivants. Exactement comme un écolier, étant encore élève, il souhaite devenir plus tard enseignant ; devenu enseignant, il veut revenir à l'école pour enseigner les élèves. C'est si simple ! Et pourtant tu ne le comprends pas ! C'est juste ce que j'ai dit, Sadi Ngộ-Tánh ? »
Celui-ci répond :
- « Mô-Phật ! Absolument ! Quel bonheur ! »
- « Mô-Phật ! La nuit va bientôt tomber. Nous voudrions prendre congé pour rentrer à la maison. Nous vous remercions infiniment pour nous avoir donné de merveilleuses leçons sur le Bouddha Dharma. »

Après la séparation du vieux couple, Ngộ-Tánh continue sa route, et rencontre un autre couple d'adeptes bouddhiques plus jeunes d'environ quarante-cinq ans en train de rentrer chez eux après une journée de travail. Joignant ses mains devant la poitrine, Ngộ-Tánh les salue :
- « Mô-Phật ! Bonjour Messieurs dames ! Comment allez-vous ? »

- « Mô-Phật ! Nous allons bien ! Et vous ? Tout va bien à la pagode ? Le Vénérable-Supérieur se porte bien ? »
- « Mô-Phật ! Le Vénérable se porte très bien ! IL vous envoie le bonjour ! »
- « Transmettez-lui nos respects ! »
- « Mô-Phật ! »

Ensuite, le couple invite Ngộ-Tánh dans une petite buvette située au bord de la route, à boire une tasse de thé et à discuter. Après avoir bu une tasse de thé, la femme engage la conversation :
- « Pour quel but Bouddha prêche-t-IL ? »
- « Mô-Phật ! Pour nous enseigner. Voici les paroles enseignées par Bouddha :

S'interdire tout acte criminel
Accomplir tout acte bienfaisant
Purifier son âme
Telle est la volonté du Bouddha.

- « Que veut dire : Réciter le nom du Bouddha d'un cœur absolument concentré, et sincère »
- « Réciter sans en avoir l'air, sans en avoir conscience »
- « Que veut dire : Réciter sans en avoir conscience »
- « Réciter à tel point qu'on ne se rend pas compte qu'on est en train de réciter. Voilà la vraie récitation ! »
- «Comment est-ce ? Expliquez-vous davantage!»
- « Je m'explique : Tant que vous êtes conscient du fait que vous êtes en train de réciter, de l'objet de vos prières, cela veut dire que vous vous y attachez encore, que vous vous attachez encore à votre égo. Alors apparaissent vos illusions ainsi que vos afflictions, comment voulez-vous vous concentrer dans votre récitation ? »
- « Voulez-vous nous donner un exemple pour nous aider à mieux comprendre, s'il vous plaît ? »
- « Mô-Phật ! Par exemple, chaque matin vous voulez vous réveiller à cinq heures pour vous préparer à partir au travail. Mais vous ne pouvez jamais vous réveiller à l'heure prévue, c'est toujours plus tôt ou plus tard. Alors vous vous servez d'un réveil, à cinq heures précises, il vous réveille. Tous les jours, vous vous aidez du réveil pour vous réveiller à l'heure. Au bout d'un certain temps, vous vous y habituez, à cinq heures précises vous vous réveillez par vous-même, sans avoir besoin de réveil. A ce moment-là, même si vous ne voulez pas vous réveiller à cinq heures, c'est impossible, à cinq heures, vous êtes obligé de vous réveiller, il n'y a rien à faire. Il en est de même, pour la récitation du Nom du Bouddha. Tous les jours, d'abord, vous vous aidez d'un chapelet pour réciter. Au bout d'un certain temps, vous vous y habituez, vous pouvez vous en passer, voire, vous n'aurez plus besoin de réciter par la bouche, votre esprit continue toujours à réciter. C'est ce qu'on appelle : Récitation absolument concentrée »
- « Je me rappelle, une fois, il y a longtemps, vous étiez encore simple profane, vous vous rendiez à la pagode, accompagné de votre mère, pour rendre hommage à Bouddha, vous avez demandé au Vénérable : en quoi consiste La Voie de La Libération ? Celui-ci vous a donné une banane, vous a dit d'enlever la peau, et de la manger. Après l'avoir mangée, Le Vénérable vous a demandé si vous avez senti le parfum et le goût délicieux de la banane. Le Vénérable disait que c'était précisément la Voie de la Libération, Que signifie tout cela ? »
- « Mô-Phật ! Il voulait dire : Il faut se débarrasser, se dépouiller de toute affliction, pour découvrir la Voie de la Libération parfaite et absolue. »
- « Oh ! C'était donc cela ? Ce jour-là, vous avez aussi demandé au Vénérable, quel est le but d'un pratiquant extra-mondain ? Pourquoi le Vénérable s'est-il converti lui-même aussi ? Alors le Vénérable, de sa propre main, a pris une banane, enlevé la peau, et en a mangé la moitié, et donné l'autre moitié à votre mère disant que c'est le but d'un pratiquant bouddhique extra-mondain. Que voulait-il dire ? »
- « Mô-Phật ! Il voulait dire : « le but d'un pratiquant bouddhique extra-mondain consiste à se libérer d'abord, puis à libérer son prochain ; à s'éveiller d'abord, puis éveiller son prochain. Voilà la conduite parfaite et absolue d'un pratiquant bouddhique extra-mondain ». Jusqu'à maintenant, j'ai compris tout ce que vous nous avez expliqué, mais quand vous avez demandé au Vénérable : en quoi consiste : Tâm-Chơn-Như (l'Esprit du Vrai-Identique) ? Celui-ci s'est contenté de sourire sans dire un mot. Pourquoi ? Ne saurait-il pas répondre à la question ? Ce ne serait pas possible ? Voulez-vous nous éclairer ?»
- « Mô-Phật ! Absolument pas ! Il voulait dire : Le Vrai-Identique c'est le Vrai qui n'est ni né, ni mort, son essence et sa forme sont tellement immenses qu'il recouvre tous les Dharmas de l'univers. Pourquoi les Dharmas sont-ils différents ? A cause des illusions. Eliminons

toutes les illusions, il n'y aura plus de différence. C'est pourquoi, ces Dharmas, depuis toujours doivent être vécus, ne peuvent pas être exprimés, ni par des paroles, ou autres appellations, ni dans les discussions, ni dans la conscience. Il n'y a aucun changement aucune destruction, car ils sont fondamentalement égaux, identiques, c'est le Seul-Vrai-Identique (Luận-Đại-Thừa-Khởi-Tín) »
- « Maintenant, tout est clair dans ma tête »
Puis, c'est au tour du mari de poser des questions:
- « Qu'est-ce-que le Vô-Minh ? (manque de lumière) »
Ngộ-Tánh ferme ses yeux et dit :
- « Voilà le Vô-Minh ! »
- « Quels sont les dangers que peut causer le Vô-Minh ? »
Ngộ-Tánh, tout en fermant ses yeux, se lève et se met à marcher, heurte une chaise et tombe.
- « Voilà les dangers du Vô-Minh » répond-il.
- « En quoi consistent les désirs passionnés ? »
Ngộ-Tánh prend un verre d'eau, y met une cuillerée de sel et boit le contenu du verre, en disant :
- « Il en est de même des désirs passionnés »
- « Quelle est votre principale responsabilité dans votre carrière monacale ? »
Ngộ-Tánh prend une allumette, allume une bougie, puis se servant de cette bougie, il en allume une deuxième, puis une troisième, ainsi de suite …
- « Voilà ma responsabilité ! »
Le mari se plaint :
- « Vous explications sont trop savantes, si difficiles à comprendre ! »
La femme intervient :
- « La principale responsabilité d'un pratiquant bouddhique consiste à « Truyền-Đăng-Tục-Diệm ». Cela veut dire : perpétuer la flamme du Juste Dharma du Tatagatha, ne pas la laisser s'éteindre. Ai-je raison Sadi Ngộ-Tánh ? »
- « Mô-Phật ! Absolument ! Quel bonheur ! Vous avez bien pénétré le Dharma du Bouddha. Il fait presque nuit. je vous prie de m'excuser ; je dois rentrer pour m'occuper des activités de la pagode et me préparer pour la séance de prières nocturnes, A-Di-Đà-Phật »
Après avoir pris congé du couple, Ngộ-Tánh rentre à la pagode, il se prosterne devant Le Vénérable-Supérieur, celui-ci lui demande :
- « As-tu vu tes grands-parents et tes parents ? »
- « Oui, Maître ! Je les ai vus sur le chemin, et dans une buvette au bord de la route. »
Le Vénérable dit :
- « C'est pareil ! Tous nos grands-parents, nos parents, nos parentés sont précisément nos compagnons de voyage, prenons la même route, nous nous arrêtons pour nous reposer dans l'auberge de l'existence. On s'y rencontre, mais on finit toujours par nous séparer. Le destin vous a poussé à les rencontrer ; vous leur avez prêché, grâce à quoi, ils ont pénétré le Bouddha Dharma. Ils s'interdiront tout acte criminel, accompliront tout acte bienfaisant, purifieront leur âme, quitteront, à jamais, le cycle de morts et de naissances, mettront fin à leurs souffrances. C'est une façon de témoigner de la piété filiale envers vos grands-parents et vos parents de la part d'un moine ».
- « Mô-Phật ! Mon Maître ! »

Histoire du vieux Bhiksu
Sầm Mạc Gia

Dans le passé lointain, à une certaine époque, Bouddha vivait au monastère Kỳ-Viên, lors d'une séance de prédication, Bouddha a abordé l'histoire du vieux bhiksu Sầm-Mạc-Gia.

Vivant à la pagode Kỳ-Viên, il y avait deux vieux bhiksus : Sầm-Mạc-Gia et Lê-Va-Ta. Bhiksu Sầm passait toute la journée à balayer autour de la pagode ; alors que bhiksu Lê passait tout son temps à méditer. Voyant que bhiksu Lê qui, toute la journée, restait assis, immobile, bhiksu Sầm pensait que ce dernier gaspillait du temps, il vint lui dire :

- « Eh ! Bhiksu Lê ! J'ai vu que le long de la journée, vous ne faites rien, vous restez immobile. Vous êtes fainéant, vous ne faites que profiter des offrandes des fidèles bouddhiques ». Devant les paroles désobligeantes du bhiksu Sầm, bhiksu Lê, tout en restant calme, répondit :

- « Ecoutez, mon cher ami bouddhique ! Un Bhiksu ne passe pas tout son temps à balayer. Il devrait se lever à l'aube pour balayer, ensuite sortir pour quêter de la nourriture ; après le déjeuner, il devrait : soit méditer sur les cinq Réceptacles de l'être humain pour bien connaître leur essence, soit lire ou réciter les Sutras jusqu'au soir. Ensuite, s'il le voulait, il pourrait continuer à balayer ». Bhiksu Sầm écoutait

attentivement ces conseils et les appliquait strictement dans sa pratique. En peu de temps, il obtint le Fruit d'Arhat (A-La-Hán).

Les autres Bhiksus de la pagode, remarquaient que, ces derniers temps, autour de la pagode, les ordures s'entassaient de plus en plus, ils demandèrent au Bhiksu Sầm pourquoi il ne balayait plus consciencieusement la pagode comme il l'avait fait auparavant. Celui-ci répondit :

- « Avant, mon esprit était rempli d'afflictions, et d'illusions aussi, j'ai dû tout balayer proprement. Aujourd'hui, mon esprit est purifié, je suis éveillé, je n'ai plus besoin de balayer ». Ses amis bouddhiques n'y croyaient pas, ils pensaient que ce dernier mentait en disant qu'il avait obtenu le Fruit d'Arhat, mais en réalité il ne l'avait pas obtenu. Alors ils vinrent rapporter cela à Bouddha, CELUI-CI leur dit :

- « Bhiksu Sầm-Mạc-Gia disait la vérité, il avait obtenu effectivement le Fruit d'Arhat. Ensuite, Bouddha décréta le verset suivant :

« Celui qui, dans le passé, s'est laissé aller »
« Aujourd'hui, se ressaisit sérieusement »
« Illumine le monde entier »
« Comme la lune dégagée de tout nuage »

Sutra du Dharmapada (Kinh Pháp Cú)
(Verset n°172)

Les Bhiksus méditaient

à propos des bulles d'écume

A une époque, Bouddha vivait à la pagode Kỳ-Viên, située à Sravasti, au cours d'une séance de prédication, Bouddha a abordé l'histoire des Bhiksus qui méditaient à propos des bulles d'écume.

Il y avait un groupe assez nombreux de Bhiksus à qui Bouddha confiait à chacun un sujet de Méditation. Ils s'en allaient alors dans la forêt pour méditer. Au bout d'un certain temps, malgré leurs efforts ils n'arrivaient pas à se concentrer, résultat : rien, aucun progrès. Découragés, ils décidèrent de rentrer à la pagode afin de demander à Bouddha des explications, et un autre sujet de méditation. Sur le chemin de retour, ils ont été surpris par un mirage, ils se mirent à méditer sur ce mirage. Juste au moment où ils mirent les pieds dans l'enceinte de la pagode, la pluie commença à tomber abondamment. De grosses gouttes d'eau tombaient sur le toit de la pagode, puis sur des flaques d'eau où apparurent des bulles d'écumes qui brillèrent, tremblotèrent, puis s'éclatèrent. Observant ces bulles qui apparurent, juste un petit instant, qui s'éclatèrent et disparurent, ils se mirent à méditer profondément : Notre corps, formé de quatre éléments, ressemble à ces bulles, ne dure pas éternellement, il n'est pas permanent, ainsi que nos cinq Réceptacles (Ngũ Uẩn), tôt ou tard, il se désagrègera, et finira par disparaître selon la Loi de l'Impermanence.

Au même moment, dans sa chambre, Bouddha était entré en profonde Méditation. IL voyait que les Bhiksus étaient dans la véranda de la pagode en train de méditer à propos de la Loi de l'Impermanence. Bouddha s'y rendit tout de suite et leur dit :

- « Messieurs ! Vous êtes sur la bonne voie de la Méditation ; en observant les bulles d'écumes vous avez pénétré la Loi de l'Impermanence des cinq « réceptacles ». Poursuivez ce chemin ! ».

Ensuite, Bouddha récitait le verset suivant, grâce à quoi, les Bhiksus obtinrent le Fruit d'Arhat :

« Observant une bulle d'écume »
« Un mirage »
« Il médite sur l'existence humaine »
« Mara le roi de La Mort, voulant le chercher »
« Ne le trouvera pas »

Sutra du Dharmapada (Kinh Pháp Cú)
(Verset n°170)

Histoire d'un chevalier sans peur

(Cette histoire ressemble à celle du grand mandarin San-Tạ-Tị, n°115)

A l'époque où Bouddha vivait au monastère Trúc-Viên, près de Sravasti, au cours d'une séance de prédication,

Bouddha a abordé l'histoire d'un chevalier sans-peur :

Après avoir vaincu l'ennemi à la frontière, chevalier San-Tạ-Tị fit une rentrée triomphale à la capitale ; il a été accueilli gracieusement par le roi Bimbisara (Tần-Bà-Sa-La) à Magatha (Ma-Kiệt-Đà). En récompense de cette victoire, le roi lui a fait cadeau d'une belle jeune fille. Celle-ci, durant sept jours et nuits d'affilée, pour le divertir, chantait et dansait. A la septième nuit, épuisée, à bout de forces, elle s'écroula, et mourut sur le champ d'un infarctus. Devant la mort foudroyante de sa bien-aimée, le chevalier pleurait et souffrait atrocement. Pour chercher un peu de réconfort et d'encouragement, il s'est rendu chez Bouddha. Bouddha lui disait :

- « Ecoutez, chevalier ! Les larmes que vous avez versées à travers de multiples vies antérieures sont bien supérieures à l'eau de tous les océans. Ce monde physique et mental des cinq « réceptacles » (Ngũ-Uẩn) est rempli de douleurs et de souffrances. Il n'y a que des ignorants aveuglés qui s'en passionnent et qui s'y plongent encore ».

Ensuite, Bouddha décréta le verset suivant :

« Allons donc ! Considérez ce monde »
« Comme un carrosse royal superbement décoré »
« Il n'y a que les débiles qui s'y engouffrent »
« Les vertueux et les Sages n'y trouvent aucun attrait »

Sutra du Dharmapada (Kinh Pháp Cú) (Verset n°171)

Histoire d'un jeune Bhiksu

A cette époque, Bouddha vivait à la pagode Kỳ-Viên, lors d'une séance de prédication, Bouddha a abordé l'histoire d'un jeune Bhiksu :

Un jour, un jeune Bhiksu, accompagné d'un vieux Vénérable, se rendit chez Mme Vi-Sa-Kha, une Upasika pour demander de l'aumône. Après avoir reçu sa part de soupe aux riz, le vieux Vénérable partit ; tandis que le jeune bhiksu s'attardait encore un moment. Non loin de là, la petite-fille de Mme Vi-Sa-Kha était en train de filtrer de l'eau potable pour offrir aux invités. Regardant son ombre reflétée dans la jarre, la petite fille se mit à rire doucement. Relevant la tête, elle surprit le bhiksu en train de la dévorer des yeux, un sourire aux lèvres ; la petite fille, honteuse, s'est mise en colère, et d'une voix agaçante, lui dit :

« Eh ! L'homme au crâne rasé ! Pourquoi riez-vous ? Pourquoi vous moquez-vous de moi ? ». Devant de telles insultes, le jeune bhiksu s'est mis aussi en colère ; sans aucun ménagement, lui rendit la monnaie de sa pièce :

« C'est vous qui êtes rasée, ainsi que votre père et votre mère ! ». Commencèrent alors des disputes, qui s'envenimèrent de plus en plus ; soudain la petite fille éclata en sanglots, et courut à l'intérieur de la pagode rapporter à sa grand-mère. Juste à ce moment, le vieux Vénérable rentra. Les deux seniors essayaient de les calmer, mais en vain, ils continuaient à se disputer, aucun des deux n'a voulu céder ni se taire.

Un moment après, Bouddha, en passant par-là, entendit le vacarme de leurs disputes. Quelques jours auparavant, Bouddha, dans sa Méditation, a vu que le jeune bhiksu a réuni toutes les conditions pour obtenir le Fruit de Srotappana (Tu-Đà-Hoàn). Alors, Bouddha s'arrêta. Après avoir entendu leur regrettable dispute, sachant que le jeune bhiksu était encore en colère, se servant de paroles réconciliantes et douces, Bouddha disait :

« Ecoutez ! Mme Upasika Vi-Sa-Kha ! Pour quelle raison, votre petite fille a-t-elle traité ce jeune bhiksu d'homme au crâne rasé ? Quiconque désire se convertir, s'intégrer dans la Communauté des Moines Bouddhiques, doivent se raser la tête. N'ai-je pas raison ? ». Après avoir entendu les explications du Bouddha, le jeune bhiksu se calma, se jeta à genoux et se prosterna devant Bouddha et dit :

« Seigneur Honoré ! VOUS seul me comprenez ! Ni mon Maître, ni Mme Vi-Sa-Kha ne me comprennent ! » A ce moment sachant que l'esprit du jeune bhiksu était redevenu parfaitement calme, prêt à écouter son enseignement, Bouddha lui disait :

« Ecoutez ! Jeune bhiksu ! Sourire en regardant une belle jeune fille risque de provoquer des désirs, des pensées malsaines, il vaut mieux

l'éviter ». Ensuite Bouddha décréta le verset suivant : grâce à quoi, le jeune bhiksu obtint le Fruit de Srotappana (Tu-Đà-Hoàn) :

« Quittez le chemin de la bassesse »
« Ne nourrissez pas de mauvaises pensées erronées »
« Ne vous laissez-vous pas aller, ne rallongez pas votre existence »
« Dans la Métempsychose de ce monde plein de poussières (d'illusions et de tourments)»

Sutra du Dharmapada (Kinh Pháp Cú)
(Verset n°167)

L'argent n'achète pas le temps

Il existait un homme extrêmement radin, toujours en train de glaner chaque centime, n'osant jamais dépenser, ne serait-ce qu'un sou, en dehors de ses besoins nécessaires. A force d'accumuler durant toute sa vie, il a fini par amasser une grosse fortune.

Qui aurait pensé qu'un jour, le Génie de la Mort survint pour l'emmener. Il se rendit compte alors que, jusqu'à ce jour, il n'avait rien profité de la vie avec sa grosse fortune. Aussi, il suppliait le Génie de la Mort :
- « Je vous offre le tiers de ma fortune, il suffit que vous me laissiez vivre encore un an ».
Le Génie, oscillant sa tête, répondit :
- « Impossible ! »
Le riche insistait toujours en suppliant :
- « D'accord, je vous donne la moitié de ma fortune, laissez-moi vivre encore la moitié d'une année, d'accord ? »

Le Génie refusait toujours :
- « Impossible ! »
Immédiatement, le riche proposa :
- « Alors, je vous offre la totalité de ma fortune, laissez-moi vivre encore un jour. Accepterez-vous ? »
- « Impossible ! » répondit le Génie en levant la Faux de la Mort qu'il tenait dans sa main. Extrêmement désespéré, le riche suppliait le Génie une dernière fois :
- « S'il en est ainsi, donnez-moi juste une minute afin que je rédige mon testament ».

Cette fois-ci le Génie accepta sa requête. D'une main tremblante, il rédigea juste une ligne :

- « Quelle que soit la fortune que vous possédez, vous ne pourrez jamais vous acheter, ne serait-ce qu'un jour de votre vie ».

Le temps est extrêmement précieux ! C'est pourquoi, nous devrions honorer chaque minute, chaque seconde. Durant notre existence, il nous arrive parfois de nous laisser aller, de tuer le temps dans des activités sans importance. Sachez que le temps une fois passé, ne reviendra jamais. C'est la raison pour laquelle, nous devrions en profiter au maximum, pour bien vivre notre vie. Cessez de pousser des soupirs et de vous plaindre pourquoi le temps passe-t-il si lentement, pendant que les travailleurs, les écrivains se démènent pour courir avec la montre, utilisant chaque heure, chaque jour, pour terminer leurs œuvres ; alors que nous autres, nous restons ici : certains se font du mal, se reprochent pour une déception d'amour ; d'autres, allongés sur le lit, dégoûtés de la vie, attendent que passent les jours. Allons donc ! Réveillons-nous ! Pour retrouver la joie de vivre ! Le but de notre existence ! Afin de pouvoir vivre dans la paix et le bonheur !

Le temps ne s'achète pas ! Aussi, nous devons l'utiliser d'une façon intelligente et logique ; ne soyons pas affectés par une parole d'une personne anodine, pour gâcher, détruire notre propre vie en nous lançant dans des divertissements luxurieux, superflus, nous anéantissant nous-mêmes, détruisant notre propre avenir, ainsi que notre temps ! N'oublions pas que la montre s'achète mais le temps ne s'achète pas !

Qu'est-ce-que le destin ?

Un jeune homme, profitant des premiers jours du Nouvel An vient consulter un Maître-Méditateur, et lui pose une question qui l'a tourmenté depuis longtemps, à propos de son destin.

- « Monsieur ! Dites-moi, s'il vous plaît, le Destin existe-il dans la vie ? »
- « Bien sûr ! » répondit le Maître-Méditateur.
- « Voulez-vous me montrer où se trouve mon destin ? »
Le Maître-Méditateur lui dit de tendre sa main gauche, paume en haut et lui dit :
- « Voyez-vous ? Voici votre ligne de sentiments, voici celle de vos professions, et voici celle de votre espérance de vie ».

Ensuite, il lui dit de fermer lentement sa main puis la serrer fortement ; puis il lui demande :
- « Dites-moi maintenant, où sont ces lignes ? »
Le jeune homme répond vaguement :
- « Dans ma main, évidemment ! »
- « Donc : maintenant vous savez parfaitement où se trouve votre Destin ».
Sur ce, le jeune homme s'éveille immédiatement, il réalise que son Destin se trouve justement dans sa main.
- « Ecoutez jeune homme ! La célébrité, la vie professionnelle, la vie sentimentale, familale … qui vous accablent en permanence, vous fournissent autant de bonnes occasions pour vous construire. Vous devriez savoir les saisir au bon moment, et au bon endroit. Personne ne se baigne deux fois dans un même cours d'eau, car le cours d'eau coule éternellement. De même, quand les bonnes occasions se présentent, vous devriez les saisir et vous y investir à fond, de tout cœur, vous récolterez sûrement de bons résultats ».

66 phrases dans l'étude du Bouddha dharma

34. Le temps s'en va. Laissez le temps emporter toutes vos afflictions, vos ennuis.

35. Si vous dramatisez les choses sans importance, vous ne faites qu'empirer vos souffrances.

36. Si vous vous doutez de la bonne intention des autres, vous êtes irrécupérable, complètement perdu.

37. Prononcer une parole mensongère amène à inventer dix phrases imaginaires pour la combler. Pourquoi vous infliger autant de peines ?

38. Vivre un jour oisif, sans accomplir une bonne action, vous ressemblez à un voleur.

39. Ne blessez personne ni physiquement, ni moralement.

40. Le silence c'est la meilleure réponse à toute calomnie.

41. Respecter les autres c'est se respecter (se décorer) soi-même.

42. Celui qui aime sans condition, possède tout.

43. Au hasard vous arrivez, il est donc naturel, que vous partirez. Par conséquent, vous devriez « accepter le hasard tout en respectant le naturel, et accepter le naturel tout en respectant le hasard ».

44. La compassion c'est votre meilleure arme personnelle.

45. Il vous suffit d'affronter la réalité pour pouvoir la surmonter.

46. La conscience c'est le tribunal le plus juste de chacun d'entre nous, vous pouvez tromper les autres, mais jamais votre conscience.

47. Celui qui ne s'aime pas, ne pourra jamais aimer qui que ce soit.

48. Parfois, nous nous demandons intérieurement : « Que pourchassons-nous dans cette vie ? Pourquoi vivons-nous ? »

49. Ne vous éloignez pas de votre meilleur ami pour une petite rivalité, de même n'oubliez pas votre reconnaissance envers quelqu'un pour une petite colère.

50. Remercions le Ciel pour tout ce que nous avons, remercions le Ciel aussi pour tout ce que nous n'avons pas.

51. Et si vous vous mettiez à la place de l'autre pour penser, cela s'appellerait de la compassion.

52. Dans vos propos, abstenez-vous de critiquer, de blesser, de vous vanter, de crier sur les toits, les défauts des autres, vous transformeriez vos ennemis en amis.

53. En toute franchise, affrontez vos défauts, vos absurdités, ne vous trompez-vous pas vous-même.

54. La loi des « causes à conséquences » ne vous doit rien, aussi n'en tenez pas rancœur ! Ne vous en prenez pas à elle !

Chùa/Pagode Kim Quang
75, Allée Circulaire
93600 Aulnay Sous Bois-France
Tel.: 01.48.69.01.24 - 07.82.49.25.84
e-mail: kimquangtu@gmail.com
website : chuakimquang.com

Phật Pháp/Bouddhadharma 50

☐ Tờ Phật Pháp/La revue Bouddhadharma từ số 50 trở đi sẽ chỉ đưa lên mạng internet trang web: chuakimquang.com, không còn gởi qua đường bưu điện nữa và sẽ ra mỗi kỳ vào những ngày lễ lớn trong năm như trước đây/A partir numéro 50 upload sur l'internet dans la site web: chuakimquang.com, n'envoie plus par la Poste, édition les grandes fêtes dans une année.

☐ Chủ Nhiệm: Vén. Thích Minh Định-Hằng Lý.

☐ Những bài dịch tiếng Pháp và đánh máy : Cô Lý Thị Minh Nguyệt.

☐ Báo Phật pháp chuyên đăng những Kinh, Chú giảng giải và Khai thị, Pháp ngữ của Hoà Thượng Tuyên Hoá, để chúng ta nghiên cứu, tu học, lợi mình, lợi người.

☐ Mọi chi tiết xin liên liên lạc về :
Chùa/Pagode Kim Quang
75, Allée Circulaire
93600 Aulnay Sous Bois-France
Tel : 01.48.69.01.24 - 07.82.49.25.84
e-mail: kimquangtu@gmail.com
website: chuakimquang.com

Trong số này/Sommaire

Kinh Hoa Nghiêm giảng giải	3
Kinh Pháp Hoa giảng giải	6
Chú Lăng Nghiêm giảng giải	9
Chú Đại Bi giảng giải	11
Pháp ngữ của H.T Hư Vân	13
Hám Sơn đại sư tự truyện	17
Cuộc đời H. T Tuyên Hoá	20
Chia sẻ sự lạc quan	22
Chú tiểu Ngộ Tánh	23
Niềm an vui vì biết đủ	31
Chuyển cận tử nghiệp ác thành.....	33
Hạnh phúc hay khổ đau đều do mình	35
Vàng ngọc phải chăng là hạnh phúc?	35
Ý nghĩa chắp tay như thế nào?	36
Bát cơm cúng dường	37
Tín tâm cúng dường Tăng Bảo	38
50 danh ngôn của đức Dalai Lama 14	40
Ấn tống Kinh	41
Vie et oeuvre prédicante du Vén...	45
Un jeune Sadi éveillé	48
Histoire du vieux Bhiksu Sầm Mạc Gia	58
Les Bhiksus méditaient à propos ...	59
Histoire d'un chevalier sans peur	59
Histoire d'un jeune Bhiksu	60
L'argent n'achète pas le temps	61
Qu'est ce que le destin?	61
66 phrases dans l'étude du Bouddhadharma	62

Tết Ất Mùi 2015
tại Chùa Kim Quang

☸ Lễ đón giao thừa: đêm 30 tháng chạp âm lịch, tức tối Thứ Tư 18/02/2015.

23 h 30 : Tụng Kinh và rước Vía Di Lặc.
00 h 15 : Nói về ý nghĩa xuân trong cửa Phật.
00 h 15 : Phát lộc và lì xì đầu năm.

☸ Tết Nguyên Đán : Mồng Một đến Mồng Bốn Tết, tức Thứ Năm 19/02 đến Chủ Nhật 22/02/2015.

09 h 30 : Phát lộc, lì xì đầu năm.
10 h 15 : Tụng Kinh Phổ Môn, cầu thế giới hoà bình, chúng sinh an lạc.
11 h 00 : Khai thị, chúc Tết đầu năm.
12 h 00 : Thọ trai.

☸ Mồng Bốn Tết chủ Nhật 22/02/2015:

10 h 00 : Tụng Kinh Phổ Môn cầu an đầu năm.
11 h 00 : Khai thị nhân ngày đầu năm mới.
12 h 00 : Thọ trai.
13 h 30 : **Văn Nghệ mừng xuân Ất Mùi**, do các Phật tử Chùa Kim Quang và các anh em nghệ sĩ phát tâm góp phần văn nghệ vui xuân đầu năm.
18 h 00 : Hoàn mãn.

Đại Lễ Thượng Nguyên ngày 08/03/2015

(nhằm ngày 18 tháng Giêng năm Ất Mùi)

Chương trình như sau :

09 h 30 : Chư Phật tử tề tựu
10 h 00 : Khoá lễ tụng Kinh Dược Sư.
11 h 00 : Cúng Phật và tuyên sớ cầu an giải hạn đầu năm.
11 h 30 : Thuyết pháp.
12 h 00 : Thọ trai.
14 h 00 : Lễ Quy Y Tam Bảo.
14 h 15 : Thí thực.
17 h 00 : Hoàn mãn.